

LAM-GIANG



# HÙNG-KHÍ TÂY SƠN



1968



**LAM - GIANG**



# **HÙNG-KHÍ TÂY-SƠN**

**1968**

**NHÀ XUẤT BẢN**

**SƠN - QUANG**



IN TẠI NHÀ IN ĐỨC - PHỒ  
2888. TRẦN-KẾ-XƯƠNG — GIA-DINH (SAIGON)

## **VỊ TRÍ CHIẾN LƯỢC QUAN TRỌNG**

### **CỦA BÌNH ĐỊNH**

PHÍA Nam Hải-Vân Sơn đã dựng trùng quan, nước mây man mác là đất Quảng Nam quanh vắng đìu hiu. Năm 1470, vua Lê-Thánh-Tôn mở đất vào đến tận Thạch Bi Sơn dựng bia đá trên núi để ghi giới hạn, nhưng khoảng đất gồm giữa hai hoành sơn, Hải Vân và Thạch Bi còn bỏ vắng ít người. Cuối thế kỷ thứ 16, Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Hóa Châu chiêu dân lập ấp, cố ý gây dựng cho phương nam đầy đủ thực lực để mưu việc lớn, định bá đồ vương.

Năm 1602, Nguyễn Hoàng chia doanh Quảng Nam làm 5 phủ, mà hai phủ phía nam xa hơn hết là Quảng Ngãi và Qui Nhơn. Danh từ Qui Nhơn xuất hiện từ đấy. 49 năm sau, Qui Nhơn đổi làm Qui Ninh, nhưng đến năm 1742, thì danh hiệu Qui Nhơn được khôi phục lại.

Qui Nhơn là theo về kẻ có ơn, kẻ biết thương dân, lấy dân làm gốc nước.

Danh từ Bình Định chỉ xuất hiện trong thời nhà Nguyễn Gia Miêu và nhà Nguyễn Tây Sơn tranh hùng. Năm 1799, Nguyễn Vương Phúc Ánh hạ được thành Qui Nhơn, sai Võ Tánh và Ngô Tùng Châu trấn thủ, đổi tên Qui Nhơn làm Bình Định.

Mãi đến thời Pháp thuộc, danh từ Qui Nhơn mới dùng để chỉ thị trấn trên cửa biển Thị Nại hiện giờ. Tuy thế, trong đám dân gian danh từ cửa Dã cũng còn thông dụng. Thị trấn Qui Nhơn dần dần phá

triển, thành một trung tâm thương mại cho tỉnh Bình Định và cả hai tỉnh Pleiku, Kontum.

Nhận xét về giá trị chiến lược của tỉnh Bình Định, Đại Nam nhất thống chí ghi rằng :

Phía đông giáp biển, phía Tây chế ngự các sơn động, đèo bển Đá ngăn đường phương bắc, đèo Cù Mông che giữ phía nam, núi có danh tiếng thì như núi Phước An, núi Chân Chàng là nơi sơn mạch tụ hội. Sông lớn hình thì như sông Ba Huyện, sông Lại Dương tràn trải khắp bình nguyên, tạo hình vạt áo, dọc theo miền núi có các đồn bảo Trà Vân, Phương Kiệu đủ làm cho mạnh việc biên phòng, mặt biển có các cửa Kim Bồng, Thị Nại trấn giữ Đông Hải, thiết Bình Định có cái thế kim thành thang tri — thành lũy cứng như sắt, chiến hào hiểm như chứa nước sôi — vậy.

Ruộng đất phi nhiêu thuộc vào ba hạng tốt — Thị hòa, thị đồn thị từ — xưa gọi là xứ Đồng Nai nhỏ. Dân cư trù mật, xe thuyền tụ họp, sông núi trong ngoài đều thuận tiện cho việc tiến lên có thể đánh người, lui về có thể giữ mình, thật là một trấn lớn xung yếu của Tây Kỳ vậy.

Lời thăm định của Đại Nam nhất thống chí rất đúng sự thật. Trong thời kỳ chiến tranh Đông Dương, Liên khu V, 4 tỉnh Nam Nghĩa Bình Phú là một căn cứ kháng chiến bền vững ở Trung Việt. Vì Bình Định có cái thế chiến thủ đều tiện lợi, nên các cơ quan đầu não của Việt Minh đều đóng tại đây.

Và cũng chính tại đây, anh em có tư tưởng Quốc dân cách mạng lập ra mặt trận Quốc Dân Bài Cộng, mưu việc chiếm cứ Bình Định làm chiến khu chống lại bè lũ Việt Minh đảng trị độc tài

Kể từ có mưu trí, kiến thức thường giống nhau mặc dầu chính kiến và chủ nghĩa khác biệt. Anh em Quốc Dân bài Cộng cũng như Việt Minh ai nấy đều nhận thức rõ ràng giá trị chiến lược của tỉnh Bình Định. Mưu việc lớn phải lấy tỉnh Bình Định làm gốc. Anh em Tây Sơn được tỉnh Bình Định thì hưng nghiệp vương. Vua Chiêm Thành Trà Toàn mất, tỉnh Bình Định thì vận nước điều linh, không còn mong gì hưng khởi

---

(1) Lấy Phú Xuân — Huế — làm trung tâm nằm ở phía bắc gọi là Hữu trục xa gọi là Hữu Kỳ đất nằm ở phía nam gọi là Tây trục, xa gọi là Tây Kỳ.

nửa Bình Định dân đông lương đủ, quả là đất quyết định sự an, nguy tồn vong cho cả một quốc gia.

Một sự tình cờ hay do thiên số an bài từ trước. Trong 9 năm gia đình trị họ Ngô, Ngô Đình Diệm có cái lật cất nhỏ các lĩnh đã có sẵn để thành lập tỉnh mới. Chương Thiện, Hậu Nghĩa ở Nam Phần, Quảng Tín Bình Tuy ở Trung phần là kết quả của sự phân định kiến trí ấy.

Riêng về Bình Định, chẳng những không bị cắt xén mà lại còn được mở rộng hơn thời Pháp thuộc, gần bằng địa giới thuở Tây Sơn. Diện tích hiện thời của Bình Định 9540 cây số vuông, trong đó quận An Túc ở phía tây Trường Sơn chiếm 3.315 cây số vuông. Dân số toàn tỉnh là 830.000 người.

Một tỉnh lớn sản xuất nhiều nhân tài đủ năng lực kuông phò nạn nước.

Người đánh đuổi 20 vạn quân Thanh xâm lược là vua Quang Trung. Các tướng có dự trận đánh ấy là đô đốc Lộc, người Kỳ Sơn, đô đốc Tuyết châu gọi Vua Quang Trung bằng cậu

Hai danh tướng đệ nhất của nhà Tây Sơn sau ngày vua Quang Trung băng hà là Trần Quang Diệu và Vũ văn Dũng. Vũ văn Dũng là người Bình Khê, xét theo địa lý thuở đó thì Diệu và Dũng đều là người huyện Tuy Viễn. Một nữ tướng làm nổi danh cho võ nghệ Bình Định trên toàn quốc là Bùi Thị Xuân người thôn Xuân Hoà nay thuộc xã Bình Phú quận Bình Khê

Trong thuở Nhị Nguyễn tranh hùng, nhà Nguyễn Gia Miêu dùng Hồ Thanh Nhân, Châu Văn Tiếp, Võ Tánh làm trụ cột. 3 người này được người đời gọi là *Gia Định Tam Hùng*. Trong số tam Hùng có một người i Bình Định là Châu văn Tiếp gốc người Phù Mỹ, dời vào Phú Yên sau nữa mới vào Gia Định. Lại như trong số ngũ quân của vua Gia Long thì hậu quân Lê Chất là người Phù Mỹ (Bình-Định). Lê Chất từng làm Tổng Trấn Bắc Hà thay Nguyễn Văn Thành cho đến khi chức này bị bãi bỏ (năm 1.823)

Nói tóm lại nhân tài Bình Định là thứ nhân tài làm được việc lớn chứ không có một chút sở trường nào về việc tranh địa vị nhỏ nhặt, vận động thăng quan tiến chức ở chốn triều đình.

Núi sông hùng vĩ có ảnh hưởng đến tâm lý con người. Tâm lý hào hùng của người Bình Định có lẽ do hùng khí dãy núi Tây Sơn hun đúc. Cái thuyết « địa linh nhân kiệt » đất anh linh sinh người hào kiệt là kinh nghiệm quan sát của người xưa, những kinh nghiệm truyền thụ từ ngàn đời và được kiểm chứng qua những biến cố lịch sử.

Đất Bình Định trọng yếu, người Bình Định hào hùng, có sao trong thời quốc nạn khói lửa toi bời hiện giờ, Bình Định không giữ được một vai trò xứng đáng trong công cuộc cứu nước và dựng nước ?





# TRƯỜNG SƠN THƯỢNG VẬN



## Rừng núi

Hiện giờ, đất nước Việt Nam—tính chung 2 miền Nam Bắc— rộng được 326.000 cây số vuông, Rừng chiếm 135.000 cây số vuông đất lưu hoang, cây cối thưa thớt, không hẳn là rừng, không hẳn là đất có thể đem lại nhiều lợi tức cho việc khai khẩn, chiếm hết 100.000 cây số vuông. Như vậy, bình nguyên chỉ chiếm được một diện tích gần 1/4 toàn cảnh.

Bình nguyên Đồng Nai, Cửu long là phước địa vì vừa rộng rãi lại vừa phì nhiêu. Bình nguyên sông Nhị Hà tuy nhỏ hẹp, nhưng đó là căn cứ dựng nước đầu tiên của người Việt sau ngày khôi phục độc lập chấm dứt 1 thời kỳ Bắc thuộc kéo dài từ năm 111 Tr T.L. đến năm 938 năm Ngô Quyền đại phá quân Nam Hán ở Bạch Đằng Giang.

Trung Việt chỉ có những ô bình nguyên duyên hải nhỏ hẹp.

Trường Sơn Việt Nam cũng như Trường Bạch Sơn Mãn châu có hình thể vòng cung, quay lưng ra phía Thái Bình Dương, Trường Sơn có nhiều chi nhánh chạy theo hướng đông — tây, ngăn giải đất gần biên của Trung Việt thành nhiều ô nhỏ hẹp, Hoành Sơn Quảng Bình, Hải Vân Sơn, Đại Lãnh là những bức tường thành thiên nhiên địa thế oai hùng và hiểm trở.

Trong các ô bình nguyên duyên hải, bình nguyên Bình Định thuộc loại phì nhiêu, Ruộng đất ở đây thuộc vào 3 loại Thi Đôn Thi Túc

Thi Hòa, cung cấp đủ các loại ngũ cốc cần thiết cho đời sống dân chúng,

Cung núi Trường Sơn vào đến Bình Định thì từ hướng tây bắc — đông-nam chuyển sang hướng Bắc nam. Sau lưng dãy núi Tây Sơn là cả một vùng cao nguyên khoáng đạt.

Hình thế rừng núi và bình nguyên đã tạo cho Bình Định một sắc thái oai hùng đặc biệt nên người Chiêm gọi Bình Định là Thần Châu (Vijaya)

## X

## X X

Sử sách của người Pháp, bất luận là sử sách cũ như của Pavie, Robequain, sử sách mới như của Gourou, Dufeil đều chưa đựng một điểm sai lầm đặc biệt quan trọng, đề ra vô số ngộ nhận và ngu nhận khác. Đó là điểm nói về rừng núi và quả quyết rằng cơ thể người Việt không thích hợp với miền núi. Miền núi là lãnh vực riêng của các sắc dân và ở Trung Việt thì các miền đất cao thuộc về người Indonésien, xưa ta quen gọi Mọi, ngày nay gọi là dân Thượng. Người Pháp cố tình quên rằng truyền thống lập quốc của người Việt là chiếm trọn miền sơn hải, không bỏ đất hoang. Hồng Bàng kỷ khởi từ năm 2879 trước T-L và chấm dứt vào đời Hùng Vương cuối cùng năm 258 Tr. TL.

Lạc Long Quân và bà Âu Cơ chia con, 50 người con theo mẹ lên núi (giòng Tiên), 50 người theo cha xuống biển (giòng Rồng). Đại Nam quốc sử diễn ca, chép rằng:

*Chia con sự cũng lạ đời,  
Quy sơn, quy hải khác người biệt ly,  
Lạc Long về chốn Nam thủy,  
Âu Cơ sang nẻo Ba Vì Tản Viên,  
Chủ trương chọn một con hiền,  
Sửa sang việc nước nổi lên ngôi rồng,*

Người Việt không hề sợ núi rừng như các nhà học giả Pháp đã tưởng tượng ra, Trái lại, trong những thời quốc nạn người Việt đã

biết lợi dụng địa thế hiểm trở của rừng núi và lập những căn cứ đánh bại quân xâm lăng

Lê Lợi đã khởi nghĩa Lam Sơn miền Thượng du Thanh Hóa, dùng rừng núi Châu Hoan, Châu Ái (Nghệ An, Thanh Hóa) và Châu Ngọc Ma ở phía tây Trường Sơn để gây dựng lực lượng kháng chiến lâu dài. Vua Hàm Nghi, Phan Đình Phùng đã dùng rừng núi Thanh Nghệ, Tĩnh Bình mà chống lại oai v của người Pháp. Nếu người Việt sợ rừng núi như các nhà sử địa người Pháp đã nói bá vơ thì chắc chắn việc xâm chiếm Việt Nam sẽ dễ dàng hơn và thực dân đã sớm đắc chí, ăn no ngủ kỹ, chứ không phải tổn thương hao binh, vất vả nhiều trong công cuộc bình định.

## Biên phòng và Sơn phòng

Rừng núi có quan hệ lớn với việc phòng giữ biên thùy. Các quốc triều Việt Nam đều có những chính sách khôn khéo để phòng giữ biên cương.

Đối với những sắc sơn dân, nhà Lý có nhiều phương lược đãi ngộ rất có ân nghĩa, đủ khiến cho các tù trưởng ở biên cương hết lòng bảo vệ từng tấc núi, tấc sông.

Năm 1029 vua Lý Thái Tông gả Bình Dương công chúa cho Tù Trưởng Lạng Châu là Thân Thiệu Thái.

Năm 1036, gả Kim Thành công chúa cho châu mục Phong châu, lại gả Trường Ninh công chúa cho châu mục Thượng Oai.

Các vị Tù Trưởng này từ trước đến nay đối với nhà Lý, đã có nghĩa vua tôi giờ lại thêm tình nghĩa cha con, như thế là chủ trương đặt đoàn kết được thực hiện với tất cả chân tâm thân ái.

Trong lịch sử Việt Nam không hề có chủ trương kỳ thị chủng tộc chủ nghĩa vị chủng hẹp hòi và tai hại như ở các nước Âu Mỹ vẫn tự phụ là cường quốc dân chủ, tự do,

Thời Trần, chính sách biên phòng ở vùng rừng núi nhờ có Trần Nhật Duật là người thông thạo các thứ tiếng Thổ, Mán nên những khi ở biên cương có sự phản nghịch, triều đình ít dùng đến binh lực mà vẫn

phủ dụ được yên.

Cuối đời Nhân Tông, tù trưởng vùng Đà Giang là Đốc Mật làm phản. Vua sai Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật đem quân trấn định. Vương đến nơi, dùng tiếng địa phương hiểu dụ, các man động đều đem lễ vật đến dâng nạp và xin hàng. Vương uống rượu cần, đàm luận đạo lý và chính trị với các tù trưởng, đem dụ vào các cuộc múa hát ở các sào huyệt, đi sâu vào các căn cứ hiểm trở mà không gặp sự phản trắc nào. Lúc sắp đem quân về, tù trưởng Ma Văn Khải đưa tặng Vương một quyển sách cổ, nói là của ông tổ năm đời Ma Văn Cao truyền lại. Vương biết là thứ chữ Hán rất xưa, gia công phiên dịch ra Hán văn, đặt tên sách là *Lĩnh Nam dật sử*.

Khi làm trấn thủ Hóa Châu, Vương thường cỡi voi đi vào các thôn xóm Chiêm Thành, dùng Chiêm ngữ giao du với các hào trưởng địa phương, ở đêm với họ, có khi suốt cả tuần mới về. Đời vua Anh Tông sứ thần nước Mã Tích đến cống, trong triều không ai biết là người nước nào, vua phải triệu Chiêu Văn Vương từ Thuận Hóa trở về để lo việc ứng đối.

Nếu không có người học rộng, hiểu biết ngôn ngữ, phong tục, tập quán của Sơn dân thì không làm sao gây được tình thông cảm sâu xa như Chiêu Văn Vương đã từng thực hiện.

Trong những trường hợp vạn bất đắc dĩ chiêu dụ không được, người gây loạn muốn tạo thành biến động lớn, triều đình phải dùng binh lực đánh dẹp. Dẹp loạn là dễ yên dân nhiều khi nhà vua phải thân chinh để cho tướng sĩ hết lòng, cuộc nội loạn chấm dứt cho mau, nhân dân bớt nỗi lầm than vì binh lửa.

Đời Lê sau ngày đuổi giặc Minh, có lần vua Thái Tổ phải thân chinh đánh các động ở biên thủy Hoa Việt. Phần nhiều những cuộc rối loạn ở đây đều do các quan lại Trung Hoa xúc nhiễm. Thâm ý của họ là muốn đục nước béo cò. Vua Thái Tổ thân chinh, đánh tan loạn quân của Đèo Cát Hãn, ngài có làm bài thơ hoài cảm và thuật sự như sau:

*Bắt từ vạn lý chinh sư đồ,*

*Duy đục biển manh xích tử đồ.*

*Thiên địa bất dung gian đảng tại.  
Cổ Kim thủy xá bần thần tru ,  
Trung lương tự khả ứng đa phúc,  
Bạo bần chung nan bảo nhất khu  
Đới lệ bất di thần tử tiết .  
Danh thủy vạn cổ dữ sơn cu ,*

Bản dịch của Lam Giang

*Chẳng nề ngàn dặm ra quân  
Đẹp yên mối loạn cho dân được nhờ  
Phường gian quý rồi cõi bờ  
Xưa nay phép nước bao giờ dung tha ?  
Người trung hưởng phước hằng sa  
Còn như phản nghịch khó mà toàn thân  
Đã tan sóng cạn mấy lần  
Ngàn năm danh liệt trung thần còn thơm*

Đại lược thì triều đại nào, Lý, Trần, Lê cũng đều dùng chính sách *ân uy tương tế* để giữ an ninh ở biên cương và trấn định các sắc dân thiểu số. Dùng *ân* là để cho họ tâm phục sống hòa đồng với đại gia đình Việt tộc, hưởng phước thái bình chung. Dùng *uy* là cốt để tỏ ra mình có thừa uy vũ để bắt họ phải thần phục, nếu họ gây ra biến loạn thì phải chịu tất cả những hậu quả thảm hại ghê gớm lắm.

Vừa có *ân* vừa có *uy*, có biện pháp chính trị lại có biện pháp quân sự, văn võ gồm đủ đạo, trị nước như vậy kể ra cũng đáng khuôn thức thánh hiền lắm.

Nhưng không có triều đại nào đối với các sắc dân miền núi có được chính sách *dại đức hòa đồng* như triều đại Tây sơn.

## **Tây Sơn : chính sách Đại đức hòa đồng**

Gốc tổ nhà Nguyễn Tây Sơn ở huyện Hưng Nguyên ( tỉnh Nghệ An) khoảng năm 1655 — 1660 trong chiến dịch đánh nhau-lần thứ tư giữa họ Trịnh — họ Nguyễn, các tướng Nam Hà là Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Hữu Dật chiếm được 7 huyện phía nam sông Lam Giang, dân ở Nghệ An theo về chúa Nguyễn rất nhiều. Một số người tự ý di cư vào Nam khai

khân đất mới .Tổ tiên nhà Nguyễn Tây Sơn cùng một gốc họ Hồ với Hồ Quý Ly , đã vào lập nghiệp ở Bình Định, nổi đời làm hào trưởng ở ấp Tây sơn . Ấp Tây sơn lúc ấy bao gồm trọn miền rừng núi phía Tây Bình Định , rộng hơn quận An Túc bây giờ vì còn phần đất núi ở quận Bình Khê quận Phù Cát . Nói cho đúng thực tế lịch sử , biên giới ở phía tây không rõ rệt , hễ ân đức và oai võ của mình lan đến đâu là địa giới của mình mở rộng đến đó .

Đến đời Hồ Phi Phúc vợ là Nguyễn Thị Đồng sinh hạ 3 anh em Tây Sơn : ông Hai Nhạc, ông Ba Bình , thầy Tư Lữ .

Nguyễn Nhạc là một hào kiệt áo vải nuôi chí lớn từ lâu . Lúc bấy giờ trong chốn dân gian có lưu truyền câu sấm *Phụ nguyên tri thống* nghĩa là họ Nguyễn nắm được giềng mối thống nhất quốc gia . Ông Hai Nhạc liền đổi họ Hồ làm họ Nguyễn ,

Ngày thường, ông kết giao tân khách, mở việc buôn bán, chuyên vận cá muối lên cao nguyên, đưa lâm sản về đồng bằng, thu được lợi lớn . Vì có gia tư hào hữu ông được cử làm biện lại coi việc thu thuế miền Tây . Sử sách nhà Nguyễn Gia Miêu cho rằng ông đánh bạc thua, trốn vào rừng làm giặc, đó chỉ là nội luận diệu vu cáo nhằm triệt hạ uy thế đối phương mà thôi

Có tài sản lớn , thông thạo địa hình rừng núi Tây Nguyên và được các sắc dân thiểu số ở Trường Sơn quy phục , Nguyễn Nhạc chỉ còn chờ cơ hội thuận tiện là phát cò khởi nghĩa tranh bá đồ vương

Cơ hội ấy là sự đánh mất lòng dân của chúa Vũ Vương tin dùng quyền thần Trương Phúc Loan gây thành họa lớn . Năm 1765 Vũ Vương mất , Trương Phúc Loan lập người con thứ 16 của Vũ Vương mới có 12 tuổi lên ngôi ấy là chúa Định Vương . Trương Phúc Loan tha hồ lạm quyền, vét tài nguyên trong nước làm của riêng, chiếm mỏ vàng Trà Nô làm ấp phong, tích trữ vàng bạc, mua quan bán tước, dân chúng xa gần đều thất vọng .

Trước ngày khởi nghĩa , Nguyễn Nhạc đã loan tin mình bắt được gương thần trong núi Yên Dương. Các sắc dân Thượng đều tôn thờ Nguyễn Nhạc là vua Trời ngay từ lúc nghĩa kỳ mới phát ( năm Tân Mão

1771 Các phiên vương Chiêm Thành Po Ti Thuu Da Pa Phuh (1763—1780)  
Po Ti Thuu Da pa Rang (1780 1781) khuynh tâm ngưỡng mộ từ lâu

Sách « Phương Đình Địa dư Chi » của nhà Nguyễn Gia Miêu ghi  
rằng:

Nhà Tây sơn vừa dấy, Phiên vương Chiêm Thành đem các bảo  
vật truyền quốc ra hàng. Về, sau lúc vua ta đã khôi phục Gia Định sai người  
đi gọi họ về hàng, không ai chịu theo. Phiên Vương là Chương Cơ Tá lại  
còn bắt giam sứ giả của vua ta nữa. Chỉ có hai người phiên liêu về hàng  
vào năm 1793 được ban tên là Nguyễn Văn Chiêu, Nguyễn Văn Hào

Vì cơ gì mà Nguyễn Tây Sơn được lòng dân Thượng như vậy?

Người Chiêm Thành là tinh hoa của chủng tộc Indonésien, một  
chủng tộc chiếm cứ Trường sơn đã lâu đời lắm. Người Indonésien ở  
Đông Dương ta di cư sang Phi Luật Tân, Nam Dương quần đảo, Đài Tây  
lịch kỷ nguyên, người Indonésien còn dùng bè vượt biển sang tận Đông  
Phi, truyền bá văn minh, du nhập giống khoai mì làm cho sinh hoạt dân  
Đông Phi thêm phần no ấm. Chiêm Thành là ông thầy văn hóa của các  
sắc dân Thượng. Nhiều nhà nhân chủng học coi dân Rhadé, dân Gia  
Rai là người Chăm miền đất cao, Chiêm Thành với các Sắc dân Thượng  
có tương quan huyết thống rất gần có ân đức văn hóa thấm nhuần qua  
nhiều thế kỷ.

Khi phiên vương Chiêm Thành đã thần phục thì các sắc dân  
Thượng cũng theo gương ấy mà giúp đỡ nhà Tây sơn

Năm 1778 Nguyễn Nhạc sửa sang thành Đồ Bàn của Chiêm Thành  
làm Hoàng Đế Thành xưng là Trung Ương Hoàng Đế, đặt niên hiệu là  
Thái Đức.

Thái Đức là đức lớn. Đức lớn thì xa gần đều mến phục đó là  
sự thể hiển nhiên. Một bài văn thời bấy giờ giải nghĩa sự hưng thịnh của  
nhà Tây Sơn như sau.

«Vả bấy giờ thần nịnh chúa, hôn gương bình trị Hoàng Thiên  
ắt muốn.

Lại gặp hội binh kêu dân oán, sửa kỷ cương Thái Đức phải ra»

Cuộc khởi nghĩa của anh em Tây Sơn là thuận theo mệnh trời  
hợp với lòng dân đương lâm than dưới một chính quyền phong kiến thối  
 nát. Tình trạng chung của Nam Hà và Bắc Hà là sự đói khổ triền miên Nam

1775 nạn đói lớn ở Phú Xuân ở Bắc Hà Nguyễn Hữu Chỉnh nhận xét rằng

*Bấy lâu họ Trịnh gian tà*

*Bình kêu dân oán ắt là bại vong.*

Chính sách của nhà Tây Sơn đối với dân chúng Việt Nam là cứu nạn cứu khổ, vớt dân trong vòng nước lửa, đem lại sự no ấm thanh bình. Đối với các sắc dân Thượng thì cũng với tư tưởng dân bản ấy nhà Tây Sơn coi họ là anh em ruột thịt, không để cho quan lại áp bức họ, không để cho gian thương bóc lột họ, như thế không lường gạt họ một tí gì.

Các sắc dân Thượng và Chiêm Thành coi nhà Tây Sơn là vua của mình, chưa triều đại Việt Nam nào có một chính sách đại đức hòa đồng sâu xa đến như thế.

### **Hiệu lực của chính sách.**

Lúc mới khởi nghiệp (Năm Tân Mão 1771), Nguyễn Nhạc đã giữ vững được căn cứ An Khê. Thủ hạ là những người dân cùng khổ vong mạng ở bốn phương đến Tây Sơn để tìm con đường sống. Trong chủ lực chiến đấu có cả các sắc sơn dân, nghĩa quân đánh cướp các nhà trọc phú, các nhà tham quan ô lại, đem của cải phân phát cho dân nghèo.

Giáo sĩ Tây Phương là Jundnilla de Diego đã chứng kiến những cuộc hành quân vì dân trừ bạo này. Theo lời giáo sĩ, tuy khi giới thô sơ và bàng ngỗ không được chỉnh tề lắm nhưng hiệu lệnh và kỷ luật nghiêm minh, họ không bao giờ xâm phạm lời tài sản và tính mạng dân nghèo cả. Một đoàn quân như vậy, được dân chúng đón mừng nhiệt liệt đó là lẽ tất nhiên.

Mùa thu năm Quý Tị (1773), Nguyễn Nhạc lập mưu mao hiểm, sai thủ hạ bỏ mình vào cũi đem nộp cho quan tuần phủ Nguyễn Khắc Tuyên. Nửa đêm Nguyễn Nhạc phá cũi ra cùng với thủ hạ mai phục sẵn trong thành, mở cửa đón quân mình ở ngoài thành.

Qui Nhơn với tất cả đồn trại, thành trì kiên cố bị chiếm trong nháy mắt. Nguyễn Nhạc thấy cơ đồ mở rộng liền chia phạm vi thống trị như sau:

Nguyễn Nhạc tự mình là chúa trại Nhứt quản trị phần đất hai



huyện Phù Ly, Bồng Sơn và thị trấn Quy Nhơn.

Nguyễn Thuận làm chúa trại nhì cai quản huyện Tuy Viễn Bình Khê An Túc và một phần An Nhơn theo địa lý hiện giờ.

Huyện Khê làm chúa trại Ba ở Cao Châu coi việc tiếp tế lương thực.

Các sắc dân Thượng tham dự việc khởi nghĩa về cả hai phương diện quân sự và kinh tế. Nhân lực và lúa gạo ở Cao Châu đã giúp cho nhà Tây Sơn hưng khởi cũng như đã giúp cho các vua Chiêm dựng nước ở châu Vijaya (Bình Định).

Chính vì lẽ này mà các hịch Cần Vương của phe phù Lê ngoài Bắc Hà coi nhà Tây Sơn là man di, là Chiêm Thành. Văn thần nhà Lê Trương Đăng Quế vâng mệnh Lê chiêu Thống thảo hịch kêu gọi những người trung nghĩa ở Bắc Hà góp sức chống nhà Tây Sơn bằng những câu:

« Bốn cõi vừa yên đầm nhận,

Một phương bỗng hấy gió loan »,

Thành Nam quyển lũ bỏ đào, chẳng nhớ nổi Trà Toàn, Bồng Nga thuở nọ.  
Đất Tấn đem dân chọc loạn, lại theo đòi Lưu Thông, Thạch Lặc xưa kia.

Người làm hịch coi nhà Tây Sơn là ngoại tộc, là man di. Việc Long Nhương tướng quân, sau là Bắc Bình Vương, ra đất Bắc có thể vì với việc Chế Bồng Nga xâm phạm Thăng Long hay Lưu Thông, Thạch Lặc rợ Hung Nô xâm chiếm miền Hoa Bắc. Chế Bồng Nga (Po Binh Thour) là ông vua anh hùng của nước Chiêm Thành.

Trong « Tây Sơn bang giao tập », có lúc vua Quang Trung đã tự xưng mình là giống giỏi các vua Chiêm để tránh cái nghĩa vua tôi với nhà Lê, các quan nhà Lê đưa ra luận điệu: Dân nào chẳng dân nước Việt, Đất nào chẳng đất nhà Lê?

Là tôi con nhà Lê mà hưng binh ra chiếm Thăng Long, như thế là phạm thượng, là phản nghịch. Bắc Bình Vương nói với nhân sĩ đất Bắc, tự xưng mình bằng danh hiệu Hang Núi, hãnh diện về cái lại lịch rừng núi của mình. Giao thiệp với nhà Thanh trong buổi đầu,

nhà vua xưng rằng

— Tiều vương là giòng dõi Chiêm Thành

Có lẽ vì căn cứ vào các tài liệu này mà học giả Trương Vĩnh Ký cho rằng nhà Tây Sơn là hậu duệ của các vua Chiêm Thành thật sự

Tuy không phải là giòng dõi vua Chiêm Thành song nhờ có chính sách Đại Dục hóa đồng coi các sắc dân Thượng là tay chân ruột thịt nên; nhà Tây Sơn đã huy động được lực lượng miền núi vào công cuộc kiến quốc, làm đường Tây tiến, mở thượng đạo Nam — Bắc, nối rộng cõi bờ Sang Vạn Tượng và cao nguyên Boloven.

Sau ngày nhà Nguyễn Gia Miêu thống nhất lãnh thổ, các bộ lạc miền núi, nhất là Sédang vẫn giữ lòng trung kiên son sắt với nhà Tây sơn không vì cuộc thế hưng vong mà thay lòng đổi dạ.

Không có đức lớn thì dễ gì khiến người khác phải tận trung ?



## Phụ Giảng

**NHÀ NGUYỄN GIA MIÊU :** Gia Miêu ( nghĩa đen là lúa tốt ) tên làng nguyên quán của nhà Cựu Nguyễn. Sách Công Dư Tiệp Ký cho rằng nhà Nguyễn này là con cháu của Nguyễn Trãi, đệ nhất công thần của nhà Lê.

Sử cũ của ta cũng dùng chữ Cựu Nguyễn để chỉ nhà Nguyễn Gia Miêu và chữ Tân Nguyễn để chỉ nhà Nguyễn Tây Sơn.

**TÂY SƠN :** tên tổng quát chỉ các núi ở phía tây tỉnh Bình Định Từ Sa Lung Sơn ở phía bắc vào đến các núi Thị Dã, núi Hả Thanh nơi có đường giao thông trọng yếu của dân Thượng đi về phương tây hay đi vào Phú Yên.

**CAO CHÂU, TÂY NGUYÊN :** Đất Chiêm Thành có 3 châu trọng yếu Amarawati ( Quảng Nam — Quảng Ngãi ) Vijaya ( Bình Định — Phú Yên ) Panduranga ( Khánh Hòa — Ninh Thuận, Bình Thuận ). Rừng núi phía tây gọi là Cao Châu gồm các cao nguyên Koutum, Pleiku, Di Linh, Darlac Sử Tống gọi vùng này là Cao Châu.

Năm 1945, quân kháng chiến gọi vùng này là Tây Nguyên.

# THAO LƯỢC HÀNH BINH VÀ THƯỜNG ĐẠO



**Piste H.C.M**

Trong cuộc chiến tranh khốc liệt đang diễn ra trên đất nước Việt Nam hiện giờ, báo chí Âu Mỹ hay nói đến một thường đạo mà họ gọi là PISTE Hồ Chí Minh. PISTE là đường mòn. Liên tiếp hai năm nay, chúng ta nghe nhắc nhở bàn luận về con đường bí mật xuyên qua các cao nguyên sa thạch Ai Lao, theo đó Cộng quân ở miền Bắc chuyển vận khí giới, đưa thêm cán bộ quân sự, chính trị bổ sung cho số bị tử thương, hay đã đào tẩu, đã ly khai hàng ngũ ở chiến trường miền Nam.

Vẫn theo báo chí Âu Mỹ, đường mòn này khởi đầu ở đèo Mụ Già tỉnh Hà Tĩnh. Do đó, con đường đèo vắng vẻ này thường rền vang tiếng bom công phá hạng nặng. Phá hoại, phá hủy mà đèo Mụ Già vẫn cứ còn là đèo giao thông Đông — Tây quan trọng, mở lối sang Lào. Có người cho rằng đường mòn Hồ Chí Minh chỉ có trong óc tưởng tượng phong phú của các chiến lược gia không thạo địa lý Đông Dương.

Có một lúc người ta chú ý nhiều đến Tchepone, một thị trấn quan trọng trên đường Đông Hà — Savamakhét, Tchepone là địa điểm quy tụ của cán binh Việt Cộng trên đường nam xâm.

Đường xuyên sơn có nhiều đoạn khuất dưới tàn lá cây rừng, lại có nhiều đoạn chạy ngầm dưới suối. Đường xuyên sơn Năm Bắc là con đường hành quân có thật, nhưng tại sao lại tuyên truyền dùm cho uy thế Cộng Sản khi chúng ta gọi nó với danh hiệu lạm xưng

kia,

Lãnh tụ Cộng Sản Miền Bắc có công gì trong việc khai phá ra con đường này mà tên tuổi lại được đề cao quá vậy ? Người viết báo Mỹ, người viết sách Pháp có thể ngờ - ngần không thạo sử - sách Việt Nam, chứ người Việt Nam mà cũng dùng danh hiệu đường mòn HCM, thì quả thực là một điều đáng đau xót, cười ra nước mắt.

## Tây Sơn và các cuộc hành binh xuyên sơn

Trong các triều đại Việt Nam, Tây Sơn là triều đại được lòng dân Thượng nhất. Trong thời kỳ hưng vương lòng lầy, quân Tây Sơn thường khiến cho quân Nguyễn, quân Trịnh phải vỡ mặt kinh hồn, tuồng họ từ trên trời sa xuống.

Binh pháp Tôn Vũ Tử có câu «Bất dụng hướng đạo giả, bất năng đắc địa lợi.» Người không dùng được kẻ dẫn đường thì không thể chiếm được địa lợi. Hành binh phải dùng hướng đạo, quân Tây Sơn đã sử dụng được một số hướng đạo rất thạo, binh thế Trường Sơn. Các sắc dân Jarai Rhadé, Banar, Sédang... v.v. đều tình nguyện dẫn lối cho quân Tây Sơn, vượt qua núi rừng thâm u hiểm trở.

Năm 1774, Nguyễn Nhạc đã dùng thượng đạo, đánh úp Hải Vân Quan. Quân Tây Sơn xuất phát từ An Khê, đi đường núi ra vùng thượng lưu sông Thu Bồn, đánh úp quân chúa Nguyễn ở Hải Vân Quan. Quân chúa Nguyễn kinh hoàng, vừa thấy quân Tây Sơn đã bỏ trận địa chạy trốn.

Lại cũng do thượng đạo mà năm 1786, Long Nhương tướng quân tiến đánh Thuận Hóa. Lúc này Thuận Hóa đã thuộc về họ Trịnh. Cuộc hành quân của Tây Sơn thần tốc lạ thường, chỉ trong vòng 16 ngày, kể cả những ngày đi đường núi mà Long Nhương tướng quân lấy xong Thuận Hóa, chiếm luôn đất đến sông Gianh. Thực ra, lấy xong Thuận Hóa rồi, quân Tây Sơn không cần đánh nữa mà quân Trịnh chỉ thấy bóng quân áo đỏ là cắm đầu chạy trốn. Quân dung của Tây Sơn có vẻ đặc biệt với màu áo đỏ và mũ lông chim. Đội mũ cho gọn, tiện việc đi rừng hơn đội nón.

*«Đại Nam Quốc sử diễn ca chép rằng :*

*Ngọn cờ trở lối sơn pha*

*Hải Vân đồn trấn đũa là chẳng tan .*

*Cánh buồm dè lớp cuồng lan ,*

*Cát Dinh , Động Hải quán quan chạy dài !*

Đại Nam Quốc sử diễn ca là sử do các quan nhà Nguyễn Gia Miêu chép . Sử quan thù nghịch , thế mà khi nói đến những chiến thắng của Tây Sơn cũng phải ghi lại bằng những bài thơ hùng tráng . Có thể nào ghi chép khác được khi những, chiến thắng ấy đều thần tốc phi thường xưa' nay chưa có nhà thơ lược nào sánh kịp.

Tây Sơn đã dùng thượng đạo trong việc hành quân . Đường thượng đạo do đâu mà có ?

## Thượng đạo ngàn xưa

Dân Indonésien là dân thổ trước ở Trường Sơn . Đường xuyên sơn là một nhu cầu tất yếu của cuộc sống, như vậy nó phải có từ thời Tiền sử

Cung Trường Sơn phía đông dựng sườn dốc đứng , phía tây xuống từng bậc cao nguyên thoải thoải đến tận bờ sông Khung . Đường giao thông Nam — Bắc tiện lợi ở phía đông phải dựa vào hình thế các ô bình nguyên duyên hải . Đường giao thông Nam — Bắc ở phía tây phải đi qua các cao nguyên sa thạch, đường thẳng và gần hơn đường cong theo bờ biển ở phía đông .

Đường sá tùy thuộc địa hình . Các đường xuyên sơn dài đều nằm phía tây Trường sơn , còn ở phía đông thì chỉ có thể đặt những đoạn ngắn. Từ Đồng Hải đến bờ sông Khung, thế tất phải có những đường ngang qua những đèo thuận tiện .

Thế kỷ thứ 10, ta đã thấy dân Chiêm dùng những đường xuyên sơn . Năm 982 vua Lê Đại Hành tự làm tướng, đem quân đi đánh Chiêm Thành . Quân Việt vào Quảng Nam vây thành Indrapura . Vua Chiêm là Paramesvaravarman kháng cự rất hăng hái , nhưng bị giết ở trận tiền . Một người Chiêm lai Việt là Lưu Kỳ Tông tập hợp tàn quân , chống nhau với Lê Đại Hành . Quân Việt vào sâu trong đất Chiêm, chuyển vận lương thực khó khăn, lại gặp sức kháng chiến dẻo dai của Lưu Kỳ Tông nên phải rút về . Lưu Kỳ Tông lên ngôi vua Chiêm Thành, có sai sứ cầu phong với nhà Tống . Những phần tử quốc gia thuần chủng của Chiêm Thành trốn vào rừng núi chiêu tập binh mã . Năm 988 họ quy tụ ở

**Vijaya (Bình Định)**

Châu Vijaya thành một trọng tâm kiến quốc của người Chiêm. Năm 1000 họ bỏ Indrapura dời kinh đô vào Bình Định. Lưu Kỳ Tông mất vào năm 989, Trong khi ông vua Chiêm lai Việt này còn sống thì những người Chiêm thuần chủng ăn nấp ở núi phải giao thiệp với nhau bằng các nẻo đường xuyên sơn.

Lại cũng do các nẻo đường phía tây Trường Sơn mà quân Khmer vào đánh nước ta. Như năm 1128, quân Khmer vào cướp phá Nghệ An, bị Lý Công Bình đánh bại. Năm 1150 quân Khmer lại đánh Nghệ An. Vì đi đường rừng lâu ngày, nhiễm bệnh sốt rét, quân sĩ suy nhược, mất hết nhuệ khí, vừa gặp quân Việt dàn trận cự địch là họ đã chạy tan.

Các nẻo đường xuyên sơn phía tây Trường Sơn cũng là những đường mà quân Khmer quen dùng để đánh Chiêm Thành. Năm 1145, vua Chân Lạp (Khmer) là Suryavarman tiến đánh kinh đô Đồ Bàn ở châu Vijaya, vua Chiêm là Indravarman III tử trận. Lực lượng kháng chiến của Chiêm Thành rút vào rừng núi, quy tụ ở phía nam châu Vijaya rồi đến năm 1148, vua Chiêm là Jaya Harivarman I mở trận phản công đánh bại được tướng Cankara chỉ huy quân đội Khmer.

**Một trận chiến đặc biệt xảy ra vào năm 1207**

Liên quân Khmer — Chăm — Xiêm — Miến xâm phạm bờ cõi Đại Việt. Những đường xuyên sơn ở phía tây trường sơn được liên quân tận dụng trong cuộc hành binh quan trọng này.

*Những sự việc này chứng tỏ các đường xuyên sơn có đã lâu đời và đã nhiều lần được dùng như những con đường chiến lược tiện lợi.*

**Thượng đạo đời Tây sơn**

Con đường Pleiku Kontum ngược lên phía Bắc qua các vùng Dakto Da Bla ra thượng lưu sông Bông (phụ lưu sông Thu Bồn), con đường mà người Pháp sửa sang cho tiện việc hành quân trong xứ mới là con đường mà Nguyễn Nhạc đã dùng năm 1774, Nguyễn Huệ đã dùng năm 1786,

Người Pháp sửa sang cho rộng và gọi nó là đường chiến lược số 14 (route stratégique no 14) một danh hiệu mà ta còn giữ mãi đến bây giờ. Thực ra, danh tướng nhà Tây sơn là Trần Quang Diệu đã huy động

các bộ lạc Indonésien sửa các đường xuyên sơn, quy mô hơn người Pháp và Việt Cộng. Đường mòn Hồ Chí Minh chỉ là một đoạn của một con đường xuyên sơn ngàn dặm mà Trần Quang Diệu đã mở rộng vào khoảng cuối thế kỷ thứ 18.

Sách Đại Nam nhất thống chí ghi rằng ;

Phía ngoài sông Lê có một con đường đi 3 ngày đến xứ Mọi Con Rai- Tại đó có một con đường theo hướng nam — bắc rất bằng phẳng, tương truyền đường ấy là do thượng tướng Trần Quang Diệu nhà Tây Sơn làm ra. Đường này từ thượng du Bình Định thông suốt đến thượng du Nghệ An vừa hết. Lại từ xứ Mọi Con Rai đi lên 20 ngày đường đến xứ Mọi Con Tanh, có một hòn đá dài và ngang một trượng có mắt có miệng, bình như như đầu rắn. Lại có một hòn nữa dài trước 10 trượng hình như cây gươm. Bề dày có dấu chân người to lớn, dài hơn 1 trượng, bề ngang 4,5 thước bề sâu 1 thước. Người Mọi lương truyền đó là chỗ người thần chém mãng xà, trừ hại cho dân rồi bay lên trời.

Đường nam — bắc đã do thượng tướng Trần Quang Diệu làm ra thì đường đông — tây từ xứ Mọi Con Rai đến xứ Mọi Con Tanh chắc cũng do họ Trần đốc suất dân Mọi làm ra để tiện việc giao thông công cộng.

Về con đường nam bắc từ Thượng du Bình Định ra đến thượng du Nghệ An, Đại Nam Nhất Thống Chí ghi chép còn thiếu sót.

Xét lịch sử của Châu Văn Tiếp, ta có thể bổ túc về con đường ấy như sau :

Châu Văn Tiếp là người quận Phù Mỹ, sau dời vào Phù Yên Thuở tranh hùng của nhà Nguyễn Gia Miêu và nhà Nguyễn Tây Sơn. Châu Văn Tiếp đã đứng về phía nhà Nguyễn Gia Miêu, dựng cờ đề 4 chữ *Lương Sơn là quốc*

Núi Lương Sơn ở phía nam phủ lý Tuy An. Gần đấy có núi Thạch Trọng, lại có núi Vân Hòa. Châu Văn Tiếp đã dùng thượng đạo xuyên sơn đi thẳng vào Gia Định, theo Nguyễn Vương Phúc Ánh.

Lại xét thêm một sử liệu khác thì Trần Quang Diệu đã có lần đem binh vây thành Diên Khánh do các tướng của Nguyễn Vương vừa khắc phục. Bình Gia Định đến cứu, Trần Quang Diệu sợ bị cái nạn ở

trong đánh ra , ở ngoài đánh vào , mình bị kẹt ở giữa , nên đã giải vây do thượng đạo chạy tuốt về Quý Nhơn Bình Gia Định không dám truy kích.

Núi Nhự Phi ở giữa giới hạn hai tỉnh Phú Yên , Khánh Hòa Phía Bắc núi Nhự Phi là núi Sầm Dương.

Như thế , chúng ta thấy rõ rằng từ đoạn đầu Trường Sơn , các danh tướng ngày xưa đã mở đường đi suốt vào bình nguyên sông Đồng Nai vậy . Chuyện thượng đạo như thế là rõ ràng Theo phép chính danh thì phải gọi đường xuyên sơn nam – bắc là thượng đạo Tây sơn hay Thượng đạo Trần Quang Diệu.

Thêm một bằng cớ về tài năng đặc biệt sử dụng thượng đạo của vua tôi nhà Tây sơn .

Năm 1791, vua Ai Lao là Chiêu An bỏ lễ cống . Nguyên từ đời chúa Hi Tông Hiếu Văn chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên , quốc vương Ai Lao đã nạp cống cho chúa Nguyễn. Nhà Tây Sơn thay nhà Cựu Nguyễn đóng đô ở Phú Xuân Chiêu An không giữ lễ thần phục Vì thế đầu năm 1792,vua Quang Trung sai Trần Quang Diệu làm đại tư lệ , đem 1 vạn quân đi chinh phạt Ai lao Trần Quang Diệu chỉ đánh 1 trận , hạ được thành Vạn Tượng .

Uy thế của trận chiến thắng này đã vang dội đến Gia Định Nguyễn vương Phúc Ánh đã khắc phục xứ này được 4 năm và đã được 1 số sĩ quan Pháp do Giám mục Bá Đa Lộc đem qua giúp đỡ Các giáo sĩ ở Gia Định có lẽ còn nhớ trận đại bại của quân Xiêm năm 1785 Giáo sĩ Le Labousse gửi thư cho bạn như sau ;

Vào tháng hai năm 1792 , chúng tôi phải rời bỏ con chiến đê tránh quân địch Tây Sơn . Họ sẽ kéo đến vài chục ngàn người do đường Lào , tiến vào Cao Miên, Người Miên cũng tính theo họ nữa, Nguyễn Huệ sẽ đem hải quân ngăn chặn các cửa biển Nam Kỳ Nếu dự định này được thi hành thì nhà vua và chúng tôi chỉ còn chờ chết . Nhưng nhờ ơn trên, dự định này không thấy thi hành ,chắc do quân Tây Sơn e ngại các chiến hạm của người Âu Châu đang đóng đầy ở cửa sông Sài Gòn do việc buôn bán , , hoặc do hai đạo quân Xiêm tiến qua phía đông đã ngăn chặn họ ở Cao Miên.



Rất có thể, Trần Quang Diệu đóng binh ở Vạn Tượng đã chuẩn bị đầy đủ cho việc đem quân Nam chinh do thượng đạo Tây Trường Sơn vào Nam Việt. Giám điệp Xiêm La dò xét được tin tức này, Vua Xiêm đã phái quân đóng ở biên thủy để phòng việc quân Tây Sơn đặc chí ở Cao Miên và Nam Kỳ tràn qua đất họ. Kế hoạch Nam chinh của vua tôi nhà Tây Sơn không thực hiện, lý do chính không phải là vua Quang Trung e ngại các chiến hạm của các nước Âu Châu hộ tống các thương thuyền của họ buôn bán ở sông Sài Gòn, lại cũng không phải quân là Xiêm La ngăn chặn được quân Tây Sơn ở Cao Miên.

Lý do chính là việc thăng hà đột ngột của vua Quang Trung khiến cho bao nhiêu mưu đồ vĩ đại của nhà Tây Sơn đều phải đình chỉ.

Mới nghe quân Tây Sơn dùng thượng đạo để Nam chinh mà giáo sĩ Le Labousse khôn ngoan lo lánh nạn trước. Đủ biết uy thế nhà Tây Sơn mạnh mẽ biết chừng nào



## LÒNG TRUNG HẬU CỦA NGƯỜI THƯỢNG

Đương thời hưng thịnh, vàng son chói lọi, binh uy lừng lẫy của một Vương triều mà nói chuyện trung thành thì việc ấy là thường tình của thiên hạ, ai nấy cũng làm được và ai nấy cũng đua làm.

Đến khi vương triều sụp đổ rồi mà vẫn giữ được tấm lòng thà<sup>n</sup> ái, tôn kính ngày xưa, đó mới thật là tâm lý trung hậu đáng quý mến, Các sắc dân thượng đối với nhà Tây Sơn đều có lòng trung hậu quân tử đáng kính này.

Năm 1.802, Vũ Văn Dũng cũng như Trần Quang Diệu đều bị bắt ở vùng Thanh Nghệ. May mắn hơn Trần Quang Diệu, Vũ Văn Dũng trốn thoát vượt ngục trở về nương náu ở đất An Túc ngày nay. Vị tướng bách chiến đổi tên là Vũ Văn Độ. Ngày 23 tháng 3 năm Ất Dậu «1853» ông mất tại An Khê, sau được dời hài cốt về nguyên quán ở xã Bình Phú quận Bình Khê. Trong các Sắc dân Thượng có người Sedang nổi tiếng là vũ dũng bậc nhất. Trong thời nhà Nguyễn Gia Miêu, người Sedang ở vùng Đá Vách sơn trấn Quảng Ngãi thường nổi dậy phản kháng lại triều đình. Năm 1803 người sedang ở Đá Vách nổi dậy. Quan quân đánh dẹp yên được vài năm. Đánh dẹp là chỉ cốt ngăn giữ cho mọi Đá Vách khỏi tràn xuống bình nguyên chứ không liên binh vào miền Minh Long, đuổi được người Sedang về căn cứ, Năm 1.808, năm 1.815, hai lần nổi dậy làm cho các quan văn võ của triều đình Huế lo âu. Tướng nhà Nguyễn là Phan Tấn Hoàn bị thua, vua Gia Long cử đệ nhất danh tướng đương thời Lê Văn Duyệt đi dẹp loạn miền núi.

## **Một vị tướng núi tiền phong của nhà Tây Sơn :**

### **BOK KIƠM**

Bok Kiơm là con của Buponang. Thuở nhỏ Buponang lạc loài trong một lùm chuối. Có người đàn bà đi ngang qua, nghe tiếng khóc rất to, vạch lá chuối vào lùm chuối, bỗng Buponang đem về nuôi. Đêm đến, thần Yang báo mộng cho người đàn bà ấy biết Buponang là con của thần, nên nuôi dùm cho tử tế.

Lớn lên, Buponang sánh duyên với con gái một vị tù trưởng tên là Bang Bola. Hai vợ chồng ăn ở rất hòa thuận, sinh được con trai diện mạo khôi ngô tuấn tú sức mạnh hơn người, đặt tên là Biliboron.

Con của Biliboron là Bok Kiơm theo phò nhà Tây Sơn, lập được nhiều công trận ở Bình Định, nhất là trong việc mai phục bên hào thành Quy Nhơn để nửa đêm xông lên đoạt cửa thành. Bok Kiơm được ban thưởng 1 con ngựa chiến, 1 roi mây bịt vàng và 1 ngọn giáo bằng bạc, trấn thủ chợ Đồn An Khê.

Ngày nay, người Bahnar và người Jarai Hdrung đều là thân thuộc của Bok Kiơm cả.

Siu Phing, cháu gọi Buponang là cố tổ nội, là một nhân vật có tinh thần Quốc Gia, vừa hy sinh vì nạn nước trong năm 1968 này.



Lê văn Duyệt muốn điều tra dân tình, xem vì có gì mà cứ phản loạn không thôi. Người lãnh việc điều tra là Vệ Úy Nhượng. Nhượng giả xưng là người dư đảng Tây Sơn, vào lọt các làng thượng, nghe dân ta oán viên quản cơ của triều đình là Lê Quốc Huy hay sách nhiễu hối lộ. Lê văn Duyệt xét lại, quả thấy Lê quốc Huy tham nhũng nên ra lệnh chém đầu. Lê văn Duyệt phủ dụ dân Sedang nên lui về man động yên nghiệp làm ăn

Sợ dân Sedang lại nổi dậy bất ngờ thì khó tìm được người có đủ thao lược trấn định, Lê văn Duyệt liền đi xem xét hình thế sơn phần. Ông lên đỉnh núi Cao Môn, phía tây Nghĩa Hành, ngó bao quát các đường giao thông, tâu về triều đình xin phép đắp lũy phòng ngự.

Lũy này gọi là Tịnh Man Trường Lũy dài 177 dặm từ Quảng Nam đi suốt sơn phần Quảng Ngãi và đến địa giới huyện Bồng Sơn phủ Hoài Nhơn tỉnh Bình Định. Lũy này khởi công đắp từ năm 1819, đến năm 1855 có tu bổ lại,

Tại sao nhà Nguyễn Gia Miêu phải đắp lũy và phải đặt cơ binh phòng thủ mà nhà Tây Sơn thì huy động được công sức người thượng trong công tác quân sự, mở đường xuyên sơn? Tại sao Vệ Úy Nhượng, người của triều đình chiến thắng mà lại phải giả xưng là người của triều đình chiến bại, người của dư đảng Tây Sơn thì mới len lỏi vào các làng Thượng được?

Việc Vũ Văn Dũng ăn núp ở An Khê mà được an toàn, đủ biết chính sách Thương Vận của nhà Tây Sơn rất là đầy đủ ân nghĩa. Nếu con cháu vua Thái Đức Nguyễn Nhạc mà cũng cứ ở luôn trên xứ Thượng thì để gì vua quan nhà Nguyễn gia Miêu tróc nã được.

Sử chép rằng năm Minh Mạng thứ 12 (1831), bắt được con Nguyễn Nhạc là Văn Đức, Văn Lương, cháu là Văn Đầu, đem xử tử hết. giòng giỗ nhà Tây Sơn đã tuyệt diệt hết chưa? chắc những tướng tá nhà Tây Sơn cũng như con cháu các vua Thái Đức, Quang Trung đều nương thân ở xứ Thượng trong suốt thời kỳ nhà Nguyễn Gia Miêu còn giữ được ngai vàng ở đất Việt Nam.

Con vua Quang Trung là Quang Toàn (Vua Cảnh Thịnh) (Quang Thùy được phong làm Khanh công) lĩnh Bắc Thành tiết chế thủy bộ chư

vì có chính sách thân ái đối với các sắc dân thiểu số nên người Cao miên là Ốc Nha Long mộ quân nghĩa cũng giúp Tây sơn đang chiếm lại Cần Thơ. Nguyễn Phú Anh thất kinh vì nếu Ốc Nha Long đã chiếm Cần Thơ mà tướng Tây sơn là Phạm Văn Tham lại đem binh tứ Gia Định đánh xuống Sa Đéc thì quân của chúa Nguyễn lâm vào cái thế lưỡng diện thụ địch.

Vì vậy chúa Nguyễn mới phải đích thân đem binh đi đánh Ốc Nha Long, sau nhiều trận giao phong kịch liệt Ốc Nha Long thua trận phải bỏ thành trì, nhưng rút tầu quân về ẩn núp ở thôn quê, làm cho các tướng của chúa Nguyễn phải nhọc lòng đối với những kỳ trận bôn tấp, đột kích bất ngờ,

Nguyễn Văn Lữ tuy không có được cái hùng tài của hai anh, nhưng cũng biết áp dụng một chính sách dân vận thích ứng, khiêu cho các sắc dân thiểu số giữ lòng trung kiên son sắt với mình.

Điểm son đặc biệt của nhà Tây Sơn là chính sách dân vận kỳ diệu. Lúc hưng thịnh thì cùng nhau hưởng chung an lạc lúc sa cơ thất thế thì cùng nhau chịu chung hoạn nạn đến chết cũng không dời đổi tâm lòng . . .

Người làm chính trị đời nay hay nói đến những chữ dân vận, thương vận, căn cứ bình tâm suy nghĩ về một đôi sự việc thời xưa . . .



# CON ĐƯỜNG MỎ NƯỚC

## Nam tiến và Tây tiến

Bất luận người Việt Nam nào cũng nhận thức được một sự thực hiển nhiên : Việc Nam tiến thành công của dân tộc .

Người nói đến Nam tiến bằng một giọng văn hoa , say sưa , có vẻ yêu nước nhất lại là Phạm Quỳnh, chủ bút tạp chí Nam Phong, người đã qua Pháp điếu thuyết và đưa những ý chính của các bài diễn thuyết vào một tập văn gọi là Pháp Việt tùy bút ( Essais Franco - Annamites ). Phạm Quỳnh vừa đề cao công cuộc Nam tiến vừa nói đến sứ mệnh văn hóa cao thượng của người Pháp ở Việt Nam .

Một đoạn văn về công cuộc Nam tiến do Phạm Quỳnh viết đương được các giáo sư Việt văn trích giảng ở các lớp đệ tứ cho học sinh trung học . Cái nguy hại của bài văn Phạm Quỳnh không phải ở chỗ nói về Nam tiến, mà ở chỗ nói về Nam tiến như một con đường phát triển sinh lộ độc nhất của dân tộc Việt Nam .

Làm cho cả một thế hệ hay nhiều thế hệ công nhận Nam tiến là sinh lộ độc nhất của Việt Nam, Phạm Quỳnh đã tiếp tay với người Pháp cắt xén chủ quyền của Việt Nam ở phía Tây Trường Sơn, dập tắt ý chí Tây tiến của dân VIỆT

Nam tiến là một sự thực lịch sử, nhưng nhận định về Nam tiến theo kiểu Phạm Quỳnh là một nhận định phiến diện, cố ý phiến diện cho đẹp

ông quan Tây. Quan Tây và Phạm Quỳnh đều dùng một luận điệu như nhau

Phía bắc nước Việt là một nước Trung Hoa to lớn hơn mình gấp mấy mươi lần. Về mặt nước này, ta chỉ lo phòng giữ cho khỏi bị xâm lấn đã là may, dám đâu nghĩ đến việc Bắc thương, Phía đông nước là biển, phía tây là rừng núi, nước độc ma thiêng, Việt Nam bèn dốc hết sinh lực và chí kiên nhẫn mở nước về Phương nam, sau cùng họ đến được bình nguyên sông Cửu Long, một miền phước địa.

Đưa ra luận điệu có đúng với địa lý và lịch sử, Phạm Quỳnh đã yểm trợ cho người Pháp cắt xén chủ quyền ta ở Trường Sơn, Sự cắt xén này đã từ thế kỷ XIX,

Năm 1893, Pháp bắt Triều đình Huế triệt bỏ nha sơn phòng Quảng Nam.

Năm 1899, pháp lại triệt bỏ Nha sơn phòng Cam Lộ và tước hết 9 châu của ta ở Tây Trường Sơn,

Đương thời Phạm Quỳnh viết bài Nam tiến thi Pháp muốn cắt tây nguyên làm Tây kỳ.

Trước sự hối thúc lấn ép của khâm sứ Charles ở Trung Kỳ, quan cơ mật viện triều đình là Nguyễn Hữu Bài chỉ có cách khất lần và đợi sửa sang tài liệu sử sách cho người Việt quên mất miền núi rừng cũng là tổ quốc của họ rồi sau sẽ tính chuyện cắt đất cũng không muộn gì...

Phải có một ý thức hệ văn hóa, lịch sử, địa lý yểm trợ cho các mưu gian chính trị. Do đó mà có bài Nam tiến của Phạm Quỳnh. Thực ra, dân tộc Việt Nam có hai đường phát triển: một là Tây tiến, hai là Nam tiến. Đường Nam tiến quan trọng hơn, nhất là sau năm 1470, năm vua Lê Thánh Tông khởi binh chiếm đất Vijaya. Đường Tây tiến có trước. Một sự việc Tây tiến quan trọng là năm 1448, đời vua Lê Nhân Tông. (1448 vào năm Mậu Thìn, niên hiệu Thái Hòa năm thứ sáu), tù trưởng xứ Bồn Man Trấn Ninh xin quy phục vào nước ta. 39) năm sau, năm 1749, hoàng thân Lê Duy Mật đã lập căn cứ quân sự ở Bồn Man để chờ thời cơ đem binh đánh họ Trịnh ở Nghệ An và Sơn Nam.

Trong các triều đại Việt Nam, nhà Tây sơn có ý thức Tây tiến mạnh mẽ rõ rệt nhất. Tây tiến là việc di dân thường xuyên của dân Bình Định từ thế kỷ thứ 17 đến giờ. Đưa một số dân nghèo ở Nghệ An, Quảng Bình

vào lập nghiệp ở Tây sơn các chúa Nguyễn cũng đã có quan niệm mở nước về phía Tây nguyên rộng rãi. Anh em Tây sơn xuất thân trong hàng ngũ binh dân, buôn bán ở Tây Nguyên, sang đến cao nguyên Boloven ở Hạ Lào cổ uhiên là thấy, được cái thể Tây tiến của dân tộc rõ ràng hơn các bậc vua chúa phong kiến chỉ quen với lễ lối thanh nhàn « tọa pháp cung trung triều tứ di » nghĩa là ngồi yên một chỗ chờ Mùng Mán bốn phương đến cống.

Năm 1751, hai nước Thủy Xá, Hỏa Xá ở Tây Nguyên đã vào cống chúa Nguyễn rồi, Nguyễn Nhạc là người hiểu rõ sự quan trọng của địa bàn chiến lược Cao Nguyên nên đã mở nước ra phía Boloven ở Hạ Lào, đó là một thành công lớn của chính sách Tây Tiến. Sau này, nhà Tây sơn lại chiêu dụ nước Bồn Mau. Hoàng Lê Nhất Thống chí, sách của nhà Lê, cho rằng Nguyễn Hữu Chỉnh đã bày mưu cho anh em Tây mở mang cương thổ về phía Tây Trường Sơn là đã chép đúng sự thật về công việc của vua Thái Đức Nguyễn Nhạc duy chỉ có việc nói Nguyễn Hữu Chỉnh bày mưu Tây Tiến thì không đúng sự thực chút nào.

Nhà Tây Sơn phát tích ở rừng núi Tây Nguyên đâu có cần đến mưu sĩ Bắc Hà mới biết được rằng địa bàn chiến lược quan trọng cho một nước Việt Nam hùng cường phải nằm trên những cao nguyên dựa Trường sơn hiểm trở, nhìn về phía sông Khung dài dằng - dặc từ châu Ninh Biên ( Hưng Hòa ) để giăng khăn Nam kỳ.

Nhà Tây Sơn đã đặc biệt Tây tiến lên hàng quốc - thị. Cứ xem như sau ngày vua Quang Trung đã băng, quân gia Định ra đánh Qui Nhơn theo mỗi mùa gió, thế mà năm 1798 vua Cảnh Thịnh vẫn khuyến khích quan trấn thủ Hưng Hóa phải lưu ý việc biên phòng tây bắc Thú thần cho người đi dò xét phong tục, binh thế núi sông, về địa đồ Đại Man Quốc ( Miến Điện ) dâng về kinh đô Phú xuân,

Năm 1800, sứ thần Miến Điện đến giao hảo với nhà Tây Sơn Nguyễn Ân và di thần nhà Lê, hiệu là Kiểm hồ ngư ân. Người đi câu ở vùng hồ Hoàn Kiếm, tuy giữ lòng trung với nhà Lê, nhưng trước một thành tích lạ lùng về chính sách Tây tiến của nhà Tây Sơn đã phải ghi chép sự việc ấy như sau,



Xét nước Đại Man ở phía tây nước ta, phía nam giáp với Xiêm La Chiêm Thành, phía bắc tiếp giáp với các đất Vân Nam, Qui châu của Trung Hoa. Đó là đất Lão Qua, Miến Điện ngày xưa. Rất nhiều giống người và bộ lạc, chỉ có Đại Man là lớn hơn hết, quần áo và tiếng nói, hơi giống với Lão Long và Thành chân.

Năm canh Thân, đời vua Cảnh Thịnh ( 1800 ) vua nước ấy có sai bầy tôi là Chậu Bô, Ban cơ, Châu công sang tặng sách là buông cùng các vật như sừng tê, lừa, ngựa đề cầu ( thần thiên ) với nước ta. Chúa nước ấy tự xưng là Phả Ma Kỳ Sát ( 1 ) Bên châu đó, Mặt Trời Lặn Đất, Bura Vừa Lớn, Bura Vừa Nhỏ, Ông Phúc Lớn, Chúa Mỏ Vàng Mỏ Ngọc. bảy tám giống, Chúa Voi Trắng, Voi đỏ,

Ồi ! Cho nên nói chín châu đều có đặc tính ngàn dặm không cùng phong tục, há lại không đáng tin hay sao? Nay thuật đôi lời vào đây để rộng đường nghe thấy.

Vận số nhà Tây Sơn nắn ngủi, từ khi vua Thái Đức xưng đế ở Qui Nhơn đến năm Tây Sơn diệt vong chỉ có 24 năm mà chủ quyền nước Việt lan đến cao nguyên Boloven, Vạn Tượng, thành tích như thế kể đã vỹ đại lắm rồi, không ai có thể làm hơn được.

Chính sách khai biên Tây tiến của nhà Tây Sơn về sau được chính các vua Nhà Nguyễn Gia Miêu noi theo bởi vì nó là một nhu cầu tất yếu của dân tộc .

Nhu cầu hiện rõ về hai phương diện kinh tế và quân sự. Sản vật của rừng núi Tây Trường Sơn cần phải có đường trao đổi với sản vật miền duyên hải . Công cuộc phòng giữ các tỉnh duyên hải cần phải đề phòng những cuộc tập kích của quân thù từ phía sau lưng , nghĩa là từ các miền rừng núi phương tây đánh úp các tỉnh duyên hải như liên quân Xiêm La , Miến Điện , Khmer , Chiêm Thành đã làm năm 1297 hay gần hơn như việc quân Xiêm cứu viện cho Lê Văn Khôi ở Gia Định mà cho binh lực uy hiếp Cam Lộ ( Quảng Trị ) và Nghệ An năm 1833 .

Về đời Minh Mạng , vua đổi quốc hiệu là Đại Nam , có chí lo việc ở phía tây Trường Sơn cho rộng cương thổ . Ngoài việc Trấn Ninh và Vạn Tượng , nhà vua còn thu phục được 9 châu ở Tây Trường Sơn.

(1) Pháp phiên âm là Ras

9 châu ấy là :

★ Châu Mường Vang ở phía tây huyện Hương Hóa 8 ngày đường, thuộc nguồn An Đại . Năm 1827 , tù trưởng châu ấy là Sa Linh được Triều đình Huế công nhận làm thổ tri châu và ban cho họ Lâm .

★ Châu Na Bí ở trên bờ sông Na Bí, đất rộng cũng như châu Mường Vang , tù trưởng là Sa Xiết được ban họ Thạch . Châu này ở phía tây huyện Hương Hóa 5 ngày đường

★ Châu Thượng Kế ở lưu vực sông La Nộn , tù trưởng được ban họ Khuru .Châu này có nhiều ruộng gò cao ráo ở cách huyện Hương Hóa 7 ngày đường về phía tây nam ,

★ Châu Tầm Bồn xa hơn châu Thượng Kế một chút , Thượng Kế đi 3 ngày đường đến Tầm Bồn , đi xa hơn nữa thì gặp bờ sông Khung, Năm 1827 , tù trưởng là Sa Nội được ban họ Hường . Châu này có muối mỏ, lại có nhiều thảo nguyên xanh tốt nên có nhiều voi, ngựa , trâu , bò, Sông ngòi có nhiều cá sấu , cá tràu . Đời Minh Mạng Thiệu Trị , được coi là một châu trù phú .

★ Châu Mường Bồng ở phía nam châu Tầm Bồn . Năm 1827 , tù trưởng Sa Ôn được ban họ Cốc . Châu này cũng tiếp giáp với sông Khung, có cá sấu , voi ngựa và muối mỏ như châu Tầm Bồn vậy .

★ Châu Ba Lan ở cách huyện Hương Hóa 15 ngày đường về phía tây nam, giáp với các châu Tầm Bồn, Mường Bồng , Na Bí , Mường Veng . Phía tây , giáp với nước Xiêm . Năm 1827 , tù trưởng Sa Ngồn được ban họ Đồng .

★ Châu Tá Bang ở phía Tây châu Na Bí , ruộng đất phì nhiêu của châu này là lưu vực sông Tá Bang . Tù trưởng được ban họ Lĩnh .

★ Châu Xương Thạnh ở phía nam châu Tá Bang , lưu vực sông Xà Mầu . Tù trưởng Sa Khả được ban họ Sơn

★ Châu Làng Thời ở gần châu Thượng Kế . Tù trưởng được ban họ Thiết . Thiết là sắt , ban cho họ ấy , có lẽ triều đình Huế cho rằng châu này có mỏ sắt .

Số tráng đinh của 9 châu là 10,793 người, ruộng đất lên đến 922 xứ . Sông Lam Giang ở phía tây huyện Hương Hóa , hiệp nước các khe chảy qua địa giới các châu Na Bí , Ba Lan , Mường Bồng rồi đổ vào sông

Khung lại có 3 sông Tầm Bồn, Xà Mâu, Tầm Lục từ châu Làng Thờ chảy vào sông Khung, mở đường giao thông qua lại cho các sắc dân họ Thiết, họ Sơn họ Hơng.

Về phía Tây Nguyên, năm 1831, vua Thủy Xá sai sứ là bọn Ma Duyên, Ma Tài, theo đường Phú Yên, đem dâng các phương vật. Triều đình Huế ban cho vua Thủy Xá Ma Lam tên Việt Nam là Vĩnh Bảo.

Năm 1840, Lê Văn Quyền, gốc người Bình Định đi thám sát các miền đất Thủy Xá, Hỏa Xá. Năm 1841, cả vua hai Thủy Xá (Potau Ea) Hỏa Xá (Potao Apui) đều sai người vào cống. Vua Hỏa Xá được ban tên họ là Cửu Bảo.

Đời Minh Mạng mà còn được như thế, huống chi đời Tây Sơn uy thế lừng lẫy và có một chính sách Thượng vận coi họ là ruột thịt tới con.

## **ĐỒ BÀN THÀNH VÀ MỘT CUỘC TIẾP XÚC NGOẠI GIAO**

Gò Văn Sơn còn lưu dấu tích anh hùng chí lớn ngàn xưa. Đồ Bàn cũng gọi là Xà Bàn do Chiêm Vương Xá Lợi Đà Ngô Nhật Hoan xây, là thành dựng lên từ thế kỷ thứ 10.

Hạ bán thế kỷ thứ 13, thành Đồ Bàn với những đội tượng binh hùng hậu đã làm cho oai danh Chế Bồng Nga vang dội khắp bán đảo Đông Dương. Cao châu của Chiêm Thành tức là Cao Nguyên Miền Nam bây giờ là một hậu cứ của thành Đồ Bàn, một kho tàng phong phú về chiến tượng, chiến sĩ.

Cao châu lại còn là một nơi nương thân để tái chỉnh lực lượng nếu gặp lúc sa cơ chiến, bại vận nước điêu linh.

Thành Đồ Bàn với chu vi 60 dặm, nghiêm nhiên là thủ đô lớn của một vương quốc oai hùng. Địa thế của Đồ Bàn thuận tiện về hai mặt chiến thủ.

Blah phong ngăn xa về phía bắc là các núi Sa Lung, Cung Quảng, Thạch đệ. Dãy binh phong thứ hai là các núi Phú Cũ, Hải Lương, Ô Phi (thuộc quận Phú Mỹ).

Đầm Hải Hạc chu vi 9200 trượng với núi Tháp Thầy, Bãi Nhạn, Gành Hồ, rừng Hoàng Giản đủ làm một nơi đồn binh ngăn địch về phía đông. Đầm Thị Nại với dãy núi Phương Mai là nơi thủy quân có thể dàn trận, đợi quân địch từ phương xa đến.

Phía nam là trấn sơn Phước An với các hang động, có địa thế phục binh bí mật. Phía Tây là động Kỳ Mang và đường thông lên Cao Châu

Thành Đồ Bàn được Nguyễn Nhạc trùng tu vào năm 1775 mãi đến năm 1778 mới hoàn thành. Lâm liễn án cho mặt chính của thành trông về phương nam là núi Trà Sơn với gò Dương Long có ba ngôi tháp Tương Văn mỹ lệ. Bốn nhánh sông Côn hội nước ở Lý Nhơn, tạo thành cái thế nước chảy bao quanh, nhờ thế hào thành không bao giờ khô cạn. Vách thành xây bằng đá ong và gạch thẻ lớn, chu vi hơn 15 dặm. Trong thành có những ụ đất cao, đặt giàn súng, và dùng làm đài quan sát, đề phòng lúc thành bị quân địch bao vây.

Khi vua Thái Đức còn ngự trị tại đây thì các bộ lạc mi núi đều vui lòng triều phục.

Tháng 5 năm 1778, Charles Chapman, vâng lệnh toàn quyền Anh ở Ấn Độ là Warren Hastings, đi tàu Amazone sang Việt Nam. Tàu đến cửa Cần Giờ vào tháng 7, sau đó lên đường ra Thị Nại. Chapman dâng quốc thư lên cho Vua Thái Đức tặng nhà vua một khẩu súng lục. Vua Thái Đức bằng lòng cho tàu Anh vào buôn bán ở đất Tây Sơn với giá biểu tàu ba cột buồm chịu thuế 7000 quan tiền đồng, tàu hai cột buồm 4000 quan và tàu nhỏ hơn 2000 quan.

Trong một cuộc tiếp xúc thân mật tại vương cung, vua Thái Đức nghĩ ý muốn nhờ người Anh giúp vua mở nước đến tận biên giới Thái Lan. Cảm tưởng của Chapman về quốc gia Tây Sơn là một vương quốc giàu mạnh.

Hoàng Đế Thành của vua Thái Đức sau bị nhà Nguyễn Gia Miêu phá hủy. Thành Bình Định của nhà Nguyễn ở về phía nam thành Đồ Bàn Dấu vết Chiêm Thành rồi Tây Sơn được gọi là Thành Cựu.

Thành của nhà Nguyễn, trải bao phen binh lửa, đến năm 1946 thì bị Việt Minh san phẳng theo kế hoạch tiêu thổ kháng chiến và ngày nay chỉ còn dấu chiến hào, chiến lũy mỗi năm mỗi tiêu tán thêm nhiều.

Tuy nhà Tây Sơn đã mất, nhà Nguyễn Gia Miêu không chú trọng việc Tây tiến bao nhiêu nhưng vì cuộc sống của Bình Định liên quan mật thiết đến sự phát triển kinh tế của Cao Nguyên, nên quốc lộ 19 hiện giờ là một đường trọng yếu mà Việt cộng cố tranh cùng ta để nắm quyền chủ động trên các chiến trường Ngân tây, núi rừng trùng điệp,

Đã đến lúc người quốc dân cách mạng của Bình Định phải nhớ đến hùng khí Tây Sơn, quét sạch Việt cộng ra khỏi những căn cứ ở các nguồn phi nhiêu và hiểm trở. . .



## **QUANG TRUNG VÀ CHIẾN THUẬT THẦN TỐC Ai thắng ? Ai bại ?**

Với người Việt Nam từ năm 1789 cho đến bây giờ, cuộc chiến tranh giữa nhà Thanh và vua Quang Trung, ai thắng, ai bại, không cần đặt vấn đề nổi lan lối trôi nữa. Nếu trận ấy mà quân Tây Sơn không thắng thì giang sơn nước Việt đã thành ra quận huyện của Thanh triều rồi. Nhưng với các sử gia ngoại quốc, căn cứ vào sử nhà Thanh thì năm Kỷ Dậu (1789) quân ta lại bại trận.

Sử nhà Thanh chép về vũ công đời vua Càn Long đánh Khách Nhĩ khách (GurKhas), đánh Kim xuyên, Tam Miêu, Tây Tạng, Đài Loan v.v. có ghi luôn hai chiến dịch Miến Điện và An Nam, hai chiến dịch đại bại của Nhà Thanh mà vẫn cứ ghi là thắng.

Chiến dịch Miến Điện khởi từ năm Càn Long 31 (1766) đến năm Càn Long thứ 54 (1789) mới thôi. chiến dịch Miến Điện sắp thôi thì chiến dịch An Nam lại mở màn. Tôn Sĩ Nghị thống lĩnh 20 vạn quân bốn tỉnh

Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu, tiến vào đất Việt từ mùa đông năm 1788.

Sách Vạn quốc sử ký quyển IV, tác giả là Cường Bản Giám phủ chép rằng::

«Năm 1789, người Thanh đem quân sang đánh Nguyễn Huệ, Huệ thua chạy, đổi tên là Quang Bình, dâng biểu tạ tội với nhà Thanh, xin hàng.

Sử sách nước ngoài chép như thế đó! Kể ra thì họ cũng có lý phần nào, bởi vì sau ngày chiến thắng, Miến Điện cũng như Việt Nam đều có văn thư xin giảng hòa và có cống hiến vài thớt voi cho vua Càn Long nhà Thanh thật! Cứ xem văn thư ngoại giao của nhà Tây Sơn, do Ngô thời Nhiệm thảo ra thì sự việc chiến tranh diễn ra một cách,.. hài hước thế này.

...«Mùa hạ năm Mậu Thân (1788), tôi (vua Quang Trung tự xưng) tiến tới đô thành nhà Lê, giao nước cho Duy Cần, con tiền Lê vương coi giữ việc thờ tự. Tôi từng sai sứ sang gõ cửa ải, mong đem hết nội tình trong nước mà trình bày. Nhưng mẹ Duy Kỳ đã sang trước ải Khả Lưu, kể lể xót xa với Tôn sĩ Nghị, Tổng đốc Lưỡng Quảng, lẫn lộn gào khóc, một hai xin cứu binh.

Tôn Sĩ Nghị là kẻ đại thần ở biên cương, đáng lẽ phải xét kỹ căn do, tìm hiểu cái cớ tại sao Duy Kỳ lại bỏ nước mà trốn, mà tại sao tới lại vào nước, rồi tâu cùng Đại Hoàng Đế để ngài phân xử dẹp mối loạn.

Trái lại, vì ham tài sắc chỉ biết nghe lời đàn bà, Nghị xé biểu chương của tôi, làm nhục sứ giả, ra lệnh đuổi về. Ý hẳn muốn xua dân đây binh, tăng công gây chuyện.

Mùa đông năm ngoái (1778), Nghị điều bát, huy động nhiều quân, kéo ra khỏi cửa ải, mượn tiếng khôi phục nhà Lê, truyền hịch đi khắp trong nước, đổ tội cho tôi. Hắn chực đánh róc đến Quảng Nam, đào cây bứng rễ, trừ tuyệt mối lo cho Duy Kỳ!

Tôi ở nơi hẻo lánh cuối trời, đường xa xa xôi, núi sông cách trở, chẳng hay việc đó có do ý Đại Hoàng Đế sai lầm hay do Tôn Sĩ Nghị



vì một người dân bà xui khiến mà sinh sự ở chốn biên thùy, may ra thành công thì mưu lợi lớn.

Hay tin binh mã Thượng Quốc ra khỏi ải, tôi nghĩ tắc lòng sợ mạng Trời, kinh nước lớn của mình bấy lâu đã bị che khuất, không thông đạt lên trên, sau này mới binh tranh bùng ra thì tai họa không phải là nhỏ.

Ngô hồng Chấn, viên tiểu tướng của tôi, bấy giờ đương đóng ở Lê thành. Tôi sai nhóm hỏi ý kiến họ hàng Lê vương, văn võ thần liêu, kỳ lão và hào mục trong nước, muôn miệng một lời, ai cũng thuận theo về với tôi.

Ôi ! cứ kể nhân sĩ giáp binh của một rẻo đất nơi góc biển xa xôi này so với Trung Quốc không được một phần muôn. Song vì lạch sản ở trước mặt cộp dũ đuổi sau lưng, nên lòng người sợ chết, ai cũng phải cố gắng háng hái. Vì thế, tôi không tránh cái tiếng quăng chuột bề đờ, bèn đem năm, ba tên trai tráng trong làng ra Bắc.

Mồng năm tháng giêng năm nay (1789), tôi tiến đến Lê thành những mong Tôn sĩ Nghị nghĩ lại, họa may có thể đem đồ ngọc lụa thay đồ can qua, đổi binh xa làm hội xiêm áo. Tôi nhũn nhặn xin bái yết, Nghị không chịu trả lời.

Qua bữa sau, quân của Sĩ Nghị xông ra đánh trước. Vừa mới giao phong đã đổ vỡ, chạy tan bốn hướng, dày xéo lên nhau ! Còn những quân quan chạy vào nông thôn lại bị dân gian đánh giết gần hết. Ấy chỉ vì binh nhật đóng quân ở thành, Sĩ Nghị không biết trị quân để cho quân mình hiếp dâm, cướp chợ cho dân chúng oán giận đến tận xương tủy . . .

\* \*

Ấy, quân Thanh thua trận là vì Tôn sĩ Nghị không biết cầm quân chứ binh tướng nhà Tây Sơn có đánh đập gì đâu ! Vừa mới giao phong vài hiệp sơ sơ đã bỏ chạy rồi dày xéo lên nhau mà chết. Còn như lớp nào chạy thoát trốn vào nông thôn thì bị dân chúng bắt giết . Đó là do lòng dân oán giận Tôn Sĩ Nghị chứ binh tướng nhà Tây Sơn đâu có dám đối địch với Thiên Triều !

## Kế hoạch xâm lược của nhà Thanh

Vua Càn Long ban sắc thư cho Tôn Sĩ Nghị, hiểu dụ rõ ràng về kế hoạch xâm lược như sau ;

Hãy cứ tiến binh từ từ, sai bọn bày tôi nhà Lê về nước chiêu tập nghĩa binh đánh nhau với Tây Sơn trước đã. Cứ truyền hịch ra oai, nếu người nước Nam phù trợ vua Lê thì Nguyễn Huệ ắt phải thua chạy. Cứ để vua Lê cầm quân truy kích còn binh mã Thiên Triều thì yểm trợ phía sau. Ít tốn sức mà thành công to, đó là thượng sách.

Nếu người trong nước, nửa theo phe nọ, nửa theo phe kia thì Nguyễn Huệ chắc không chịu chạy. Hãy cứ đưa thư, bảo đường hơa phúc chờ cho thủy quân của ta từ Mân Quảng kéo xuống, đánh úp Quảng Nam, Thuận Hóa thì lúc bấy giờ, bộ binh hãy tiến lên, Nguyễn Huệ bị đánh dồn hai mặt, chắc phải xin hàng.

Cứ để sống cả hai, cắt Thuận, Quảng về nam cho Nguyễn Huệ, từ Hoan, Ai ra Bắc cho Lê Duy kỳ. Đóng binh ở giữa, kiềm chế cả hai. Về sau sẽ liệu.

Tôn sĩ Nghị chia quân 3 đường kéo vào Việt Nam. Đạo thứ nhất (đạo Lương Quảng) do Tôn sĩ Nghị đích thân điều khiển có Đề đốc Hứa, Thế Hành phụ tá tiến theo đường Lạng sơn, Đạo thứ hai (đạo Văn Quý) do Ô đề tông tiến theo đường Tuyên quang (1) Đạo thứ ba (đạo Điền Chân) do tri phủ Sầm Nghi Đống điều khiển, tiến theo đường Cao Bằng.

(1) Địa bàn Tuyên quang thời đó, gồm có Tuyên quang, Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái,

Ô đề tông là một chức tổng binh Trung Hoa họ Ô tên là Đại Kinh Theo sách Thánh Vũ Ký, tác giả là Ngụy Nguyên thì Ô Đại Kinh đem 8000 quân đi qua cửa Mã Bạch, vượt sông Chu, đi 1100 dặm tới trấn Tuyên Hóa so với đường xuất quân của Mộc Thạch, đời Minh thì gần hơn.

Tổng đốc Văn Quý là Phú Cường thấy việc đánh Việt Nam có vẻ chắc thắng muốn tranh công với Tôn Sĩ Nghị cũng xin đi, Vua Càn Long tin yêu Tôn Sĩ Nghị hơn khiến Phú Cường ở lại ngoài biên, đốc áp việc vận tải lương thực, diêm dãi hơn 70

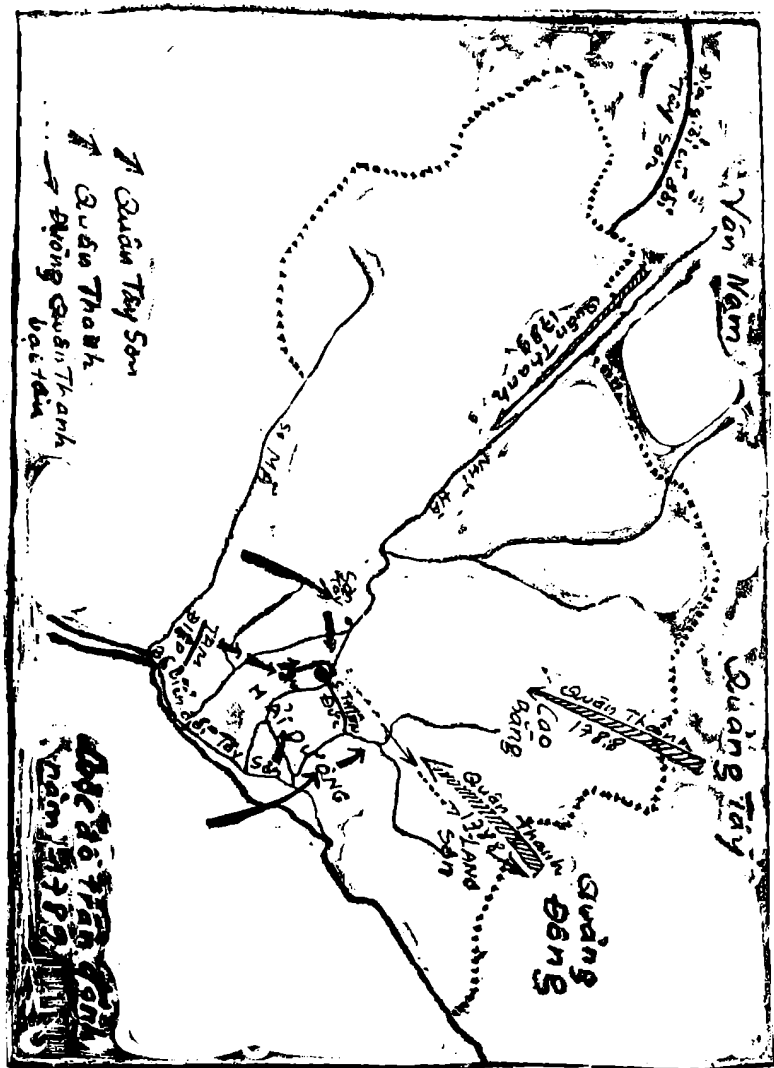
Quân số cả 3 đạo là 20 vạn dưới quyền tiết chế của Tôn Sĩ Nghị. Mỗi tên quân có một đầu phu (dân công chiến trường) theo giúp sức, như thế là dân Bắc Hà sắp được cái hân hạnh nuôi 400.000 miệng ăn như cò p dúi xuống đồng!

Tôn Sĩ Nghị lại truyền lệnh cho quân sĩ nên nhớ khai quang phá bỏ đá núi, chặt hết cây cối bên đường để phòng phục binh của người Nam đánh úp, chuẩn bị súng đại bác và cung tên để bắn đoàn voi xung trận của Tây Sơn. dùng những tấm mộc bằng da trâu để chống đỡ các họng phun lửa (hỏa hồ) của quân Nam, những ống hỏa hồ do De Loureiro chế tạo ở Phú Xuân để giúp chúa Nguyễn mà quân Tây Sơn đã bắt được và đã chế tạo nhiều thêm.

Tôn Sĩ Nghị vào Thăng Long đóng binh ở Kinh Thành đặt đại bản doanh ở Tây Long chữ, bên bờ sông. Trên mặt các chiến lũy, Nghị sai đặt súng đại bác, trước chiến lũy có cắm chông và chôn địa lôi.

Lại thiết lập phù kiều trên sông Nhị để tiện đường giao thông giữa Thăng Long và Kinh Bắc ở phía bắc ngạn.





## Phương lược của Tây Sơn

(Quân Thanh tràn vào Lạng Sơn. Thổ binh (địa phương quân mới tuyển mộ của nhà Tây Sơn) sợ hãi bỏ trốn mất quá nửa. Phan Khải Đức lưỡng lự giữ Lạng Sơn ra hàng giặc. Nguyễn Văn Hoà cô thế, chạy về Kinh Bắc, phỉ báo về Thăng Long.

Phan Văn Sở theo kế sách của Ngô Thời Nhiệm rút quân về giữ núi Tam Điệp, chặn đường giao thông từ trung châu Bắc Việt vào Thanh Hóa (Ái châu). Nội hầu Phạm Văn Lân chỉ đánh thử một trận nhỏ ở sông Nguyệt Đức (sông Cầu) quân sĩ thua tan.

Ngày 20 tháng 4 năm Mậu Thân 1788 quân Tây Sơn bảo toàn chủ lực đóng từ đèo Ba đội (Ninh Bình) vào đến Thanh Hóa liên lạc với thủy quân ở Biện Sơn. Nguyễn Văn Tuyết đem tin giặc xâm lược phỉ báo về Phú Xuân. Ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân, Bắc Bình Vương làm lễ tế cáo trời đất ở đàn Bản Sơn, phía nam núi Ngự Bình, lên ngôi hoàng đế đặt niên hiệu là Quang Trung.

Lệnh xuất sư được ban hành ngay. Quân sĩ cử ba người lãnh một cánh tre, hai người khiêng một luân phiên nhau đi gấp ngày đêm ra Nghệ An. Ra đến nơi là ngày 29 Vua Quang Trung cho mời La Sơn phu tử đến hỏi thử ý kiến. La Sơn phu tử—Nguyễn Thiệp bàn nên đánh gấp thì mới thắng, bằng không thì lỡ mất thời cơ. Ở Nghệ An vua Quang Trung lại mộ một số tân quân, sung vào đạo Trung quân, đặt dưới quyền điều khiển trực tiếp của mình.

Ngày 20 tháng 12, đại quân đến núi Tam Điệp, biên giới Ninh Bình Thanh Hóa, cho quân sĩ ăn Tết trước, hẹn chậm nhất là ngày mồng bảy tháng giêng năm Kỷ Dậu 1789 vào thành Thăng Long.

Đề làm cho Tôn Sĩ Nghị thêm kiêu căng khinh địch khi xuất quân ở Nghệ An vua Quang Trung sai Trần Danh Bình đem một phái đoàn cầm 3 đạo bầm văn tha thiết xin quan đại nguyên soái của Thiên Triều hãy cử đông binh ngoài cửa ải tra xét cho rõ vì sao Tây Sơn phải thay quyền nhà Lê. Tôn Sĩ Nghị chém Trần Danh Bình, cầm tù cả phái đoàn sứ giả.

Xuất quân ở núi Tam Điệp, quân Tây Sơn chia làm 5 đạo, kéo bằng ra Bắc, khí thế dũng mãnh vô song.

Tiền quân do Đại Tư mã Sở, Nội hầu Lân cai quản

Hồ hồ Hầu đốc chiến, chỉ huy hậu quân

Vua Quang Trung tự mình điều khiển Trung quân.

Đại đô đốc Lộc, Đại đô đốc Tuyết cầm đầu Tả Quân, kiêm cả thủy quân, vượt biển vào sông Lục Đầu. Tuyết giữ nhiệm vụ kinh lược Hải Dương, ứng tiếp mặt đông. Lộc giữ vùng Yên Thế, chặn đường của quân Thanh

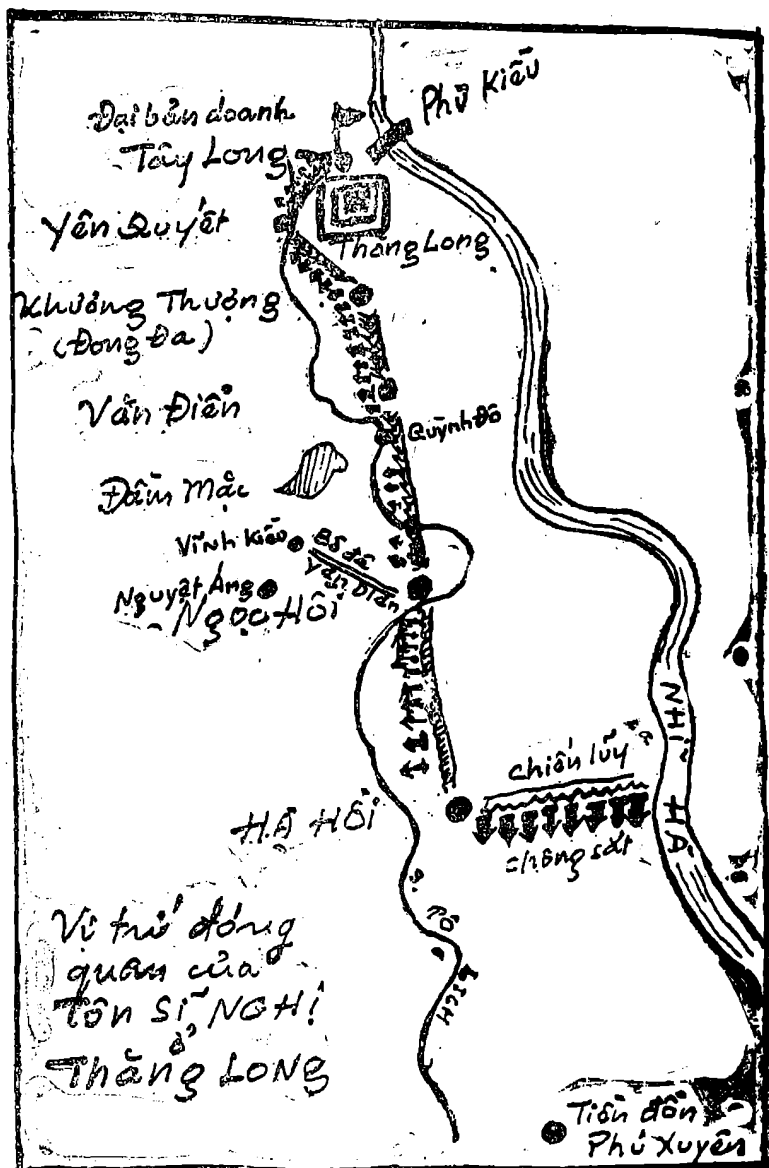
Đại đô đốc Bảo, Đại đô đốc Mưu coi Hữu quân, gồm cả mã quân và tượng quân, mưu đánh vào sườn quân Diên châu có Bảo tiếp ứng

Ngày 30 tháng chạp năm Mậu Thân, quân Tây Sơn lên đường Bắc tiến, phá tan đám nghĩa quân nhà Lê ở Sông Giản Thủy, quân của Hoàng Phùng Nghĩa đóng ở Nam Định nghe tin dữ chưa đánh đã tan. Quân Tây Sơn đuổi bắt, hạ đồn Phú Xuyên, không để chạy sót một tên nào về Thăng Long cả.

Đêm mùng 3 tết, quân Thanh ở đồn Hà Hồi đương ngủ, nghe quân Tây Sơn reo hò như sấm ngoài chiến lũy, vội vàng kéo cờ hàng.

Sau ngày vào Thăng Long Tôn Sĩ Nghị được vua Thanh phong tước Nhất đẳng Mưu dũng công, Hứa Thế Hanh trước đã có chiến công ở Đài Loan được phong Nhất đẳng tước. Các tướng sĩ đều được phong thưởng kẻ ít người nhiều.

Tôn Vĩnh Thanh tâu với vua Càn Long về việc vận lương tốn kém khó khăn nếu truy kích Tây Sơn vào đến Quảng Nam theo sách Thánh vũ ký thì vua Càn Long đã hạ chiếu cho Tôn Sĩ Nghị rút quân về qua khỏi Nam Quan.



Mồng bốn Tết, Tôn Sĩ Nghị được tin báo ở đồn Ngọc Hồi vội sai Thang Hùng Nghiệp đem binh cứu.

Tính sương ngày mồng năm, vua Quang Trung truyền đốt hết lương thực, thúc quân đánh thẳng vào chiến lũy Ngọc Hồi. Ở Tây Long châu, Tôn Sĩ Nghị lên kỳ đài, quan sát trận thế. Đồn Điền châu ở Khương Thượng đương bị quân Tây Sơn công kích dữ dội . . .

Ở đồn Ngọc Hồi, mặt trận quân Thanh hầu súng đại bác, quân Tây Sơn núp sau những tấm mộc bằng gỗ tốt, ngoài phủ da trâu, tiến vào trận địch, quân Thanh hoảng sợ, bỏ trận chạy về, đập nhằm địa lôi của mình, tan xác vô số. Kỳ binh của quân Thanh cũng bị tượng binh của Tây Sơn đuổi đánh tới bờ. Quân Tây Sơn hạ đồn Ngọc Hồi (chiến lũy Nam Đồng) thừa thắng đánh chiếm luôn các đồn Văn Diên, Yên Quyết, Bền Thanh, đề đốc Hứa Thế Hanh, tiên phong Trương Triều Long, tả dực Thượng Huy Thăng đều tử trận.

Một số lớn tàn binh bên Thanh chạy trốn ở Đầm Mực bị tượng binh dày xéo, chết đầy cả đầm.

Tôn Sĩ Nghị đem vài mươi kỵ binh chạy qua phù kiều, Quân Thanh thấy chủ tướng trốn chạy, cũng hoảng sợ chạy theo. Cầu gãy, hàng vạn người chết đuối.

Sầm Nghi Đống cùng vài trăm tàn binh tự vẫn ở Loa Sơn (Gò Đống Đa).

Đạo binh Văn Quý (Văn Nam, Quý Châu) vừa đến địa giới Tây Sơn, nghe tin quân Tôn Sĩ Nghị đã thua tan, vội vàng tháo lui thật gấp.

Tôn Sĩ Nghị, trên đường chạy trốn, bỏ cả sắc thư ấn tín.

Vào khoảng giờ Thìn, vua Quang Trung vào thành Thăng Long, sớm hơn kỳ hạn tự ấn định hai ngày.





## DANH SƠN BÌNH ĐỊNH

Người xưa có câu : «Núi không cần cao ,hễ có tiên thì nổi danh ,Nước không cần sâu ,hễ có rồng thì gọi là nước linh .» ( Sơn bất tại cao ,hữu tiên tắc danh .Thủy bất tại thâm ,hữu long tắc linh )

Núi rừng Bình Định có liên quan nhiều đến lịch sử nước nhà,nhất là trong giai đoạn tranh hùng giữa nhà Nguyễn Gia Miêu và nhà Nguyễn Tây Sơn .Núi rừng Bình Định từng là nơi dụng võ đua tài giữa các arch hùng ,hào kiệt.

Đi qua những vùng còn dấu tích thành xưa ,lũy cũ ,nếu không thuộc vào loại sắt đá hay thái thượng nhân vô tình ,chắc chúng ta ,ai cũng xao xuyến ,bối hối ,nhất là những người địa phương đã sinh trưởng dưới bóng dừa Hoài Nhơn - Phú Mỹ hay trong những cánh đồng lúa nếp Tuy Phước An Nhơn .

*Đá trắng xưa còn oai võ dũng,*

*Non xanh nay vẫn bóng là dương.*

Người quốc dân cách mạng hay người ngao du sơn thủy đều cần biết núi rừng Bình Định ,nơi có thể chiến thắng thuận lợi và cũng là nơi có những vẻ đẹp thanh kỳ.



Núi quan trọng nhất của Bình Định là núi Dương An ,cũng gọi là Phước An - tên Phước An đặt từ đời Tự Đức .Sách địa lý cũ coi núi

Phước An là trấn sơn cho cả một tỉnh .

Núi này ở phía nam thành Đồ Bàn - xưa thuộc huyện Tuy Viễn , nay là quận An Nhơn - chu vi đến hơn trăm dặm , cây cỏ sâm uất , tiếp giáp với nhiều hang động như Động Hiền , Động Bà ở phía tây Động Dầu ở phía nam . Phía đông bắc có núi Canh Đạt làm bình phong , núi Phước An có cái thế làm căn cứ quân sự , chế ngự cả nửa phía nam tỉnh Bình Định .

Năm Canh Thân (1800) , tướng Tây Sơn là Trần Quang Diệu Vũ Văn Dũng vây thành Qui Nhơn - thành mà Nguyễn Vương Phúc Ánh vừa khôi phục và giao cho Võ Tánh trấn thủ . Tướng Tây Sơn đặt trọng binh ở núi này . Tuy Nguyễn Văn Thành (phe Nguyễn Vương) đã có lần đi đường tắt qua ngõ Bột Khê , Trại Đẳng phóng hỏa đốt được một vài dinh trại của Tây Sơn trong khi Lê Văn Duyệt đánh mạnh ở vùng Cửa Dã , nhưng quân Tây Sơn vẫn chiếm vững Phước An. Võ Tánh thế cùng , phải tự thiêu mà chết.

Cũng nổi danh trong lịch sử và có quan hệ an nguy đến thành Bình Định là núi Càn Dương ở phía đông nam quận Phù Cát. Núi này còn nổi liếng vì có nhiều xoài tượng ngon. Nguyễn Nhạc lập tân phủ ở đây , đặt trọng binh phòng giữ . Kho Càn Dương là nơi Tây Sơn tích thảo đồn lương. Trấn binh ở đây cùng với đại binh ở Hoàng Đế Thành có cái thế tương liên hô ứng. Giặc đến vây thành thì đại binh xông ra chống cự , trong khi ấy trấn binh ở Càn Dương Sơn đánh ép vào mặt sau vì thế quân của Nguyễn Vương từ Gia Định thuận gió mùa tiến ra nhiều khi đã thắng trận ở Cửa Dã mà việc bao vây Hoàng Đế Thành cũng gặp nhiều trở ngại nguy hiểm.

*Càn Dương Sơn* : là một tiền đồn bảo vệ Hoàng Đế Thành căn cứ của Trung Ương Hoàng Đế vua Thái Đức nhà Tây Sơn vậy ,

*Mỏ Ô Sơn* : ở phía đông huyện Phù Cát , núi có thành nhỏ của Tây Sơn về phía đông bắc. Thành này có cái thế trợ lực cho trấn binh ở

Cần Dương Sơn. Trong thành có ao nhỏ rộng trên vài trượng, nước ngọt giữa ao có trụ đá tượng truyền là của người Chiêm tạo ra phía tây có hai tháp nhỏ điêu tàn.

Sau đây là những núi đã từng có những trận giao phong giữa Tây Sơn và Chúa Nguyễn.

*Sa Lung Sơn* Thế núi trập trùng cây cỏ sum uất ở phía tây bắc huyện Bồng Sơn, (quận Hoài Nhơn) còn lũy cũ của Tây Sơn.

*Cung Quảng Lĩnh* ở phía đông bắc quận Hoài Nhơn mặt bắc của núi thuộc về quận Đức Phổ tỉnh Quảng Ngãi.

Năm 1799, Tổng Viêt Phước, lãnh binh Gia Định chiếm cứ núi này dinh trại liên lạc từ núi Cung Quảng đến núi Sa Lung. Tướng Tây Sơn là Vũ Văn Dũng đi đường tắt từ phía tây đến toan mở trận đánh úp. Lúc bấy giờ trong đám tranh có con nai nhảy ra, quân tiền đạo của Tây Sơn la to : Con nai, con nai, hậu đội nghe lầm tưởng là quân Đồng Nai đã chuẩn bị nghinh chiến, vây bọc quân mình nên sợ hãi và rùng rùng tan vỡ. Tổng viêt Phước thừa thế truy kích, quan Tây Sơn thua to, may nhờ có Trần Quang Diệu cứu ứng kịp nên Vũ Văn Dũng mới thoát nạn. Tướng Tây Sơn là Lê văn Thanh giữ thành Qui Nhơn, chờ lâu không thấy viện binh, trong thành, lương thực lại hết, bắt đầu dĩ phải mở cửa thành ra hàng Nguyễn Vương Phúc Ánh. Thành Qui Nhơn đổi tên ra Bình Định, Nguyễn Vương sai Võ Tánh và Ngô tùng Châu ở lại trấn giữ, Tướng Tây Sơn là Trần quang Diệu phản công, năm 1810 chiếm lại thành Qui Nhơn.

*Thạch Tân lãnh Núi* ở gần đèo Bến Đá, giáp với quận Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi Năm 1800' Tổng Viêt Phước bị quân Tây Sơn phần đông, hăng hái lược trận rửa cái nhục thua trận Núi năm trước.

Năm 1802, tướng nhà Nguyễn là Lê Văn Duyệt, người tỉnh Quảng Ngãi đánh với tướng Tây Sơn là Trần Văn Chiêu một trận kịch liệt ở tại núi này.

*Mạn Lăng Sơn*, núi oai hùng nhứt của quận Phú Mỹ, mạch núi

thông với núi Bích Khê, núi Diệp Thạch. Sơn núi xanh biếc, cỏ cây rậm rạp. phía tây núi là ấp Tây một sở đất đồn điền của Tây Sơn ngày trước. Nơi đây lại có nguồn Trà đình nơi phát nguyên sông Lại Dương, sông lớn nhất tỉnh Bình định.

*Bích kê sơn* ; Ở phía Bắc huyện Phù Mỹ, Năm Quý tỵ (1773), Tây Sơn sai Tập Đình và Lý Tài phục binh ở núi này, đánh giết tướng của chúa Nguyễn là Tôn Thất Hương.

*Triều châu Lĩnh* ; Núi cao chu vi dài mười dặm. trong núi có đầm Mai Hương, phía nam có lũy xưa. phía Bắc có lũy Tây Sơn lập ở Gành Hồ để bảo vệ cửa Thị Nại. ở đầm Mai Hương cũng có Bảo đài. Năm 1791 tướng Đồng nai là Tôn Thất Hội đánh nhau với quân Tây Sơn nhiều trận kịch liệt ở núi này,

*Hàm Long Sơn* ; tục gọi là núi Úc ở quận Tuy phước, Nam 1799, tướng Đồng nai là Nguyễn văn Thành lên đi đường Kỳ sơn, đánh úp đồn lũy Tây Sơn ở mặt sau trong khi Lê văn Duyệt đem quân xung kích ở mặt trước, lập được chiến công,

*Kỳ Sơn*, Núi ở quận Tuy phước, gần đó có núi gọi là Phụng Sơn. Nhà phong thủy cho là cát địa, sản xuất nhân, tài. Đô đốc Lộc tướng nhà Tây Sơn, xuất thân là kẻ chăn trâu ở vùng này.

*Thị Dã Sơn*. Núi ở phía nam đồng Thị Dã, đi về phía tây nam có núi Hà Thanh. đường giao thông trọng yếu của dân Thượng. lại có đường đi đến suối Nam Thủy ở địa đầu Phú yên.

## Những núi có sản xuất đặc biệt.

**XÀ CÙ SƠN** Ở phía tây núi An Tượng, cây cối rậm rạp, có nhiều thú rừng lớn.

**SƠN TRẠM** Ở phía tây núi dài liên tiếp hơn 100 dặm ở phía tây quận Tuy phước. Nơi có nhiều vị thuốc nam. Mùa xuân dân địa phương làm lễ cầu mưa ở đây mới vào núi hái thuốc

**THAM HÙNG SƠN**, ở phía tây huyện Phù Mỹ, núi sản xuất nhiều cây thạch

xương bồ, dùng trong Đông y làm thuốc bổ não, bổ tim

CỰU—PHỦ LÃNH. Núi ở trên đường giao thông Phú Mỹ- Bồng sơn. Trong núi có nhiều cây chè

AN—HỒ DỪ Núi ngoài biển, ở Phần nam lĩnh Bình Định sản xuất đá vôi. Những núi có đường xuyên sơn lên cao nguyên

BÁCH—KHẨU LÃNH phía tây có đường thông đến An Khê

TA—ĐA LÃNH cũng như Bách Châu, Lãnh xưa thuộc huyện Tuy Viễn nay là quận Bình Khê. Có đường lên cao nguyên

HA—NGÃI LÃNH Ở phía tây nam quận Tuy Phước có đường thông với nguồn Lộc Động về phía tây bắc, thông với nguồn An Tượng về phía đông bắc. Là đường giao thông trọng yếu của người Thượng. Tại đây, đi ngã Mông Khê Bột Khê vào đến Hà Thanh.

X  
X X

VONG PHU THẠCH, Ở phía đông nam quận Phù Cát phía bắc núi Càn Tương có một hòn đá hình đàn bà bồng con và dắt con mặt ngó ra biển. Tương truyền là một thiếu phụ ở thôn Chánh Qui trông chồng đi xa không về mà hóa thành đá. Người chồng đi biệt tích và không bao giờ trở về vì người vợ chính là em gái. Anh em thất lạc mười mấy năm sau gặp nhau vì không rõ lai lịch nên ăn ở với nhau. Đến khi người chồng nhận một bữa bất chấy cho vợ, thấy đầu vợ có vết sẹo, bèn hỏi nguyên do. Người vợ thuật chuyện xưa mình cho người anh ruột, một hôm anh em coi thóc giữ gà, cha mẹ đều đi vắng, hai trẻ cãi nhau, anh nóng giận, gây thương tích cho em, sợ hãi quá, đi biệt tâm biệt tích.

Người chồng biết mình lầm lỗi, không dám nói sự thật với vợ, mình chính là người anh, viện cớ đi buôn, lần này đi luôn, không bao giờ về cố hương nữa.

Sầu biệt ly và niềm nhớ thương trông đợi đã biến ba mẹ con thành đá, lưu một hình ảnh trường hận ngàn năm,



## DI TÍCH LỊCH SỬ

Một dân tộc văn minh đã từng sống ở Bình Định mà đến nay chỉ còn tro mấy tòa cổ tháp và một vài dấu thành lũy điêu tàn.

THÀNH CHA ở thôn An Thành, thành UẤT TRÌ cũng gọi là thành Bách Bích ở Phú Phong có lẽ là hai thành xưa nhất của người Chiêm còn để lại. Sách Thủy Kinh Chú, làm từ đời Tam Quốc, đã có nói đến hai thành này. Vậy thì 2 thành này dăm dãi phong sương, ít nhất cũng trên 17 thế kỷ.

Trên đỉnh núi Chóp Vàng còn có dấu sơn thành, có lẽ đó là một tiền đồn án ngữ cho thành Bách Bích.

Tháp chàm ở châu Vijaya là những tháp đẹp nhất, kiến trúc từ thuở vương quốc Chiêm Thành còn hưng thịnh, khác hẳn ở châu Pa-ni-ranga kiến trúc vào lúc quốc vận đã suy vi.

THÁP DƯƠNG LONG ở bắc ngạn sông Côn, thuộc thôn Tường Vân, xưa thuộc huyện Tường Vân, nay thuộc quận Bình Khê. Pháp gọi là Tháp Ngà, (Tour d'Ivoire)

THÁP THỦ THIỆN ở nam ngạn sông Côn, cũng gọi là tháp Thủ Hương vì ở thôn Thủ Hương, huyện Tường Vân. Pháp gọi là Tháp Thanh Đồng (Tour de Bronze). Bên cạnh tháp Thủ Thiện còn có dấu vết thành Sứ.

THÁP NAM AN trong vị trí thành Đồ Bàn, tục gọi là tháp Cảnh Tiên vì tháp cao, từ vai trở lên, trông như tiên cất cánh bay lên trời vậy. Pháp gọi là Tháp Đồng (Tour de Cuivre)

THÁP HƯNG THẠNH tục gọi là Tháp Đồi ở đầu thành phố Qui Nhơn. Pháp gọi là Tour Khmer.

THÁP THANH TRÚC ở làng Bình Lâm

THÁP XUÂN MỸ cũng gọi là tháp Long Triều

THÁP THỎ SƠN cũng gọi là tháp Thị Thiện, tục danh là tháp Bánh Ít, bên quốc lộ số 1, nhìn ra quốc lộ tây tiến số 19, gần cầu Bà Di, trên địa điểm giáp giới 4 thôn Huỳnh Kim, Vạn Bửu, Phong Niên, Đại Lộc.

4 sở tháp Hưng Thạnh, Thanh Trúc, Xuân Mỹ, Thỏ Sơn đều thuộc quận Tuy Phước.

THÁP PHƯỚC LỘC ở trong hai thôn Phú Thành và Châu Thành, thuộc huyện Phù Cát, bên đường thiên lý Bắc—Nam (quốc lộ số 1) Tục gọi là tháp Phước Lộc, Pháp gọi là Tháp Vàng (Tour d'Or)

Di tích lịch sử thường gọi hoài cảm của thi nhân. Một thanh niên Bình Định, Vũ Phan Long có một bài thơ bao gồm các biến thiên lịch sử, lời súc tích, ý chân thành:

*Đồ Bàn thành cổ ngập tang thương,*

*Hoa cỏ còn in vết chiến trường.*

*Nghiệp để Bồng Nga rêu mảy lớp,*

*Vua Trời Thái Đức sử vùi thương.*

*Lê thê lá rụng buồn cô lũy,*

*Lác đác hoa rơi lạnh miếu đường,*

*Dư ảnh phồn hoa mây tản mát,*

*Tháp Tiên dầu dãi áy tà dương.*



## **ĐẶC ĐIỂM CỦA NHÂN TÀI BÌNH ĐỊNH**

Năm 1867, nhà Nguyễn Gia Miêu mở trường thi võ tiến sĩ ở Bình Định.

Trong toàn quốc chỉ có hai nơi lập trường thi võ tiến sĩ: một là Thần Kinh (Huế) hai là cự đô Thăng Long ở toàn thê Bắc Hà.

Riêng Bình Định có một trường thi võ tiến sĩ, ngang nhiên có uy thế như Thần Kinh và Thăng Long.

Tại sao nhà Nguyễn Gia Miêu chờ đến năm 1867 mới lập trường thi võ tiến sĩ ở Bình Định ? Nhà Nguyễn Gia Miêu thừa biết đất Bình Định có nhiều nhân tài. Đó là đất phát tích của anh em Tây Sơn. Đệ nhất danh tướng của nhà Tây Sơn là Trần Quang Diệu cùng với Bùi thị Xuân, vị nữ tướng vậy đánh lủy Trấn Ninh của nhà Nguyễn đều là người Bình Định.



Nhà Nguyễn Gia Miêu sợ dân Bình Định nên không muốn cho họ xuất đầu lộ diện trên chính trường. Kịp đến khi 6 lĩnh Nam Kỳ đều mất vào tay giặc Pháp thì Triều đình Huế mới nghĩ đến việc lợi dụng lòng dũng cảm của dân Bình Định để chống ngoại xâm.

Bình Định là đất có nhiều nhân tài mà sao ngạn ngữ Việt Nam lại có câu ;

*Quăng Nam hay cải,  
Quăng Ngãi hay co,  
Bình Định hay lo  
Thừa Thiên ních hết!...*

Cứ theo câu ngạn ngữ này thì dân Nam Ngãi đều cứng đầu có gan chống lại cường quyền. Người trên bóc lột dân, làm việc phi pháp, trái lý, dân Nam Ngãi dám chống lại, cãi cho ra lẽ mới thôi. Thắng hoặc, cãi lý không nổi thì cũng *co cượng*, cốt làm cho quan trên thấy cái khó khăn trong việc sách nhiễu hối lộ. Co cượng có nhiều cách, cách hiệu nghiệm nhất làm cho quan trên chán nản là *cù rề, cù tặc*, không hẳn là từ chối nạp hối lộ, có điều nạp rất chậm, nạp lưng khoản nhỏ, kêu van, than thở, cò kè bớt một, bớt hai, cuối cùng là ù lỳ; chịu nạp trên nguyên tắc mà không có phương tiện nạp trên thực tế.

Duy chỉ có dân Bình Định là ngu si dễ bảo, dễ khiển, ưa nạp hối lộ, vác của đi lo lót cho quan quyền. *Thừa Thiên ních hết!* Đất Thừa Thiên nhiều quan vì Kinh đô Phú Xuân đóng trong tỉnh này. Thừa Thiên có tên là doanh Quảng Đức (Đức Rộng, Đức Lớn). Thời Gia Long — Minh Mạng, người ta dùng danh từ Ngũ Quảng để chỉ 5 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức (Thừa Thiên) Quảng Nam, Quảng Ngãi.

Thừa Thiên lại là chỗ sĩ phu toàn quốc tụ họp lại, cầu quan.

Theo hình thức hoán dụ của mỹ từ học, chữ Thừa Thiên dùng để chỉ quan, lại, chứ không hẳn là chỉ riêng quan lại sinh trưởng ở xứ Huế mà thôi. Tóm lại, Bình Định là đất ăn nên làm ra, phát tài, phát lộc cho hạm lớn, hạm nhỏ.

Sự thực có đúng như vậy không?

Trong chế độ phong kiến thối nát, quan lại là giai tầng hưởng lợi nhiều nhất. Đó là việc dĩ nhiên. Tục ngữ Việt Nam có câu «Của vào quan như than vào lò», mấy cũng không đủ. Thừa Thiên ních hết, ních cho no bụng, cho đến chừng dân chúng bắt kham, nổi lên làm cách mạng như thời Trương phúc Loan mà vẫn chưa thôi.

Ăn hối lộ là một tệ đoan đã làm sụp đổ bao nhiêu hoàng triều, để nghiệp Dân chúng bị quan lại đục khoét, muốn cho được việc cần phải lòi tiền ra. Tiền nước mắt, mồ hôi đau xót từng khúc ruột, dân có đại gì khi không đem nạp cho quan?

Muốn được ăn hối lộ thì phải có đủ các thủ đoạn sách nhiễu vụ oan giá tỵa cho muôn dân, cướp của công làm của tư, sử dụng trăm, ngàn mảnh khốe bắt nhân, bắt nghĩa. Bình Định là đất giàu có. Phải chăng vì thế mà ở tại tỉnh này, quan lại dễ sách nhiễu hối lộ.

«Vô phúc đáo tụng đình, hữu họa đáo công môn» đến cửa công là điều tai họa, trên có quan, dưới có nha lại, giấy tờ phiền phức, một chút việc nhỏ như đầu móng tay cũng phải tốn tiền rượu, tiền trà. Người dân Bình Định, thường bảo nhau nên mua đường vắng, cúng cô hồn một lễ cho công việc mau rồi để còn về nhà làm ăn kéo sớm chục giờ chiều chờ, đã mất công ăn việc làm mà còn khổ thân như con chó tiec rươi nữa. Đưa tiền cho bọn tham quan ô lại, dân Bình Định có cái tâm lý cúng quan ôn. Bọn ôn hoàng dịch lệ chỉ biết có tiền, thôi thì

ta bố thí!...

Câu «Bình Định hay lo» kê ra cũng đúng một phần.

Nhưng...

Xem kỹ lịch sử các nhân vật hữu danh của Bình Định thì tôi nhận thấy rằng chữ *lo* có thể hiểu theo nghĩa khác, đúng với tâm ý của người Bình Định hơn.

Lo là lo toan. lo lắng. lo việc lớn trong thiên hạ đúng với đạo học của một kẻ thiên hạ sĩ : Hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc, tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu.

Vui sau mọi người, lo trước mọi người, tâm lý thiệt là vị tha và hào hùng, tráng liệt.

Triều vua Tự Đức, khi giặc Pháp xâm chiếm Nam Kỳ, dân chúng Việt Nam đã nhất tề ứng chiến. Nghĩa quân Lục Tỉnh mặc dầu chỉ có khí giới thô sơ nhưng đã hăng hái lên đường, làm tròn bổn phận người dân thời loạn. Họ từ biệt vợ con bằng câu :

Giặc Tây đánh tới Cần Giuộc.

Biền đường thương nhớ đợi chờ mất công.

Trong lúc dân tâm sĩ khí hăng hái như vậy thì người cầm đầu vận mệnh quốc gia là vua Tự Đức lại chỉ biết đặt quyền lợi gia đình lên trên tất cả. Vua phê vào sổ của phe chủ chiến, phê một câu bộc lộ hết tâm lý uơu hèn :

— Kim nhật thỉnh chiến, minh nhật thỉnh chiến, chiến nhi bất thắng, trí ngô gia mẫu tử vu hà địa ? (Ngày nay xin đánh, ngày mai xin đánh, đánh mà không thắng thì đặt mẹ con ta vào đất nào ?)

Trời đất ! Làm in như chỉ vua Tự Đức và bà Từ Dũ mới

có tình mẹ con !... Mất Nam Kỳ thì mẹ con của mấy triệu thần dân biết đặt vào đâu ? Tội nghiệp cho những quan vãng mệnh Triều đình đi nghị hòa, Lâm duy Hiệp, Phan thanh Giản bị dân chúng căm thù lây. Dân Nam Kỳ bảo nhau :

— Phan, Lâm mãi quốc, Triều đình khi dân. (Họ Phan, họ Lâm bán nước, Triều đình lừa dân)

Hưởng ứng với dân Nam Kỳ hăng hái nhất là những phần tử ái quốc ở Bình Định. Lý do hưởng ứng rất dễ hiểu là vì chủ lực khinh địch ở Nam Kỳ là dân Bình Định di cư. Trong số những người đau lòng vì vận nước điêu linh có Nguyễn văn Viện thật là một nhà cách mạng dân quyền có胆 lược. Nguyễn văn Viện nhận định rằng : Muốn cứu nước thì phải đánh đổ hôn quân, tôn phủ một người khác lên ngôi, sửa sang chính trị, chấn chỉnh binh lực. Nếu không thì nay mất 3 tỉnh, mai mất 3 tỉnh, mấy lúc mà toàn thể giang sơn lọt vào vòng thống trị của quân thù. Vua đã không lo nghĩ gì đến việc nước thì dân chúng có quyền nổi lên, lo việc tự cứu.

Năm 1864 (năm Tự Đức thứ 17) Nguyễn văn Viện người Bình Định, nuôi chí lớn cứu nước, ra Thừa Thiên dùng võ nghệ và văn tài giao thiệp với những người có tư tưởng duy tân, Những sách lược kiến quốc trị bình của Nguyễn văn Viện cố nhiên cũng bị bọn hủ nho bỏ xó, y như những bản điều trần của Nguyễn trường Tộ, Nguyễn tư Giản. Nguyễn văn Viện liên bí mật kết giao với Hồng Tập, con trai Phú bình Công Miên Áo, rồi đặt Hồng Tập làm minh chủ, mưu việc đánh chiếm Kinh Thành. Trương văn Chất, con trai quan phò mã đô úy Trương văn Uyên, Tôn thất Thanh, tri huyện Hương Trà (một huyện phụ cận Phú Xuân), Tôn thất Thừa, Kiều Nghiệp, chỉ huy quân hộ vệ vua Tự Đức

đều tham gia cách mạng. Các lãnh tụ chỉ huy ước hẹn với nhau, bí mật đem quân vây hoàng thành. Đêm mùng 2 tháng 7 năm Giáp Tý (1864) sẽ nổ 8 phát súng làm hiệu, quân mai phục nhất tề nổi dậy, xông vào cấm thành.

Rủi thay, đêm khởi nghĩa, trời mưa lất rắt, thuốc súng bị ướt, chỉ nổ được có 1 phát súng, nghĩa binh có toán nghe, có toán không nghe, không xông vào một lần nên quân tuần thành chống cự được.

Việc hỏng, Nguyễn văn Viện và Hồng Tập bị tội xử tử lăng trì, lóc từng miếng thịt. Hồng Tập ở ngôi minh chủ, đó là quyền của một người lá ngọc cành vàng. Vị lãnh tụ tối cao thật sự của nghĩa quân là Nguyễn văn Viện. Trong số các vị chỉ huy của nghĩa quân có những người Tôn Thất bà con với Hồng Tập. Trương văn Chất là con quan phó mã đô úy, có tình ngoại thân. Giữa cái khối ruột thịt ấy thì Nguyễn văn Viện là người bách lính, xuất thân trong hàng ngũ bình dân mà lại nhảy vào, nắm giữ vai trò quân sự, chỉ huy được cả khối. Nếu không có tài năng siêu việt, văn võ kiêm toàn thì dễ gì những người hoàng phá kia đã nghe theo kẻ sách, phục tùng mệnh lệnh.

Lúc sa cơ thất thế, bị bắt cầm tù, bị khảo đả, tra tấn cực hình, Nguyễn văn Viện đã tỏ ra có khí phách lạ thường, khiến các quan trong Hình Bộ giữ việc thăm vấn phải kinh hoàng vì suốt đời chưa gặp được ai to gan đến thế. Kiểm soát nường đỏ kẹp vào đùi bên trái thì quay sang phải mà ngủ, kẹp vào bên phải thì quay sang bên trái mà ngủ, hết lớp này lại lớp khác. Viện đã nói với quan trong Hình Bộ (Bộ Tư Pháp) rằng :

Đã như thế đủ rồi. Tôi làm việc này nếu thành công thì nắm đại quyền, hét một tiếng thiên hạ đều rung động. Nay việc thất bại chỉ còn một chết mà thôi. Các ông đừng tra hỏi thêm đồng đảng để lập

công với hôn quân. Tra hỏi lắm thì không biết chừng, chính các ông cũng có liên quan, dự mưu vào cái việc mà các ông gọi là phản nghịch.

Quan thượng thư Hình Bộ nghe nói thất kinh, không dám khảo đả thêm, sợ vị lãnh tụ nghĩa quân khai có mình trong đó thì nguy hiểm không biết đầu mà lường, mà tránh, vội vàng lập thành bản án, kết thúc sự việc cho mau.

Cái lo của Nguyễn văn Viện là cái lo làm việc cách mạng Thang, Võ. Vua Thành Thang đánh đổ vua Kiệt nhà Hạ, vua Châu Võ đánh đổ vua Trụ nhà Ân, cái lo của Nguyễn văn Viện là cái *lo thiên hạ đại sự*.

Nhà Nguyễn Gia Miêu gọi nhà Nguyễn Tây Sơn là *Ngụy Tây*. Bình Định là đất phát tích của *Ngụy Tây* nên họ không muốn cho dân tỉnh này tham dự nhiều vào quyền chính. Bất đắc dĩ đến lúc phải dụng võ thì mới đẩy dân Bình Định ra chiến trường.

*Người Bình Định không giỏi nghệ thuật làm quan, nhưng những khi nước nhà lâm nạn lớn thì họ xung phong chiến đấu ở hàng đầu, không một chút rụt rè, do dự.*

*Cái lo của Bình Định là cái lo dũng cảm hào hùng.*



## MAI XUÂN THƯỜNG

Người thôn Phú Lạc, đồng hương với vua Quang Trung, năm 25 tuổi, Mai xuân Thường đậu thủ khoa ở trường thi Bình Định. Năm ấy, Kinh Thành Huế thất thủ; vị tân khoa trẻ tuổi lãnh áo mao vinh quy và lo việc khởi nghĩa lập tức.

Vốn có gia tư hào phú, cũng như Văn thiên Tường đời Tống hay cũng như cậu ấm Lê Ninh ở Hà Tĩnh, Mai xuân Thường đã xuất của nhà để lo việc cứu nước trong những ngày đầu.

Vua Hàm Nghi xuất bôn ra Quảng Bình hạ chiếu Cần Vương sĩ dân ở Trung, Bắc hai kỳ đều nức lòng ứng nghĩa. Trong hàng lãnh tụ nghĩa quân ở Trung Kỳ, Mai xuân Thường cũng như Lê Ninh là hai người trẻ tuổi nhất.

Lúc đầu, nghĩa quân Bình Định do quan nguyên tổng đốc Đào Doãn Địch làm chủ, Mai xuân Thường lãnh chức tán tương quân vụ cũng như tham mưu trưởng bây giờ. Vài tháng sau, Đào Doãn Địch lâm bệnh nặng qua đời, Mai xuân Thường được binh sĩ dưới quyền tôn lên làm *Bình Tây Đại Nguyên Soái* Mai xuân Thường là người có đảm

lược, hiểu rằng cuộc kháng chiến chống thực dân nếu ở tỉnh nào làm theo tỉnh nấy thì rất là cô thế. Cần phải liên kết các tỉnh lại với nhau

Nghĩa quân Bình Định liên lạc được với nghĩa quân Trương Chính Đường ở Phú Yên, nghĩa quân Trịnh Phong, Trần Đường ở Khánh Hòa và cho người vào chiếm giữ luôn Bình Thuận. Tại đây có Ung Chiếm ứng nghĩa, chỉ một hồi trống là hạ được thành.

Về phía nam, nghĩa quân thắng lợi, nhưng cánh quân ra Quảng Ngãi thì bị Nguyễn Thân chặn đánh ở đèo Bến Đá. Thủ lĩnh nghĩa quân ở Quảng Ngãi là Lê trung Đình vừa mới cử sự được mấy ngày thì bị Nguyễn Thân bắt giết.

Tuy vậy, tháng 9 năm Ất Dậu (1885) Mai xuân Thường làm lễ tế cờ ở Linh Đông (Bình Khê) rồi chia quân phòng giữ các nơi hiểm yếu. Bình Tây Đại Nguyên Soái hiểu biết giá trị chiến lược của Cao Nguyên nên lựa những người tinh thông võ nghệ và can đảm lập ra hai đội tuyển phong gọi là Sơn Hùng, Sơn Dũng.

Chiến thuật của nghĩa quân là chiến thuật tự vệ của kẻ yếu trước một kẻ thù đông hơn và khí giới tinh xảo hơn. Đó là chiến thuật của những người lấy nghĩa khí trung can bõ khuyết cho những thiếu thốn phương tiện vật chất. Nghĩa binh quen lối đánh bằng mai phục, bằng kỳ binh.

Những người phụ tá Mai xuân Thường như Bùi Điền (Phù Mỹ) Nguyễn Hóa, Trần Trung, Trần Nha, (Bình Khê), Nguyễn Cang, Đặng thanh Trì, Nguyễn trọng Trì (An Nhơn) đều là những người yêu nước nhiệt thành, rất có uy tín trước dân chúng.

Sĩ quan Pháp đánh mai, không đẹp được nghĩa quân, trái lại còn bị những trận phục kích ở bến đò Cầm Văn, ở Trường Úc mà



hao mòn lực lượng.

Người Pháp bèn dùng công sứ Aymonnier và thiếu tá De Lorme đem pháo thuyền Vipère án ngữ ở Qui Nhơn, sai Nguyễn Thân từ Quảng Ngãi đánh vào và Trần Bá Lộc từ Nam Kỳ đánh ra.

Nguyễn Thân và Trần Bá Lộc đàn áp dân chúng dữ dội. Dân chúng, người nào bị tình nghi chút đỉnh là chém đầu ngay. Hai con cạp diên khát máu ấy đã sát hại không biết bao nhiêu lương dân vô tội. Con nít bị bỏ vào cối dùng chày mà giã như giã thịt làm nem.

Cuối năm 1886, những đồn lũy của nghĩa quân ở bình nguyên đều bị giặc chiếm hết. Tuy vậy, cuộc kháng chiến vẫn còn dai dẳng vì chủ lực của nghĩa quân đã rút về Linh Đông, lập thêm các hậu cứ ở Cao Nguyên.

Trần Bá Lộc đánh chiếm Phú Phong, những vị chỉ huy của nghĩa quân như Bùi Điền, Nguyễn Hóa, Nguyễn Can đều tử trận. Y mở nhiều cuộc tấn công vào Linh Đông nhưng bị đánh lui. Tức giận, y liền bắt bà mẹ già của Mai xuân Thượng cùng một số dân của mấy làng vùng Phú Phong, hạ ngục hết thảy.

Y lại trách phạt thân hào, nhân sĩ Bình Phú. Khánh Thuận một số bạc 18 vạn nguyên (một nguyên là một đồng thời đó có giá trị bằng hai ngàn đồng ngày nay). Việc làm của Trần bá Lộc ngang ngược, trái với hòa ước Patenôtre. Triều đình Huế của vua Đồng Khánh phản kháng với Soái phủ Sài Gòn vì chiếu theo hiệp ước thì khi người Pháp giúp Nam triều bình định nội loạn không có khoản nào bắt dân chúng đài thọ binh phí cả. Mặc ! Y cứ thâu bạc bõ tiền như thường và tiếp tục chém người như chém chuối. Một vài người Pháp thấy Trần Bá Lộc hung dữ quá, lên tiếng than phiền thì được toàn quyền Pháp trả lời :

Chuyện ấy đã biết dư rồi, tốt hơn là đừng sai nó cầm binh

nếu người ta muốn và người ta có thể làm khác đi được ! (Nguyên văn Il fallait s'y attendre et ne pas l'envoyer si on voulait et si on pouvait faire autrement Trích trong sách Đông Dương. Kỷ niệm. Indochine. Souvenirs—của Paul Doumer trang 60) .

Đầu năm 1887, vì thấy dân chúng lầm than quá đỗi, lại cũng không muốn để mẹ già bị liên lụy lâu ngày vì mình, nên Mai xuân Thưởng đã giải tán nghĩa quân, một mình một ngựa ra gặp Trần Bá Lộc ở Phú Phong.

Một số chỉ huy nghĩa quân không muốn về hay không dám về làng đã chạy sang Xiêm, vào Phú Yên, vào Nam Kỳ, thay họ đổi tên chờ ngày tái khởi. Trần Bá Lộc đoán biết có sự việc này, nên khi Bình Tây Đại Nguyên soái ra nạp mình, Lộc cố gạn ép hỏi các bí mật quân sự và dự hàng. Mai Xuân Thưởng chỉ nói vắn tắt :

— Mang danh hiệu Bình Tây không lẽ làng Tây ? Xưa nay trung thần nghĩa sĩ chỉ có thể làm đoạn đầu tướng quân chứ không thể làm hàng tướng quân.

Vị anh hùng thanh niên đến nợ nước tại Gò Chàm, phía ngoài thành Đồ Bàn 4 cây số vào ngày rằm tháng 4 năm Đinh Hợi (1887), hưởng dương 27 năm, theo việc nhưng trường cứu nước 2 năm.

X  
X X

Trước khi tuần quốc, Mai Xuân Thưởng có làm bài thơ tuyệt mạng như sau :

*Được mã huy qua báo quốc cừu*

*Chỉ nhân binh bại trí thân hưu!  
 Anh hùng mạc bả doanh du lựu,  
 Vũ trụ trường khan tiết nghĩa lưu  
 Vô bổ dĩ kinh Hồ lỗ phách,  
 Bất hàng cam đoạn tướng quân đầu.  
 Chí kim Cầm Thủy lưu ba huyết,  
 Linh Đồng nam phong khởi niệ sầu !*

Bản dịch của Lam Giang

*Quốc thù quyết trả cho xong,  
 Múa gươm giục ngựa xông vòng đao binh  
 Thua quân chịu lụy thân mình  
 Đừng đem thành bại xem khinh anh hào  
 Mệnh mông đất rộng trời cao  
 Tắm gương tiết nghĩa ngàn sau vẫn còn.  
 To gan khiến giặc kinh hồn.  
 Đầu rơi cũng mặc, tướng quân không hàng  
 Cầm vẫn sóng máu tuôn tràn  
 Gió nam Linh Đồng chiều tàn thê lương*

PHỤ BÚT :

Lúc nhỏ tôi được gia nghiêm dạy cho bài này và nói là của Mai Xuân Thưởng. Về sau, lớn lên, theo nghiệp văn bút, khảo về thơ văn cách mạng thì gặp một số tác giả chép bài ghi tên Thủ khoa Huân. Vì Thủ Khoa này cũng là một chí sĩ nghĩa liệt can trường, bị giặc Pháp chém ở Mỹ Tho.

Hai câu 7—8 chép như sau :

Dương kim Tho Thủy lưu ba huyết.  
 Long Đảo thu phong khởi mộ sầu

Chỉ khác có địa danh Tho Thủy là sông Mỹ Tho, Long Đảo à Cù lao Rồng ở gần thành phố, chứ còn 6 câu trên thì bất luận nghĩa sĩ Việt Nam nào cũng hợp tình, hợp cảnh vì tất cả đều theo một lý tưởng chung.

Tôi liền đem sự việc này hỏi một nhà cách mạng tiền bối ở Bình Định là cử nhân Tạ Chương Phùng. Cụ Cử Tạ quả quyết với tôi bại ấy là của Mai Xuân Thưởng.

Tôi xin ghi lại lời cụ cử Tạ, không phải đề tranh quyền tác giả cho một danh nhân Bình Định về một bài thơ. Mai Xuân Thưởng cũng như Nguyễn hữu Huân đều muốn diệt quân thù để ngấm khúc khải hoàn chứ đâu có muốn làm thơ tuyệt mạng. Tôi ghi lại là chỉ cốt tỏ ra tôi đã chịu khó dò hỏi nguồn tài liệu sống là những nhân tài cách mạng của Bình Định, chứ không phải khẳng định một cách vô đoán vội vàng.

Những cái chết sáng trưng nghĩa khí ấy đủ làm cho người Pháp kinh hoàng. Đại úy Gosselin, sĩ quan văn sĩ có dự việc đánh các đảng Văn Thân đã viết về các nhà yêu nước Việt Nam như sau :

Quả thật nước Việt có một nguồn sinh lực rất mạnh mới chịu nổi một cuộc chiến tranh trường kỳ như vậy. Nước thiếu phương tiện phòng thủ, triều đình thì không biết lo xa và mù quáng, không chuẩn bị một tí gì về binh phí, quân lương, quân khí, bộ binh, thủy binh cho cái ngày mà họ cảm thấy rất gần, phải đối địch với một cường quốc Âu Châu. Bị đặt trước họng súng của ta, người Việt chỉ còn có cách hết đề bảo vệ tự do và tất cả đều nhìn mặt cái chết với một tấm lòng can đảm trăm tính, trước những viên đạn của đội lính hành hình hay dưới lưỡi gươm của đao phủ. chúng ta không ghi chép được một trường hợp hèn nhát nào...

(Nguyên văn : Il faut réellement que cette nation annamite

soit douée d'une vitalité bien puissante pour avoir pu supporter la lutte pendant d'aussi longues années; étant donnée la pénurie des moyens de défense dont le pays disposait, le gouvernement imprévoyant et aveugle n'ayant rien su préparer ni trésor, ni approvisionnement, ni munitions, ni armée, ni marine pour le jour qu'il présentait cependant très prochain où il devait se défendre contre une puissance européenne. Placés en face de nos armes, les Annamites ont eu la seule ressource de mourir pour la défense de leurs libertés; tous ont affronté la mort avec le plus tranquille courage et parmi ceux, si nombreux, qui sont tombés par les balles des pelotons d'exécution ou sous le glaive des bourreaux, nous n'avons jamais eu à enregistrer une seule défaillance...

Người Pháp thần phục can đảm của các nghĩa sĩ Việt Nam vì người Việt khi thế cùng lực tận biết chết cho tổ quốc.



## TÀNG BẠT HỒ

Người ở An Thường, thuộc xã Ân Thạnh, quận Hoài Ân, là một chiến tướng can trường vào bậc nhất của nghĩa quân Bình Định.

Năm 1887, sau khi đại cuộc thất bại, lúc bấy giờ ông vào khoảng 30 tuổi, không chịu hàng giặc, chạy tuốt sang Xiêm, liên lạc với các Việt kiều bản ấy, tổ chức một lực lượng cách mạng ở Xiêm Biên đề chờ thời dụng võ.

Thấy Xiêm La hèn yếu, bị Pháp uy hiếp nhục nhã ở đất Lào, ông bỏ Xiêm chạy sang Trung Hoa, đi đến đâu cũng khuyên anh em nên giữ vững nhiệt tâm, tiền đồ tổ quốc chưa có gì đáng tuyệt vọng. Chủ trương của ông có khác với các nhà cách mạng đương thời, ông thường nói rằng :

— Thực dân là thứ ngoan cố lạ lùng, Bọn nó đã chiếm đất nước mình bằng võ lực thì chúng ta phải dùng sắt máu để đuổi chúng nó ra ngoài. Hoạt động về chính trị, về ngoại giao chỉ có hiệu lực khi chúng ta đủ sức mạnh.

Năm 1904; Phan sào Nam hội ý với Tiểu La Nguyễn Thành, Thái Xuyên Trần Quý Cáp, tôn Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm minh chủ, hành lập Việt Nam Quang Phục Quân. Tăng Bạt Hổ tình nguyện làm chiến tướng. Sang Nhật cùng một lúc với Phan sào Nam, Tăng Bạt Hổ vào học Chấn Võ học hiệu là trường võ bị có danh tiếng ở Đông Kinh. Sau ông sang Nga để xem xét đại thể thiên hạ cho biết cái thế cường nhược của các nước Âu Châu

Năm 1914, thấy tình hình thế giới căng thẳng, ông đoán biết sắp có chiến tranh, Pháp sẽ bị kẹt ở Âu Châu. Đây là cơ hội tốt cho các nước thuộc địa vùng dậy. Ông bèn trở về nước, vào Nam ra Bắc, quyết ý gây dựng lực lượng, đánh chiếm một biên khu để làm căn cứ cách mạng. Trên đường bốn tàu ông bị mật thám Pháp đón bắt ở Huế. Giặc dùng cực hình tra tấn, ông cắn răng chịu đựng và chết ở trong ngục.

Đầu xứ Đặng Thái Thân phúng điếu ông một câu đối tóm tắt lược sử cách mạng và nói lên được cái hùng tâm dụng võ của một quốc sĩ Bình Định.

Quân khởi ký sinh tác hỷ vu thời gia ? Đề binh thập tải, khứ quốc trấp dư niên, ký khốc ư Xiêm, ký khốc ư Hoa, ký khốc ư Nga, hốt hốt nhiên đại khốc ư Đông, thù giao tứ nhập thu phong, hướng ngã Thần Kinh mai hiệp cốt !

Ngã bất tri tử chi vi hà vật giả, độc thư ngũ châu, kết giao sồ thập bối, hoặc chiến dĩ thiệt, hoặc chiến dĩ bút, hoặc chiến dĩ não, đoan đoan đích trực chiến dĩ thiết, yêu đặc huyết lưu ôn đới, vị ngô hoàng chủng thụ hồng kỳ..

Bản dịch của Minh Viên Hoàng thúc Kháng :

Người há sanh làm dấn với đời sao ? Cầm binh một độ bỏ nước hai mươi năm, đã khốc với Xiêm, đã khốc với Tàu, đã khốc với

Nga, dùng dùng sang khóc lớn bên Đông, ai dè gió phất trời thu, năm  
cốt về chôn thành phố Huế !

Ta chẳng biết chết là cái gì vậy, đọc sách năm châu, kết  
giao vài chục bạn, hoặc đánh bằng lưới, hoặc đánh bằng bút, hoặc đánh  
bằng nỏ, kháng kháng chỉ độc đánh bằng sắt, thề quyết máu sôi đất nóng  
có đào trở mặt giống da vàng.

Bản dịch ý của Lam Giang,

*Làm trai sống gửi tech gì,  
Thua binh đành phải xa lìa non sông  
Hai mươi năm lẻ phiêu bồng,  
Sang Xiêm nao ngại bụi hồng đường xa,  
Rồi sang khóc đất Trung Hoa,  
Chưa khô giọt lệ sang Nga tìm người  
Gió mây biến đổi tôi bời,  
Lại sang khóc lớn bên trời Phá Tang  
Mùa thu gió trút lá vàng  
Sa cơ tại Huế thân tàn trong lao.  
Ta không biết chết là sao,  
Đọc văn bốn cõi, kết giao mấy người.  
Ai bàn đến việc và trời,  
Đánh bằng vấu bút, cạ lời hơn thua.  
Người đem mưu trí tranh đua,  
Anh đem sắt máu dựng cờ giao phong.  
Muốn cho nhuệ khí sôi lòng,  
Cờ đào cách mạng phôi hồng Việt Nam.*

Chữ *khóc* dùng trong câu đối là đề chỉ cái chí nhiệt thành  
đi cầu viện, đi tìm đồng chí ở bốn phương trời.

Vào cuối thời Xuân Thu, khi quân Ngô do Ngũ Tử Tư chỉ



huy liến vào đất Sở, tan phá hai kinh đô Yên, Đinh, trung thần nước Sở à Thân Bao Tư đã chạy sang khốc ở triều đình nước Tần suốt bảy ngày đêm. Vua Tần cảm động, phát viện binh cứu nước Sở, nhờ đó mà Sở Chiêu Vương mới phục quốc. Tấm lòng của Tăng Bạt Hồ đối với nước Việt có thua gì tấm lòng của Thân Bao Tư đối với nước Sở đâu. Chỉ vì thời khác, thế khác mà Tăng Bạt Hồ không cứu được nước Việt lại còn mắc nạn ở Thần Kinh trên bước đường phiêu linh, để tìm phương tiện thành lập đạo quân phục quốc.

Phan Chu Trinh, nhà cách mạng đề xướng dân quyền ở Quảng Nam, lúc đó đang ở bên Pháp, nghe tin Tăng Bạt Hồ bị nạn, cũng có câu đối phúng viếng hào kiệt như sau :

Trấp dư niên sơn hải gian quan, nhân giai bi kỳ ngộ, thiên nhược giám kỳ thành, Tam Đảo minh tiên, tráng chí cần năng thông thượng quốc.

Nằm thế kỷ phong vân biến chuyển, nhân giai tranh dĩ trí, quân độc cạnh dĩ lực, cửu thu qui kiểm, hùng hồn do tự luyện Thần Kinh I

Bản dịch của Lam Giang :

*Đau lòng đồng chí gần xa,  
Ba mươi năm lẻ xong pha bụi đường  
Đeo giùm vượt sóng trùng dương,  
Trông chừng Tam Đảo ai thương chỉ mình.  
Trời cao chừng giám lòng thành,  
Cho hay Thượng Quốc cảm tình... thế thôi!  
Gió mây biến đổi toi bồi,  
Ái lo chính trị cùng đời tranh đua,  
Ông đem sắt máu hơn thua,*

*Thanh gươm cứu nước làn thu vẫy vùng,  
Thần Kinh gặp bước đường cùng  
Phôi xương cố quốc, anh hùng sa cơ.*

Nhà cách mạng hùng vô của Bình Định vùi thân ở tỉnh Thừa Thiên, ai biết xương tàn rơi vãi ở ở nơi nào mà thu nhặt ?



## **Một bậc cao sĩ**

### **NGUYỄN TRỌNG TRÌ**

Danh sĩ ở Bình Định, ôm lòng trung kiên với nước cũ, nhưt định không chịu hợp tác với giặc Pháp, có phong thái cao ngạo làm cho bọn quan trường phải áy náy kiêng nể, quận An Nhơn có Nguyễn Trọng Trì.

Sau ngày Nghĩa quân Mai Xuân Thưởng tan vỡ, Nguyễn Trọng Trì cải dạng làm một cường sĩ vân du, đội nón lá mặc áo vải hay ở trần, dạo chơi các hàng quán bên đường, chỗ nào có món mọc tòn là cụ sà ngay vào, đánh chén say sưa, nằm gốc cây mà ngủ. Sau có người biết tông tích, báo với giặc, giặc đem quan tước ra chiêu dụ. cụ nhất định từ chối, giặc lại đem tù ngục ra dọa. cụ cười nói ba hoa, trong con mắt tinh đời và khinh đời coi như trần gian vắng vẻ không gì đáng sợ cũng không có gì đáng chú ý.

Giám chặt rồi giam lỏng một độ, sau cùng Tôn Sĩ cũng phải thả cho cụ Nguyễn trở về. Từ đó, cụ Nguyễn thủy Gò Vân Sơn, sông Hà Giao là những nơi cụ Nguyễn thường lẩn gót thần thơ. Cụ có bài thơ tự thuật như sau :

*Kham tiểu niên lai Nguyễn Trọng Trì,  
Hành tung đại dị thiếu niên thì !  
Hoặc nhân túy lý mạ đồng bối,  
Diệp phục sầu trung sân tiểu nhi.  
Vớ bệnh xuất môn hoàn ý trượng,  
Phi cường khoản khách hoặc vong y.  
Tữu đồ thị thượng hồn tương thức,  
Bất biện kỳ gian thị dĩ phi.*

Bản dịch của Lam Giang :

*Tuổi già cười bác Nghè Trì,  
So hồi nên thiếu hạ; kỳ khác xa  
Nhờ say mắng bạn không tha  
Cơn buồn lữ trẻ bị la, bị rầy !  
Mạnh khù mà gậy cầm tay,  
Ở trần tiếp khách giở bày mặt điên.  
Quen cùng làng nhậu chợ phiên  
Kề gì phải trái cho phiền lòng nhau.*

Có gì mà phải trái nữa khi đã số kẻ sĩ đều uốn gối thờ quân thù. Những người yêu nước bị coi là giặc. Giặc cướp nước thì được gọi là Ông Lớn Bảo Hộ ! Danh nghĩa điên đảo như thế, người có chút tâm huyết nhìn vào thế cuộc, không điên cũng hóa thành điên !

Một lúa khoa bảng với Nghè Trì, thiếu gì kẻ đương quên Chính nghĩa Dân Tộc mà nhận quan chức giàu sang? Không uống rượu cho say đề chữ bọn này một trận thì uất ức chịu sao cho nổi ? Cho nên cụ Nguyễn đã :

*Hoặc nhân túy lý mạ đồng bối*

Chửi mại mà không có ai đối thoại thì cũng buồn. Buồn thì lộn mắt, nạt nộ lũ trẻ thơ mà chơi chứ không thêm như bọn tham quan ô lại kia, trước mặt quan Tây thì run sợ như gà thấy cáo như chó gặp hùm, rồi khi về đến công đường thì lên mặt hống hách với lũ dân đen nột nột một giống. Việc đòi nhiều nổi đáng buồn, thôi thì ra chợ phiên Gò Chàm tìm quán say sưa, dểch thêm quan tâm đến lời khen chê, phải trái.

Một đồng chí cảm thông tâm sự của cụ Nguyễn Trọng Trì, đã lặt cụ một câu đối như sau :

Mặt lộ cánh hà ngôn, Văn Sơn kỳ thị cụ du, làng tụng ngư  
tiều ngô dữ lử...

Trần duyên an túc vấn, Yên Triệu bi ca bản sắc, trăm mai  
hào kiệt cổ nhĩ cam !

Có người dịch rằng :

Đường cuối cùng thôi biết nói sao, thú nhồn nhơ cây mát  
gò cao, Văn Sơn mấy vận ngư tiều, đầy đó ngâm nga đà lắm lúc...

Việc trần thế ra gì hỏi nữa ? Lòng trung nghĩa câu cười tiếng  
khóc, Yên Triệu những chàng hào kiệt, xưa nay chôn lấp biết là bao.

Nguyễn Trọng Trì quả có cái phong thái bất khuất của những  
tráng sĩ nước Yên, nước Triệu không chịu khom lưng uốn gối thần phục  
Tân Hoàng. Ta say, ta hát, ta khóc, ta cười, lòng ta và đất nước anh  
linh, người đời sau chắc cũng có kẻ hiểu cho nỗi niềm đòi nợ của một  
kẻ sĩ cô lập và cô trung trước cơn quốc nạn !



## VÔ TRÚ và cuộc khởi nghĩa Phú Yên

Sau ngày chủ tướng chết theo nạn nước, Vô Trú bỏ Bình Định vào nương náu ở Phú Yên.

Thời thế khác, phương lược hành động phải đổi mới. Người Pháp đã thiết lập được bộ máy cai trị ở bình nguyên. Sĩ phu đã có nhiều người nản lòng trước cái thế «bất khả vi», lớp thì chịu nằm yên, lớp thì lo tranh khôi đoạt giáp. Người Pháp khôn khéo, ban bố bổng lộc cho những kẻ thức thời. Chỉ có lớp cùng dân là vẫn nghèo khổ như thường, hay nghèo khổ khác thường vì phải è cổ ra chịu sưu, chịu thuế. Chỉ mới thiết lập được ách thống trị có 10 năm mà mức thuế điền đã gia tăng gấp đôi.

Vô Trú là người sáng suốt biết dựa vào nông dân và sợ dân dễ xây dựng lực lượng cách mạng. Nếu người Phương Tây biết dùng tôn giáo để tạo lực lượng chính trị ở những nước mà họ có tham vọng xâm chiếm thì ta cũng dùng tôn giáo để làm giềng mối duy hệ lòng người. Xã hội Việt Nam vốn có tinh thần *Tam giáo đồng nguyên*, thấu thập những tinh hoa của Nho, Thích, Lão để áp dụng vào đời sống tinh thần và vật chất của mình thì ta phải dùng truyền thống ấy để phát huy bản

sắc dân tộc, duy trì cái tinh thần tự chủ, tự cường. Với các sơn dân, ta phải giác ngộ cho họ nhận thức rõ ràng nguyên nhân khiến cho họ phải làm than, cực khổ. Sự hiện diện của người Pháp bóc lột xâu thuế, khai thác lâm sản là điều khiến cho dân Thượng bất bình.

Võ Trứ đóng vai pháp sư vừa truyền giáo vừa mưu tính cuộc quật khởi. Kết quả là đã tâm phục được một số lớn sơn dân ở các quận Sơn Hòa, Đồng Xuân. Dân Thượng tin tưởng Võ Trứ là tay bùa phép cao cường, Người Thần ở hạ giới. Cán bộ quân sự của Võ Trứ đều khoác áo nâu sùng. Tinh thần «đại hùng, đại lực, đại từ bi» của Phật giáo thích hợp với hoạt động cách mạng đòi hỏi nhiều hy sinh, nghĩa khí.

Năm 1898, dân Phú Yên điêu đứng vì mùa tháng ba không thu hoạch được gì. Xâu thuế lại cấp kỳ, biết lấy gì mà nộp ? Rất nhiều người nghèo khổ bị lương lý đóng gông, lừa trâu bò về nhốt ở nhà làng tịch thu luôn cả đồ thờ phượng. Gông chỉ được cởi, bò chỉ được thả khi vợ con lo cầm cổ ruộng đất, nộp thuế cho thành khoản, kèm thêm một món sớ phí trâu rượu cho bọn lý trưởng, trùm giềng (1). Tình cảnh dân sinh thiệt là bi đát. Lòng oán hận bốc lên ngàn ngút, nhiều người muốn chết cho yên thân.

Võ Trứ quyết định khởi nghĩa, đánh chiếm tỉnh lỵ Sông Cầu để làm căn cứ. Chiếm được Sông Cầu, lấy khí giới của trại lính Khố Xanh trang bị cho chủ lực chiến đấu của mình, nghĩa quân của *Minh Trai chủ lễ* sẽ dùng thượng đạo ra tập kích Qui Nhơn.

Một đêm tối trời vào khoảng cuối tháng 4 năm Mậu Tuất, Võ Trứ làm lễ tế cờ ở một khu rừng thuộc quận Đồng Xuân. Tri huyện Đồng Xuân lúc ấy là Lưu Tuấn vội sai người phi báo cho Tỉnh, Tòa hay rồi tối hôm ấy, trút hết lột quan, lên ra một làng vùng duyên hải, thuê

---

(1) Trùm giềng là chức ấp trưởng hiện giờ.

thuyền lánh nạn:

Công sứ Phú Yên hạ nghiêm lệnh cho các lính tập tuần tiểu Sông Cầu. Viên quan một chỉ huy một đội lính Khố Xanh (Lính Tập) đón đánh Nghĩa quân ở vùng Giốc Găng, Giốc Quít.

Sau một giờ giao chiến, cung tên giáo mác của nghĩa quân không địch nổi súng đạn của quân binh Bảo Hộ nên Minh Trai chủ tể (Võ Trứ) ra lệnh rút lui. Quân Bảo Hộ không dám truy kích vì trời tối và vì sợ bị phục kích trên các nẻo đường đèo hiểm trở.

Không chiếm được Sông Cầu, thiếu súng đạn trang bị, nghĩa quân chỉ còn hoạt động được ở vùng rừng núi Phú Yên bằng chiến thuật du kích. Viên Công sứ Pháp ra lệnh đốt rừng, đốt rẫy và kế hoạch hòa công này đã làm cho nghĩa quân kiệt quệ về quân lương.

Nhà đương cuộc Pháp ra lệnh cho các quan Nam Triều bắt hết thầy chùa của hai tỉnh Bình Định, Phú Yên. Khám đường đông nghẹt những người lên lụy.

Võ Trứ thấy dân chúng và các bạn đồng đạo bị khủng bố ráo riết quá, nên sau khi hội ý với mưu sĩ là Trần Cao Vân đương ẩn náu ở động Bà Thiên, tự mình ra Sông Cầu nạp mạng. Thực dân và bọn đầu cầu quan Nam tra tấn cách gở, Võ Trứ cũng chỉ khẳng khái nhận tội thủ xướng về mình, không tiết lộ tên tuổi một đồng chí nào hết.

Cho đến phút cuối cùng người anh hùng của đất Kỳ Sơn (Bình Định) vẫn giữ được phong thái hiên ngang. Hào khí cách mạng của Bình Định chưa tàn, lo gì không có người kế chí?

Đầu của Võ Trứ và năm, sáu đồ đệ thân tín bị bêu ở dọc đường, khoảng cầu Tam Giang, thâm ý của thực dân là muốn cho dân Bình Định, Phú Yên thấy mà khiếp đảm.



### 3 VÕ SƯ SIÊU VIỆT

Anh hào gặp bước đường cùng vẫn cứ phấn đấu với ý chí tạo thời cơ. Quân thù chỉ có thể thắng ta khi ta cam tâm khuất phục. Nếu ta không khuất phục, tìm cách báo thù rửa hận thì sau này, chưa chắc thắng bại về ai.

Công nghiệp giải phóng dân tộc là một công nghiệp trường kỳ, người trước gục ngã thì có người sau kế tiến. đề chuẩn bị lực lượng cho cách mạng tương lai, việc cốt yếu là phải đào tạo một số nhân tài có hùng tâm tráng chí.

Đó là tâm lý của hai võ sư Bình Định tên là Đội Chương và Voi Con.

Đầu thế kỷ thứ XX ở Nghệ An vẫn có những người nương thế núi rừng, chống quân thù cướp nước. Không có những trận đánh lớn, nhưng người Pháp vẫn lo thực hiện những cuộc hành binh tảo thanh. Hành binh liên miên, nhiều động nhân dân, nhưng cũng không làm sao diệt được những nhà cách mạng xuất quỷ nhập thần ở những vùng núi non hiểm trở. Những nhà cách mạng này không đánh chiếm các quận lỵ, tỉnh lỵ, họ chỉ tiêu diệt một số cường hào ác bá để chờ bọn tay sai bắn xừ của Pháp biết rằng công lý của dân tộc vẫn còn. Chúng đã đặc

tội với quốc dân thì chúng phải đền tội bằng xương máu. Một vài cu vắn tội điền hình đủ làm những người Việt đứng trong hàng ngũ Ph phải kinh tâm, không dám áp bức, bóc lột dân ta một cách quá đáng.

Ở Hà Tĩnh, đầu thế kỷ XX có ông Đại Đầu lúc là Ông Quý ở Nghệ An có ông Thần Sơn Ngõ Quảng, ông Long Sơn đều làm cá mạng theo kiểu hiệp khách cứu khổn phò nguy. Cả 3 ông đều là 1 kiếm sĩ tuyệt luân, bọn tham quan ô lại nghe đến danh hiệu là g mình thốn thót. Cả 3 ông đều đã có dịp đấu kiếm với một chàng tha niên mới là Nguyễn Thúc Đường. Cả 3 ông đều phục Nguyễn Th Đường đã học được kiếm pháp chân truyền của những kiếm sư th Quang Trung oanh liệt.

Thầy dạy nghề võ của Nguyễn Thúc Đường là Voi Con Đội Chương.

Cả hai người đã tham dự vào công việc Cần Vương ở Bình Định. Khi đại cuộc tiêu tan, họ mai danh ẩn tích, lúc cày ruộng ở ruộng, lúc đóng vai thương khách đi buôn khắp các tỉnh.

Năm 1900, Sào Nam Phan Bội Châu thi đậu thủ khoa trường Nghệ An, năm sau vào Huế, được gặp Voi Con và Đội Chương ở đó. Việc thông cảm rất dễ dàng giữa những người cùng nuôi chí lớn. Voi Con và Đội Chương nhận lời ra Nghệ An, dạy võ nghệ cho một số thanh niên yêu nước đề đào tạo cho Cách Mạng Dân Tộc một số chiến can trường.

Voi Con và Đội Chương đều là tục danh, còn tên tuổi thật thì người hậu thế không thể tra cứu vào đâu được. Chỉ có Sào Nam Phan Bội Châu là biết tên tuổi thật nhưng nhà cách mạng này đã qua đời từ năm 1940.

Năm 1904, Phan Bội Châu thành lập Việt Nam Quang Phục Quân, công việc huấn luyện võ nghệ giao toàn quyền cho Voi Con và

Đội Chương lo liệu. Hai ông đã đào tạo được một số đệ tử xuất sắc, trong số ấy có Nguyễn Thúc Đường, người cùng với Nguyễn Hải Thần đánh đồn Tà Lùng của Pháp năm 1915.

x   x  
x

Nếu Voi Con và Đội Chương ra Bắc thì võ cử nhân Nguyễn Đa lại vào Nam, theo đuổi một mục đích tương tự. Nguyễn Đa là người văn võ toàn tài. Ông chu du khắp các tỉnh Nam Phần, đến Châu Đốc, Hà Tiên thấy có địa thế dụng võ nên đã dừng bước tại đây trong nhiều năm liên tiếp.

Thất Sơn là một vùng rừng núi hiểm trở, chế ngự cả một vùng biên thùy Tây Nam. Võ cử nhân Nguyễn Đa dựng chùa tu ở núi Cấm. Đạo hạnh và võ nghệ đã chinh phục được một số đệ tử sẵn sàng chết theo mệnh lệnh của thầy. Theo học võ nghệ nơi ông còn có cả một số lực lâm thảo khấu nữa. Ông đã biến cải những kẻ hung bạo này thành những hiệp sĩ vì dân trừ hại, cứu khổ phò nguy. Nơi diễn võ của Nguyễn Đa là võ Thiên Tuế. Võ là một khoảng đất bằng phẳng ở đỉnh núi, mang danh là Thiên Tuế vì có những cây thiên tuế tỏa bóng mát chung quanh võ trường.

Đệ tử đều biết chí lớn của thầy, họ sẵn sàng hiến thân cho tổ quốc nhưng ông dặn không được bạo động, phải kiên nhẫn chờ đợi thiên cơ. Việc cốt yếu là đào tạo nhân tài, duy trì đạo lý cách mạng. Nếu không biết chờ đợi, đem lực lượng vừa mới nhen nhúm mà chọi nhau với giặc thì chẳng những thân mình bị hại mà còn làm cho tiền đồ cách mạng lâm nguy.

Thực dân Pháp sợ tư tưởng cách mạng dân tộc Việt Nam bành trướng nên mặc dầu Nguyễn Đa và đệ tử không có một hành vi bạo động nào để cho họ có thể nhào vào tái phá cải trị an.

chúng vẫn tung mật thám vào vùng Thất Sơn đề dò xét và nếu gặp thì cứ hạ độc thủ, không cần do dự chút nào. Đã có lần võ nhân Nguyễn Đa bắt được thám tử của Pháp nhưng ông không giết chỉ lấy nghĩa lý khuyên bảo đừng nên vì miếng cơm manh áo mà gây hại lương dân. Cử chỉ khoan dung của Nguyễn Đa đã làm cho một thám tử cảm mến và lo sợ mỗi khi được lệnh quan thầy bắt phải về công tác ở Thất Sơn. Nếu chúng muốn tăng công với quan thầy chắc chắn chúng không bảo toàn được mạng sống. Nếu chúng làm vạ chiểu lệ lại sợ quan thầy khiển trách, cho nên chúng tìm cách thoái thác không dám mạo hiểm xông pha.

Tuy thế, những lúc được đệ tử báo tin cho biết thực dân bắt lưới tróc nã gắt gao thì võ cử nhân Nguyễn Đa cũng lánh sang Tiên hay sang Cao Miên vào trú ẩn ở các chùa đạo hữu, có khi đi cũng ra Phú Quốc, phiêu linh đến các đảo Cỏ Cốt, Cỏ Công.

Về sau, ông lấy hiệu là Ngọc Thanh chân nhân và sáng ra một số kinh kệ. Với đồng bào ở biên thùy Tây Nam, ông là Người Tiên, Người Thần giáng thế. Rất nhiều huyền thoại về võ cử nhân siêu việt này. Dân địa phương bảo nhau đã nhiều lần gặp ông, râu tóc bạc phơ, cỡi cạp mun ngao du núi Tô, núi Tượng.

Trong những ngày ẩn thân ở nơi núi rừng tịch mịch, cử nhân Nguyễn Đa đã nghiên cứu nhiều về Huyền học nên đã tiên đoán thời cuộc rất đúng. Với vài đệ tử có trình độ văn hóa hơi cao, ông đã truyền thụ một bài sấm nói về thời cuộc Việt Nam, tiên đoán được ngày bại vong của thực dân Pháp. Bài sấm do một vị phụ tử truyền lại như sau :

*Kham thốn bí Kê Nhân*

*Vô đạo diệc vô luân*

*Kệ minh bí diệc vô.*

*Kê xướng bỉ vong thần  
Long Phi, liệt hỏa câu phần  
Hà ưu thử địa bại Tần do vương ?*

Tạm dịch như sau .

*Than rằng một lũ Kê Nhân,  
Giống nòi vô đạo, vô luân khác thường  
Canh gà, đặc chí dương Dương  
Canh gà, chúng lại gặp đường bại vong  
Rồng bay, ánh lửa rạng hồng,  
Nước này, chúng được thỏa lòng hoài sao ?*

Ngọc Thanh chân nhân dùng chữ *Kê Nhân* để chỉ thực dân Pháp có lẽ là do huy hiệu Coq Gaulois chăng? Năm Ất Dậu 1885, kinh thành thành Huế thất thủ, năm Ất Dậu 1945, Pháp thua một trận đo ván sát đất ở Đông Dương. Năm Canh Thìn 1940, Pháp thua ở chính quốc; thế thì giữ mãi được quyền thống trị ở nước mình sao?

Lược đoán về thời cuộc Việt Nam; môn đồ của Ngọc Thanh chân nhân còn truyền tụng bài thơ sấm như sau :

*Thiên la địa võng khởi yêu phần  
Ngũ hồ tương trì thế cuộc tân,  
Bắc địa ưng phi sinh liệt hỏa,  
Tây sơn viên tẩu quyền phi trần  
Chỉ qua hải thượng bi tàn nguyệt  
Dược mã thành biên khốc bại Tần!  
Trường thần phủ trầm thiên cổ sự,  
Trung thiên ưng kiến nhật trùng tân.*

## Bản dịch của Lam Giang

Trùng trùng địa võng thiên la,  
 Hội này 5 cọp xông ra tranh phần  
 Ó bay lửa bắc rần rần,  
 Ngàn Tây vượn chạy chinh trần tung cao  
 Múa gươm trắng rụng biển sao,  
 Bên thành nhảy ngựa lao đao binh Tần  
 Ngàn xưa thế cuộc thăng trầm,  
 Giữa trời lại thấy vùng dương huy hoàng.

Giải giải câu nào ứng vào sự việc nào, việc này chúng tôi cũng có thể làm một cách mặc may mặc rủi như đa số những người tự xưng là giáo sư chiêm tinh gia khác. Song chúng tôi không muốn làm. Chúng tôi chỉ ghi chép lại bài này vì giá trị văn chương của nó....

Điều đáng chú ý là Ngọc Thanh chân nhân xuất thân là võ cử mà sấm ký lưu truyền cũng có ít nhiều giá trị văn chương.

Tác giả sách *Căn Thơ Xưa và Nay* ghi tên của Ngọc Thanh chân nhân là Phan Văn Đa. Có lẽ tác giả này suy đoán chân nhân là giống giỏi Nội hầu Phan Văn Lân đời Tây Sơn chăng?

Lại lịch, tông tích của chân nhân, không làm sao cứu xét cho linh tường. Người hậu thế là chúng ta sinh trưởng trong thời khói lửa liên miên không khỏi hồi hỗi thương tiếc những bậc danh tài, dị nhân đã trọn đời hy sinh cho đại nghĩa dân tộc.

Có người ước đoán rằng về sau Ngọc Thanh sang truyền giáo biên Xiêm, gây dựng lực lượng cách mạng ở vùng Ubol đề nếu có thời cơ thì vượt qua cao nguyên Boloven, theo con đường mở nước của vua Thái Đức ngày xưa, trở về Bình Định.

Thêm một giai thoại ly kỳ về võ cử nhân Nguyễn Đa.

Nguyên trước Thế chiến, có một số người linh cảm về những biến chuyển lớn lao trên đất nước, nhưng không biết cát hung họa phúc ra sao, bèn lập đàn tiên cầu cơ bút chỉ giáo.

Việc cầu cơ thường diễn tiến vào những đêm gió mát trăng rong. Hai đàn tiên nổi danh nhất ở Nam kỳ là đàn tiên Cao Lãnh và đàn tiên Cái Khế. Cái Khế là địa điểm phụ cận châu thành Cần Thơ.

Một đêm trăng, một vị tiên giáng bút cho một bài thơ bí hiểm như sau :

*Cuộc đời càng gẫm lại càng cay  
Cực nỗi thiên cơ chẳng dám bày...  
Rắn nép dưới hang coi ngựa chạy,  
Khì ngồi trên cội đợi gà bay.  
Đông tây lộn xộn trời thay xác,  
Nam bắc ê hề đất chớ thay  
Thế sự mười phần tiêu bảy tám  
Thần tiên thấy vậy cũng chau mày*

Vị tiên này không chịu xưng danh. Còn như sự lộn thiên cơ không nói nhiều thì bài thơ trên cũng đã diễn tả được cuộc chiến với 40 triệu người chết và nếu đem áp dụng vào thời cuộc Việt Nam thì cuộc chiến tranh kéo dài trên 20 năm nay cũng đã gây ra không biết bao nhiêu tang thương khổ hận.

Chừng như bàn luận mai về chiến cuộc thì cũng không cách cứu vãn được nguy cơ mà lại thêm đau lòng mình, nên một đêm trăng khác, một vị tiên giáng bút cho một bài thơ... thoát tục như sau :

*Lưu thủy nhân tình bạc,  
Phù vân thế sự không*

Riêng tiêu dao tự tại cảnh Non Bồng  
Ngàn hoa cỏ non sông treo bức họa.  
Nguyệt minh vân liễn giá,  
Tửu túy thạch sàng miên  
Cảnh trần gian che mắt gấm hà yên  
Chén rượu thánh cuộc cờ tiên nhân lạc thú  
Nhất điền thanh tâm quan vũ trụ  
Bầu linh đơn đầy đủ ấy no lòng  
Nhẹ nhàng trong cõi Hư không

Những đệ tử có mặt trong buổi cầu cơ đều nấn nỉ tiên ông cho biết danh hiệu. Tiên ông bảo cứ đọc kỹ câu cuối cùng thì sẽ biết rõ. Thì ra đó là Ngọc Thanh chân nhân đạo hiệu là Hư không.

Đến nay, thân hào, thân sĩ Cần Thơ còn truyền tụng bài này và tác giả sách « Cần Thơ Xưa và Nay » có ghi chép sự việc này vào những trang 222, 224.





## MỘT NỮ KIỆT KHẨN HOANG

Lúc chưa có Tỉnh Bình Tuy, Bình Thuận tiếp giáp với Nam Kỳ. Giữa Bình Thuận và Bà Rịa có một dãy rừng núi thâm u hiểm trở dân cư trú là một số bộ lạc Stieng. Dãy rừng núi này từ xưa đã là biên giới thiên nhiên giữa hai nước Chiêm Thành và Phù Nam.

Năm 1679, chúa Nguyễn cho bọn đi thần nhà Minh là Dương Ngạn Địch vào ở đất Đông phổ (Đồng Nai). Tỉnh Phước Tuy bây giờ vào thuở đó vẫn còn là một vùng đất hoang vu, ở thị xã Vũng Tàu thì toàn là rừng cấm.

Vào thời đó cũng như vào thời xa xưa hơn nữa, tỉnh Phước Tuy bây giờ chỉ là một mục trường mà di tích là những ao lớn ở Long Điền. Những ao đó dùng để tắm voi cho các vua chúa Phù Nam, Chân Lạp.

Tỉnh Phước Tuy chắc còn chìm đắm lâu ngày trong cảnh hoang vu nếu vào khoảng năm 1789 không có một nữ kiệt Tỉnh Bình Định xuất hiện.

Nữ kiệt ấy là Bà Rịa dẫn một số nông phu nghèo khổ vào lập trại khẩn hoang ở làng Tam Phước bây giờ.

Trong hoàn cảnh khói lửa loạn ly đem một số dân vào một miền đất mới, giải quyết sinh kế cho họ và cho cả gia đình mình, bảo đảm được an ninh cho nông trại, những công việc ấy đâu phải là dễ

dàng. Phải có tài năng, lờ chức, phải có đủ ân uy để làm cho thuộc họ dưới quyền tin tưởng, công tác mà Bà Rịa đã làm từ cuối thế kỷ thứ XVIII nào có khác gì công tác mà người thanh niên Do Thái hằng say kiến quốc đang thực hiện trong những vùng sa mạc đù lù.

Làng Tam Phước càng ngày càng đông dân, số diện tích ruộng vườn càng ngày càng rộng. Đáng kính phục hơn nữa là về già Bà Rịa đã đem gia tài cự phú của mình làm việc công ích, lập nghĩa thương chẩn tế người nghèo khổ, rước thầy về dạy học cho dân làng. Bà lên lập chùa, mượn cửa Thiền để vui những ngày xế bóng. Núi mà bà đã lập một kiềng chùa tu niệm, bây giờ dân địa phương vẫn gọi là Núi Cổ hay Núi Bà Cổ vì họ kính trọng Bà Rịa như tiên tổ gia đình. Đến thờ Bà Rịa hiện giờ vẫn còn ở Núi Cổ, Mộ của bà chôn trên một gò cao bên đường Phước Liễu—Long Hải.

Bà mất vào năm 1803, đời Gia Long. Tuy không có chiến công oanh liệt nhưng công việc khẩn hoang của bà để lại ích lợi lâu dài cho quốc kế dân sinh. Cho đến bây giờ, dân làng Tam Phước, Long Mỹ, Phước Hải, Hội Mỹ, Lộc An tông Phước Hưng Thượng quận Long Điền vẫn coi bà là Phước thần linh ứng.

Trước đây, người đi qua miếu thờ đều xuống xe, xuống ngựa, cất nón, cúi đầu !

Một sự việc tình cờ mà nghiêm ra có lý thú.

Châu Văn Tiếp, một trong Gia Định Tam Hùng, nguyên là người Bình Định bị chết trận ở rạch Mân Thít ngày 19 tháng 10 năm Giáp Thìn (1784) trước chôn ở làng An Hòa tỉnh Vĩnh Long, không hiểu vì có gì lại cải táng đem về chôn ở làng Hát Lang, tổng An Phú Thượng, tỉnh Phước Tuy. Có lẽ con cháu Châu Văn Tiếp cho rằng Phước Tuy là phước địa chăng ?

Người Bình Định chết nên chôn ở đất do người Bình Định khai khẩn để tỏ tình quyền uyên quê hương...

## MỘT HÒA THƯỢNG CHÂN TU

Năm 1708, Mạc Cửu đem đất Hà Tiên do mình khẩn hoang tạo thành một biện trấn trọng yếu, dâng cho chúa Nguyễn. Họ Mạc đời đời làm tổng binh ở đất Hà Tiên.

Mạc Thiên Tứ đề vịnh phong cảnh đất Hà Tiên, chọn được 10 cảnh đẹp nhất. Sóng dợn đảo Kì (Kim dự lan đảo), Cảnh Châu sa nhận (Châu Nham lạc nhận) là những cảnh đẹp ngoài biển, Động Đá nuốt mây (Thạch Động thôn vân) Núi Bình lớp lớp cây xanh (Bình Sơn điệp thúy) là những cảnh đẹp miền núi... Hoàng Long đại sư, người Qui Nhơn đã lập chùa ở miền Thạch Động thôn vân, một nơi vẻ đẹp hùng tráng không kém gì Hải Vân Sơn ở Miền Trung hay Hải Vân Sơn ở vùng Lào Cai trên biên thùỵ tây bắc.

Chùa của đại sư ở Bạch Tháp Sơn, sườn núi uốn cong, cỏ hoa xinh tốt.

Nếu người có công mở mang Hà Tiên về phương diện quân sự, kinh tế là Mạc Thiên Tứ thì người khai hóa đất Hà Tiên về văn hóa và đạo đức lại là Huỳnh Long đại sư.

Đại sư là người Qui Nhơn, đến Hà Tiên vào lúc cuộc xâm lược của người Pháp đã thành trên đất Việt.

Đại sư là người yêu nước tha thiết và thâm trầm, chỉ muốn duy trì linh thần ái quốc để chờ thời cơ chứ không muốn bạo động vì lo ngại lực lượng cách mạng hao mòn sau mỗi lần thất bại.

Trong công việc đi về của các chí sĩ Việt Nam cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, đại sư đã giúp đỡ họ rất nhiều, nhất là những lúc lưới mật thám Pháp bao vây gắt gao, trùng điệp.

Có người nói rằng ông đạo Rau, danh hiệu cách mạng là Nhà Nam tướng quân; người đem quân Quang phục đánh đồn Húy Ban ở đất Lào năm 1917 là người đã từng thọ giới với Huỳnh Long đại sư.

Lại có người nói đảng ái quốc Huỳnh Long hoạt động ở Nam Kỳ trong những năm 1930—1945 là do đệ tử ngài sáng lập.

Đương lúc người Pháp ở Đông Dương, họ lo hủy diệt hết các tài liệu cách mạng, dân tộc của người Việt nên về niên đại và sự tích, người kim thế không biết tra cứu vào đâu.

Rất đổi chuyện danh sư Thầy chùa Đá Bạc mà cũng không sao biết rõ được.

Nguyên vào năm giáp Ngọ (1894), dân chúng hai huyện Phù Mỹ, Phù Cát đau đớn nhiều về nạn ôn dịch hoành hành. Nước Pháp tự phụ là nhân đạo văn minh có một nền y học tân tiến nhưng không thấy các quan Tây dùng một biện pháp cứu dân nào có hiệu nghiệm.

Ở sơn phần Phù Mỹ — Phù Cát có một cái hang màu đá sáng lấp lánh gọi là hang Đá Bạc. Ở đó, có một nhà tu hành tịch cốc chỉ ăn toàn hoa lá và các thứ rau rừng. Cũng giống cách tu của ông đạo Rau (Nhà Nam tướng quân của Việt Nam Quang Phục Quân sau này). Thấy sinh linh đồ thần quá đổi, thầy chùa Đá Bạc liền dời xuống hang Bà Chấn, tiện đường ra làng Chánh Danh, huyện Phù Cát

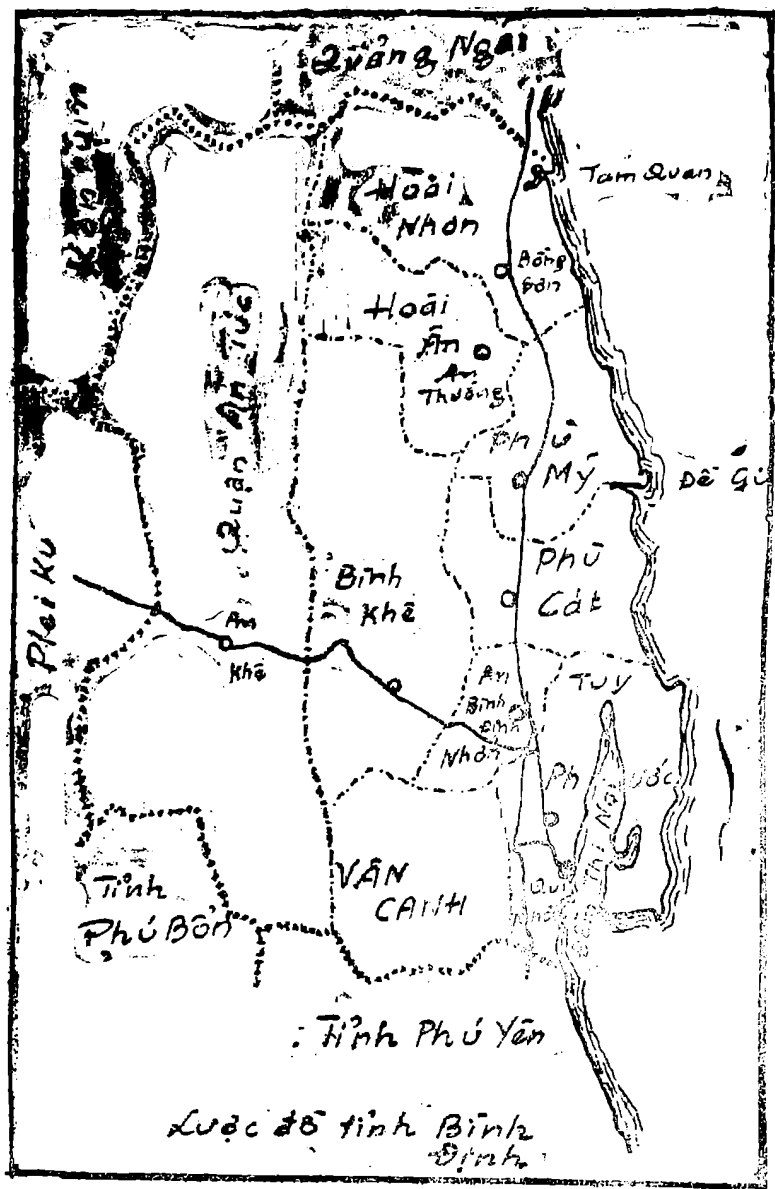
Cái tên làng cũng ngộ. Tên là Chánh Danh thì là có Chánh Nghĩa chứ gì? không biết có cơ mưu chánh danh cứu quốc gì không mà Thầy chọn làng này làm nơi phát thuốc. Thuốc của Thầy không có gì lạ, chỉ vài thứ lá cây rừng và lá bùa Ngũ Công Quan Âm. Thế mà lạ, bệnh ôn dịch đã thùy nguy chí tử, uống thuốc và bùa vào là khỏi ngay lập tức, thần hiệu lạ lùng, không biết là thần hiệu vì lá rừng bay là vì lòng tin tưởng tuyệt đối của bệnh nhân vào lá bùa Ngũ Công Quan Âm cứu mạng.

Một điều đáng cho dân nghèo Bình Định hoan nghinh là Thầy chỉ phát thuốc làm phước, không nhận bất cứ một thứ lễ vật nhỏ mọn của bất kỳ ai. Người các quận nô nức đi xin thuốc ở chùa Chánh Danh khiến cho nhà chức trách Bảo Hộ phải đề ý.

Đáng lẽ các quan Tây làm với tinh thần khoa học thì nên lấy mẫu thuốc bằng lá rừng đem về phân chất, nghiên cứu, biết đâu không nhờ đó mà phát minh ra một thứ thuốc trị bệnh ôn dịch có kết quả hiệu nghiệm lạ lùng. Đằng này, các quan Tây chỉ sức cho các quan phủ huyện « cha mẹ dân » cấm dân đau đi xin thuốc và xét hỏi bắt bớ lung tung. Rốt cuộc, Thầy chùa Đá Bạc phải bỏ Chánh Danh vân du đến phương nào không ai rõ. Bọn tham quan ô lại hỏi đó được dịp xét nhà, bắt bớ những người tình nghi mà sách nhiễu hỏi lộ, khiến cho nhiều người phải thất thồ vong gia.

Việc đời cay đắng như thế đó. Dân sợ các quan còn hơn sợ ôn dịch. Nhà nước Bảo Hộ thì chỉ lo làm sao củng cố uy quyền thống trị, dân chết mặc dân. Việc cốt yếu của các quan Tây là ngăn cản tất cả những cái gì lôi cuốn được quần chúng, làm thuốc phước thiện cũng bị cấm vì biết đâu một khi đã chiếm được cảm tình của dân chúng thì nhà y sĩ bình dân kia lại không dùng số quần chúng ấy mà tranh đấu chính trị rồi khỏi nghĩa võ trang?

Dân Bình Định có truyền thống dụng võ oai hùng, những thứ chính quyền phi dân tộc, phi dân bản cứ liệu đề phòng trước là phải phép!...



## LỊCH TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH

1655—1658: Năm hiệu Thịnh Đức, Vĩnh Thọ đời vua Lê Thần Tông, chúa Hiền ở Nam Hà đem quân chiếm 7 huyện ở nam ngạn Lam Giang là Kỳ Hoa, Thạch Hà, Thiên Lộc, Nghi Xuân, La Sơn, Hương Sơn, Thanh Chương.

Tổ tiên của nhà Nguyễn Tây Sơn cũng như đa số trướng đinh, thuộc 7 huyện này di cư vào Nam, lập nghiệp ở ấp Tây Sơn phủ Qui Ninh (Qui Nhơn).

1753 : Nguyễn Huệ ra đời.

1771 : (Tân Mão) Tây Sơn khởi nghĩa.

1773 : Tây Sơn chiếm thành Qui Nhơn, mở rộng phạm vi thống trị đến Quảng Nam.

1774 : Tháng 9 năm Giáp Ngọ, tướng Trịnh là Hoàng Ngũ Phúc đem 3 vạn quân xâm chiếm Phú Xuân.

1775 : Quân Trịnh vượt Hải Vân Sơn vào Quảng Nam. Chúa Nguyễn (Duệ Tông) Định Vương chạy vào Gia Định, Nguyễn Nhạc được chúa Trịnh phong làm Tây Sơn hiệu trưởng.

- 1776 Tháng ba năm Bính Thân, Nguyễn Lữ đem thủy quân vào chiếm thành Gia Định, lấy hết lúa gạo rồi trở về Qui Nhơn Nguyễn Nhạc tự xưng Tây Sơn Vương.
- ★1777 Chúa Trịnh Sâm phong Nguyễn Nhạc làm Quảng Nam trấn thủ, Tuyền úy Đại sứ, Cung quận công. Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ vào Gia Định, đánh thắng chúa Nguyễn, giết Định Vương và Tân chính Vương.
- 1778 Nguyễn Nhạc xưng đế, đặt niên hiệu là Thái Đức, phong Nguyễn Huệ làm Long Nhương tướng quân.
- 1780 Nguyễn phúc Ánh nhờ thế lực Đỗ Thanh Nhân, xưng vương ở Gia Định,
- ★1782 Nguyễn Huệ đem hơn 100 chiến thuyền vào cửa Cần Giuộc, đánh đuổi Nguyễn phúc Ánh chạy ra đảo Phú Quốc.
- ★1783 Chúa Nguyễn cùng bảy tể là Châu Văn Tiếp đánh chiếm Gia định.  
Nguyễn Huệ lại vào Gia Định, đánh đuổi chúa Nguyễn chạy ra Phú Quốc. Tiến binh vây Phú Quốc chúa Nguyễn chạy ra Côn Sơn.
- ★1784 Tháng 2 năm Giáp Thìn, tướng Xiêm là Chắt Xi Đa sang Hà Tiên, mời Nguyễn Phúc Ánh sang Vọng Các bàn tính việc phục quốc. Tướng Xiêm là Chiêu Tăng, Chiêu Sương đem 300 chiến thuyền, 2 vạn quân sĩ sang Nam Kỳ giúp Nguyễn phúc Ánh bị Nguyễn Huệ đánh tan ở Rạch Gầm (tỉnh Định Tường)



1876 . Ngày 18 tháng 5 năm Bính Ngọ, Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ vâng mệnh vua Thái Đức, Xuất quân đánh chiếm Thuận Hóa.

Ngày 6 tháng 6 năm Bính Ngọ, quân Tây Sơn chiếm kho lương Vị Hoàng của quân Trịnh,

Ngày 20 tháng 6, Tây Sơn vào thành Hà Nội, cơ nghiệp chúa Trịnh diệt vong.

1887 . Long Nhượng tướng quân được vua Thái Đức phong làm Bắc Bình Vương.

Tháng 11 năm Đinh Mùi (1887) Vũ Văn Nhậm, rể vua Thái Đức, tướng dưới quyền Bắc Bình Vương đem quân ra Bắc Hà, đánh diệt Nguyễn Hữu Chỉnh.

Vua Lê Chiêu Thống chạy lên Bảo Lạc, bọn vong thần sang cầu cứu nhà Thanh.

☆ Tháng 11 năm Đinh Mùi Nguyễn Phúc Ánh từ Vọng Các trở về Hà Tiên, mưu việc khôi phục Gia Định do Đông Định Vương Nguyễn Lữ cai trị.

1788 : Tháng 7 năm Mậu Thân, quân Tây Sơn bỏ Hà Nội, rút lui về giữ núi Tam Điệp.

Ngày 21 tháng 11, tướng nhà Thanh là Tôn Sĩ Nghị xua quân vào Thăng Long.

Ngày 25 tháng 11, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng Đế, đặt niên hiệu là Quang Trung.

☆ Tháng 8, Nguyễn phúc Ánh chiếm thành Gia Định, tướng Tây Sơn là Phạm văn Tham về giữ Ba Giồng.

Ngày 20 tháng chạp, vua Quang Trung đem quân đến núi Tam Điệp cho quân Tây Sơn ăn Tết trước,

- 1787 : Ngày 30 tháng chạp năm Mậu Thân, quân Tây Sơn vượt sông Giản Thủy (Ninh Bình) tiến đánh quân Thanh.  
 Nửa đêm mùng 3 Tết Kỷ Dậu, quân Tây Sơn vây đồn Hà Hồi, bắt trọn lực lượng trấn thủ của quân Thanh.  
 Sáng sớm mùng 5 tháng giêng Tôn Sĩ Nghị bỏ chạy.  
 Khoảng giờ Thân, vua Quang-trung vào thành Thăng Long.  
 ☆ Phạm văn Tham kẹt đường, về Qui Nhơn không được tống thể phải hàng Chúa Nguyễn. Được ít lâu, bị Chúa Nguyễn tìm cơ giết hại.
- 1790 : Giả Vương Phạm công Trị (thay vua Quang Trung) đi sang triều cận vua Kiền Long.  
 (Ngày 12 tháng chạp năm Kỷ Dậu đến ải Nam Quang, ngày sau nhận sắc ấn « An Nam Quốc Vương » của triều Thanh phong cho)  
 ☆ Nguyễn Vương Phúc Ánh sai Lê văn Cầu, Võ Tánh, Nguyễn văn Thành ra đánh Bình Thuận.
- 1791 : Trần quang Diệu đóng quân ở Vạn Tượng. Tây Sơn thông sứ với Miến Điện.
- 1792 : Nhâm Tý. Ngày 29 tháng 7, vua Quang Trung băng.  
 ☆ Các tướng của Nguyễn Vương Phúc Ánh cùng với Dayot Vannier tiến đánh Qui Nhơn.
- 1793 : Vua Lê Chiêu Thống mất ở Yên Kinh.  
 ☆ Nguyễn Vương tiến đánh Nhatrang, Phú Yên, Qui Nhơn, Vua Thái Đức nhà Tây Sơn mất.  
 Con vua Thái Đức là Nguyễn Bảo chỉ được vua Cảnh Thịnh phong làm Tiều Triều, cho ăn lộc 1 huyện.

- 1798 : Tiều Triều Nguyễn Bảo định về hàng Nguyễn Vương Phúc Ánh. Cơ mưu bại lộ, bị vua Cảnh Thịnh giết.
- 1799 : Nguyễn Vương Phúc Ánh cử đại binh đi đánh Qui Nhơn. Giám mục Bá Đa Lộc tòng chinh, mất ở cửa Thị Nại, được phong Bì Nhu Quận Công.
- 1800 : Trần quang Diệu, Vũ văn Dũng vây thành Qui Nhơn do Võ Tánh và Ngô tùng Châu trấn giữ. Sứ thần Miến Điện do đường Hưng Hóa vào giao hảo với nhà Tây Sơn.
- 1801 : Nguyễn Vương đem binh cứu viện Qui Nhơn. Lê văn Duyệt phá được thủy trại của Vũ văn Dũng ở cửa Thị Nại.  
 ☆ Ngày 3 tháng 5 Tân Dậu, Nguyễn Vương Phúc Ánh thu phục kinh đô Phú Xuân. Vua Cảnh Thịnh chạy ra Bắc. Trần quang Diệu hạ thành Qui Nhơn.
- 1802 : Tháng 3 năm Nhâm Tuất, Trần quang Diệu, Vũ văn Dũng bỏ thành Qui Nhơn, dùng thượng đạo ra Nghệ an.  
 ☆ Tháng 5, Nguyễn Vương Phúc Ánh lên ngôi Hoàng Đế, đặt niên hiệu là Gia Long.  
 Tháng 6, quân của nhà Nguyễn gia Miếu tràn ra Bắc, nhà Nguyễn Tây Sơn diệt vong.
- 1839 : Nguyễn tri Phương, Doãn Uần, Võ xuân Cần thi hành phép quân điền ở Bình Định, lấy các ruộng đất của bọn cường hào, sung một nửa làm công điền, chia đều cho nhân dân.
- 1864 : Nguyễn văn Viện lập Hồng Tập làm minh chủ, mưu toan lật đổ vua Tự Đức để thiết lập một chính quyền sáng suốt hơn, đối phó với nạn ngoại xâm Tây Phương. Việc không thành Nguyễn văn Viện bị lăng trì xử tử.

- 1867 : Lập trường thi võ tiến sĩ ở Bình Định.
- 1885 : Những nghĩa sĩ Mai xuân Thưởng, Bùi Điền, Nguyễn trọng Trì khởi nghĩa chống Pháp.
- 1887 : Nghĩa quân thua tan. Mai xuân Thưởng tuấn quốc. Một số đồng chí chạy vào Phú Yên, chạy lên Tây Nguyên mai danh ẩn tích.
- 1898 : Võ Trứ, người Bình Định quy tụ một số tín đồ Phật Giáo và sơn dân Đồng Xuân khởi nghĩa ở Phú Yên.
- 1914 : Nhà Cách mạng Tăng Bạt Hổ phiêu bạt ở hải ngoại, muốn nhân cuộc Âu Chiến, mưu đồ khởi nghĩa, lén về nước, bị bắt giam ở Thừa Thiên và chết trong ngục.
- 1948-1952 : Nguyễn hữu Lộc, Đoàn đức Thoan, Võ minh Vinh, Tạ chương Phùng, Tạ chí Diệp và một số đồng chí tổ chức Mặt Trận Quốc Dân Bài Cộng. Năm 1950, tổ chức bị Việt Minh phá vỡ. Năm 1952, 3 liệt sĩ Nguyễn hữu Lộc, Đoàn đức Thoan, Võ minh Vinh bị giết ở Gò Rộng Trung Thành.
- 1950-1953 : Nguyễn hữu Thạnh, Đoàn thế Khuyến, Nguyễn quang Trứ (Lam Giang), Nguyễn hữu Thời, Hoàng công Định v.v., nhân danh Việt Nam Quốc Dân Đảng, xướng xuất việc bài Cộng. Tháng 9 năm 1953, Nguyễn hữu Thạnh, Đoàn thế Khuyến bị Việt Minh sát hại ở An Trường.

**Vijaya — Bình Định**

**Et**

**L'énergie virile de ses montagnes de l'Ouest**



**SẮC MỆNH CHỈ BẢO**

Cái ấn này rập trong đạo sắc của Phan-Huy-Ích (người làng Thụy khuê tổng Lại-sải, phủ Quốc oai, tỉnh Sơn-tây) do vua Quang-trung ngày 18 tháng 4 nhuận, hiệu Quang-trung thứ 5 (1792) gia-phong ; đặc tiến kim tử vinh lộc thượng đại-phu thị-trung ngự-sứ; Thụynham hầu, tư chính khanh thượng tự.

## Importance stratégique de Bình Định

Bình Định, la plus vaste province de la République du Sud Viêt Nam, était l'ancien vijaya du royaume du Champa. Ce fut vers Bình Định que les patriotes Chams se réfugièrent pour fonder de nouveau le Champa envahi par les troupes du Đại Việt vers l'an 982.

Le roi du Đại Việt victorieux—Lê Đại Hành, Lê, le Grand Marcheur— a réussi à investir la capitale chame d'Indrapura où périt le roi cham Paramesvaravarman après une résistance héroïque. Un métis Vietnamien chamisé du nom de Lưu Kỳ Tông réussit à ramasser les débris de l'armée chame et par une habile tactique de guérilla, stoppa l'avance ennemie.

Les chams transférèrent leur capitale dans la province de Bình Định, y bâtirent de nombreux tours dont la valeur architecturale et les ornements artistiques font encore l'admiration des connaisseurs modernes.

Grâce au vijaya le champa se remit de sa défaite et la puissance chame atteignit son apogée sous la dynastie de Po Binh Thour — le fameux Chê Bông Nga des annales Vietnamiennes.

En effet, cette province aux rizières fertiles, s'adosse à un vaste arrière pays formé de plateaux s'étendant jusqu'au MéKong. Les tribus montagnardes aguerries ont fourni des troupes de valeur à plus d'un roi qui sait gagner leur sympathie et leur allégeance. Les éléphants des Hauts plateaux domestiqués constituent une cavalerie lourde qui culbute aisément les hussards ennemis montés sur les chevaux les plus fougueux. La Cordillère Vietnamienne produit un cheptel nombreux :

buffles à demi-sauvages laissés en liberté dans les brousses, bœufs et chevaux gardés dans les ranchs.

Le vijaya passa sous la domination des Vietnamiens en 1471, les Chams durent se retirer dans le Panduranga, le royaume Đại Việt s'agrandit jusqu'au Grand Mont Đại Lãnh qui domine le cap Varella. Les rois Vietnamiens s'employèrent alors à peupler leur nouvelle conquête, les seigneurs Nguyễn de Huế continuèrent sagement cette politique, le vijaya fut nommé Qui Nhơn, appellation fort démocratique recélant un sens politique qui inspirait confiance aux paysans rudes et travailleurs. Qui Nhơn, Terre Promise au gouvernement humanitaire fut durant des siècles l'habitat préféré des émigrés du Nord, principalement ceux de Nghệ An et de Hà Tĩnh, chassés de leurs foyers par la misère.

Au XVII<sup>e</sup> siècle, (1655—1658) les seigneurs Nguyễn de la Cochinchine (Central Viêt Nam actuel) en guerre contre les seigneurs Trịnh du Tonkin, s'emparèrent des 7 districts de la rive sud du Fleuve Bleu (Lam Giang) et lors de leur retraite, se hâtèrent de transférer la population pour mettre en valeur les terres en friche de Qui Nhơn.

De cet exode mémorable naquit une nouvelle famille Nguyễn qui fournit à l'histoire du Viêt Nam son foudre de guerre le plus glorieux : Quang Trung, Lumière au zénith.

Les pistes des Hauts Plateaux furent employées du temps immémorial par les Indonésiens dans leurs expéditions militaires aussi bien que dans leurs relations pacifiques. Ce fut l'un des généraux de la dynastie des Tây Sơn, Trần Quang Diệu qui comprit l'importance stratégique de ces chemins rocaillieux, il s'appuya sur ancien tracé pour aménager une route Nord-Sud reliant les hautes terres de Bình Định aux hautes terres de Nghệ An à travers les plateaux granitiques du Laos. Cet artère vital avec ses ramifications multiples assura la marche mystérieuse des troupes Tây Sơn, considérées avec effroi par les soldats

des seigneurs Nguyễn et Trịnh comme « descendues du ciel ».

La route nationale N° 19 aujourd'hui bien macadamisée par les Américains, la route stratégique N° 14 dont les Français s'attribuaient à la gloire du tracé, la fameuse piste intitulée à tort par les journalistes étrangers Piste Hồ chí Minh, furent à l'origine l'oeuvre des généraux des Tây Sơn, surtout de Trần quang Diệu, homme de guerre magnanime, natif de Bình Định.

La province de Bình Định réputée par ses arts pugilistiques — boxe, escrime, équitation — fut l'unique province qui posséda en 1867 son centre de concours militaire des docteurs guerriers à l'égal de Huế, citadelle impériale et Hà Nội, l'ancienne capitale des dynasties Lý, Trần, Lê.

C'est dû peut être à son prestige historique que la province de Bình Định conserva approximativement toute son intégrité territoriale sous le gouvernement des Ngô qui s'amuserent à morceler les vastes provinces pour en créer de nouvelles attribuées à leurs zélés serviteurs !

Bình Định avec une superficie de 9540 km<sup>2</sup> et une population de 830.000 h. s'enorgueillit d'avoir produit des âmes bien nées qui ont toujours volé au secours de la patrie en danger.

## **II Figures d'héros des Temps modernes.**

Au cours de son existence plusieurs fois millénaires, le Viêt-Nam eut à repousser des invasions venues de son colossal voisin : la Chine.

Il est vrai que les guerres les plus implacables furent menées par les dynasties sinisées des Mongols et des Mandchous.



Au XIII<sup>e</sup> siècle, notre héros national Trần Hưng Đạo détruisit dans une bataille navale les troupes mongoles réputées invincibles. Notre victoire sur le fleuve Bạch Đằng enleva à Koubilai-Khan et à ses successeurs le goût des aventurières conquêtes dans le Sud lointain. Il est à noter que dans cette bataille décisive, les Vietnamiens eurent recours seulement à leur intrépidité patriotique sans être secourus par un typhon opportun, le célèbre KamiKazé des Japonais dans la Mer Jaune en 1281.

La victoire la plus fulgurante fut emportée en 1789 par le roi Quang Trung, originaire des montagnes de l'Ouest de Bình Định. Stratège de premier ordre, stupéfiant ses adversaires par la rapidité imprévisible de ses mouvements, du temps qu'il fut encore Général Dragon Volant — Long Nhương Tướng Quân — au service de son aîné, L'Empereur Sublime Vertu-Thái Đức — il a conquis toute la Basse Cochinchine, et en 1784, il détruisit toute la flotte du Siam sur un bras de Fleuve Antérieur, le Rạch Gầm près de Mỹ Tho. Par une campagne de 5 jours à l'occasion de la Fête du Tết de l'année Kỷ Dậu « 1789 » il défit totalement l'armée sino-mandchoue envoyée par l'Empereur Càn Long au secours du dernier roi des Lê, le pauvre Lê Chiêu Thống. L'armée du roi Tây Sơn forte de 100.000h, divisée en 5 groupes de combat, s'ébranla dans la nuit du 30<sup>e</sup> jour du 12<sup>e</sup> mois de l'année Mậu Thân, à la veille du Nouvel An. Toutes les places fortes des Sino-Mandchous furent enlevées rapidement, aucune nouvelle ne put être arrivée à Hà Nội où le général en chef ennemi, Tôn Sĩ Nghị, se livra aux jouissances orgiaques. Brusquement, au matin du quatrième jour du 1<sup>er</sup> mois il entendit tonner le canon, des incendies éclatèrent partout dans la citadelle, il ordonna à ses troupes de passer à la rive Nord du Fleuve Rouge. Le pont flottant fléchit sous le poids des soldats chinois : une formidable noyade s'ensuivit, les cadavres entassés barrèrent le cours du fleuve tumultueux. Le préfet de Diên Châu, Sầm Nghi Đống, cerné au mont Loa Sơn « plateau de Đống Đa », s'étrangla avec une simple corde pour

échapper à la honte d'un général vaincu. Le soir du 5<sup>e</sup> jour, sous la lumière dorée, le roi Quang Trung monté sur son cheval blanc, fit une entrée triomphale dans Hanoi. La nouvelle de sa victoire se répandit comme une trainée de poudre, les habitants de la Chine au-delà du Nam-Quan, pris de panique, s'enfuèrent dans les montagnes. À 50.kms de la frontière, les marches chinoises limitrophes du Việt Nam furent instantanément vides !... Il ne resta que quelques débris lamentables de l'armée sino-mandchoue forte jadis de 200.000h.

La victoire du 1789 est le plus beau triomphe du génie guerrier du peuple Vietnamien. « Il est tout naturel que les deux Việt Nam, le Nord et le Sud, frères ennemis s'attribuent à qui mieux mieux la gloire de se considérer comme les continuateurs des œuvres de Quang Trung, le plus pur et le plus noble défenseur de l'indépendance nationale »

## **Militants révolutionnaires**

Les gens de Bình Định ne s'illustrent guère ni dans le mandarinat des temps féodaux ni dans la bureaucratie des âges modernes ! Le milieu géographique ne produit pas des ronds-de-cuir !..,

Avant tout, les Binhđinhien se font remarquer par leur magnanimité et leur intrépidité au service de la patrie en danger. Ce fut pour cette raison que les rois de la dynastie des Nguyễn instituèrent des concours de docteurs guerriers dans cette province en 1867. Il s'agissait de recruter des défenseurs du royaume envahi par les Français qui avaient réussi à s'installer dans la Cochinchine en 1862. Les Binhđinhien luttèrent acharnément contre les envahisseurs.

En 1885, De Courcy s'empara de la Capitale : Huế tomba aux mains sanglantes d'un ennemi barbare et cupide,. Un jeune lettré de Bình Định, Mai Xuân Thưởng organisa la Résistance. Après deux années

de luttes inégales, les patriotes armés de lances, d'arbalètes et d'antiques arquebuses, durent se disperser devant les offensives d'un ennemi supérieur en nombre, doté d'un armement moderne.

Les survivants de la Résistance se réfugièrent au Laos, au Siam. Quelques uns se firent bonzes pour cacher leur identité. Võ Trú réussit ainsi à grouper les montagnards du district de Đồng Xuân (province de Phú-yên) marcha en 1898 sur la Résidence de Sông Cầu. Les Français avertis par des espions collaborateurs lui barrèrent le chemin; et après un combat infructueux, Võ Trú se retira dans le maquis avec ses acolytes les patriotes pratiquèrent la guérilla avec une audace surprenante. Pour en venir à bout, les Français détruisirent systématiquement les cultures des montagnards pour réduire les militants révolutionnaires par la famine.

Impuissants à reconquérir l'indépendance par leur propre force, quelques résistants s'expatrièrent. Le célèbre militant Tăng Bạt Hổ parcourut ainsi à travers l'Asie à la recherche d'un secours des puissances asiatiques. Il se rendit en Chine, au Siam, en Sibérie et finalement au Japon où il perfectionna ses connaissances militaires. Il revint au Viet-Nam en 1914 pour regrouper les anciennes forces révolutionnaires, il s'agissait de profiter des circonstances favorables créées par la guerre générale en Europe. La France s'épuisa devant l'invasion allemande. Malheureusement, au passage de Huế, Tăng Bạt Hổ fut arrêté par les espions, traîtres indigènes au service des Français. Dans son malheur, subissant les pires tortures, Tăng Bạt Hổ sut mourir en silence, sans dévoiler aucun secret de la Révolution...

Ainsi Tăng Bạt Hổ se rangea parmi les cadres les plus dévoués de l'Armée de la Reconquête de l'Indépendance du Việt Nam (Việt Nam Quang Phục Quân). Cette armée fondée en 1904 par le grand patriote Phan - Boi-Chau eut pour instructeurs deux fines lames de Binh Dinh : Voi Con et Đội Chương. Parmi leurs valeureux

disciples, il faut citer Nguyễn Thúc Đường qui s'illustra dans le soulèvement de Thái-Nguyên en Août-Sept 1917. Les révolutionnaires se rendirent maîtres de la province durant sept jours.

D'autres patriotes choisirent leur champ d'activités en Cochinchine, principalement dans les provinces frontalières proches du Cambodge pour pouvoir gagner le Siam en cas de danger. Un ancien militant royaliste, pur nationaliste le licencié en arts militaires Nguyễn Đa se fit vénérer par les élites de la jeunesse paysanne de Châu Đốc et de Hà Tiên. On voit encore aujourd'hui les vestiges de sa cour d'exercices de boxe et d'escrime sur le Núi cấm, région accidentée des Sept Monts pittoresques du Sud-Ouest cochinchinois.

Bình Định ne brille nullement par ses fonctionnaires bureaucrates mais l'ancien Vijaya ne cède à aucune province du Việt Nam l'honneur de fournir des hommes de talent dévoués à la Grande cause.

Il est à remarquer que le beau sexe de Bình Định possède aussi des vertus guerrières. Une chanson populaire célèbre les hauts faits de Bùi thị Xuân, femme du fameux général Trần Quang Diệu de la dynastie des Tây Sơn. Aujourd'hui encore, il n'est pas rare de trouver quelques gentilles fillettes qui terrassent en un clin d'œil les garçons turbulents.

«Si vous voulez voir quelque chose digne d'intérêt, venez à Bình Định pour voir les jeunes filles qui s'escriment avec leur fleuret,» ainsi chantonnent les paysans vietnamiens, admirateurs de Bình Định, terre génératrice d'énergie virile.

La province de Phước Tuy avec sa belle rade et son cap dénommé Cap Saint Jacques par les Français, fut mise en valeur à la fin du XVIII<sup>e</sup> siècle par Bà Rịa, une paysanne de Bình Định. Cette région sauvage fut longtemps disputée entre le Champa et le Chen La (ancien nom du Cambodge). Elle fut laissée en friches. La brave Bà Rịa groupa les paysans ruinés par la guerre; elle les transforma en pionniers de l'Est. On perpétue sa mémoire par un petit pagodon au bord de la route

de Long Hải, et les gens du pays racontent respectueusement l'histoire de l'Aieule, la bienfaitrice.

Aujourd'hui comme toujours, Binh Dinh débordé d'énergie, les Binh Dinhien fournissent les principaux contingents pour peupler et défricher les plateaux de Pleiku et de Kontum.

### **La lutte anti - communiste.**

Du col des Nuages au Cap Varella s'étendent les quatre provinces dénommées au abrégé Nam Ngãi Bình Phú. Pendant la guerre d'Indochine de 1945 — 1954, les Việt Minh communistes cramponnèrent à cette 5e inter-zone (Liên khu 5) pour se ravitailler et recruter ses meilleurs soldats. Pour un grand nombre de paysans il fallait régler d'abord le compte des colonialistes, on verra ensuite ce qu'il faudra faire avec les Rouges. Ce fut dans la province de Binh-dinh que les Việt-Minh placèrent leur centre d'administration civile et d'organisation militaire. Les communistes prêchèrent la Résistance tout en montant soigneusement les rouages de leur dictature.

Les nationalités de Binh-Dinh et de toute la Cinquième inter - zone ne furent nullement dupes des machinations diaboliques de nos bolcheviks locaux ! Binh-Dinh se plaça à l'avant garde d'un vaste mouvement anti communiste qui ébranla sérieusement le prestige des rouges qui accaparèrent à leur bon plaisir le titre de révolutionnaires véridiques.

Le mouvement national anti communiste débuta à Binh Dinh en 1948 il réunit un grand nombre d'intellectuels parmi lesquels on pouvait compter Nguyễn-Hữu-Lộc Đoàn-Đức-Thoan Võ-Minh-Vinh les chefs Jeunes et un vieux révolutionnaire le licencié-ès-lettres, Tạ Chương Phùng. Les prêtres catholiques et les

bonzes bouddhistes adhèrent au mouvement qui décida d'employer la force pour renverser le 'gouvernement exécrationnel' des Việt Minh. On envoya des émissaires à Huế et à Nha Trang pour demander le secours des forces royalistes. On dut voyager à pied, se confier au loyalisme des guides. Pour les voies maritimes, on ne disposa que de minuscules jonques ou de simples barques. Le secret des voyages fut éventé par la maladresse de quelques compagnons bavards. Les espions communistes réussirent à capturer quelques fuyards, les réseaux d'organisation furent détruits, plus d'un millier de personnes furent incarcérés. Les Việt-Minh en profitèrent pour emprisonner tous les suspects ou plus simplement tous ceux qui n'acclamèrent pas assez chaleureusement la politique de l'Oncle Hồ !... En 1952, les leaders anti-communistes furent fusillés. Nguyễn Hữu Lộc, Đoàn Đức Thoan Võ minh Vinh furent enterrés à Gò Rộng, distant du chef-lieu du district de Phú Mỹ de 3 Kilomètres à l'Est.

Entre-temps, le Parti Nationaliste du Việt Nam, le Việt Nam Quốc Dân Đảng, s'organisa audacieusement sous la conduite d'autres chefs valeureux tels que Đoàn Thế Khuyển, Nguyễn Hữu Thạnh. En septembre 1953 ce fut le tour de ces deux militants de payer de leur vie leur courage politique. Les chefs survivants condamnés aux lourdes peines de travaux forcés ne furent libérés qu'après la signature des accords de Genève.

Avec des preuves historiques irréfutables, nous pouvons affirmer à haute voix que Bình Định ne manque ni d'ardeur patriotique, ni de vaillance combative. Il est regrettable que dans la lutte sans merci contre les guerillas communistes, les gouvernements s'intitulant nationalistes du Sud Việt Nam ne surent pas employer les militants anti-communistes de Bình Định leur confier des tâches dignes de leur valeur.



# MUC-LUC

trang

— Vị trí chiến lược quan trọng của Bình Định	4—8
— Trường Sơn Thượng Vận	9—18
— Thao lược hành binh và Thượng đạo	19—29
— Con đường mở nước: Nam tiến và Tây tiến	30—35
— Đồ Bàn Thành và một cuộc tiếp xúc ngoại giao	36—38
— Quang Trung và chiến thuật thần tốc	39—43
— Phương lược của Tây Sơn	45—48
— Danh Sơn Bình Định	49—55
— Đặc điểm của nhân tài Bình Định	56—62
— Mai Xuân Thưởng	63—69
— Tăng Bạt Hổ	70—77
— Võ Trừ và cuộc khởi nghĩa Phù Yên	78—80
— 3 võ sư Siêu việt	81—85
— Một nữ kiệt khải hoang	86—93
— Lịch Tây Sơn — Bình Định	95—100
— Phụ bản Pháp Văn	101—110
— Mục Lục	111

**HÙNG-KHÍ TÂY-SƠN**

Ấn lượng 2000 cuốn

ĐỨC - PHỔ ẨM QUÁN

*Ghi ơn các thân hữu*

**N . V . A — L . H . C**

QUI-NHON — CAM-RANH

BẠN YÊU THƠ , NGƯỜI KHẢO  
CỨU VĂN-HỌC CẦN TÌM ĐỌC

**HỒN THƠ NƯỚC VIỆT, THÊ KỸ XX**

LAM GIANG và VŨ TIẾN PHÚC

ĐÃ PHÁT HÀNH TRÊN TOÀN QUỐC

**Giá 70 đồng**